

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN BA BÈ
1930 - 1954

THE
LIBRARY OF
THE
MUSEUM OF
ART AND HISTORY
NEW YORK

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN BA BÈ
1930 - 1954**

**HUYỆN ỦY BA BÈ
XUẤT BẢN NĂM 1998**

Chỉ đạo biên soạn:

Ban Thường vụ Huyện ủy

Chịu trách nhiệm xuất bản:

DƯƠNG VĂN SÔNG

Bí thư Huyện ủy

Biên soạn:

PTS. HOÀNG NGỌC LA

Khai thác, sưu tầm tư liệu:

HOÀNG VĂN PHONG

HOÀNG THẮNG BẮC



- Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người chỉ đạo thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Chợ Rã, ngày 30-3-1945



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 1997

Thân ái gửi Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và đồng bào các dân tộc huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Nhân dịp địa phương biên soạn cuốn sử cách mạng của huyện Ba Bể, các đồng chí đề nghị tôi viết mấy lời với đồng bào các dân tộc.

Châu Chợ Rã nay là Ba Bể, nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc anh em: Tày, Dao, H'Mông, Kinh, Sán Chỉ, Nùng, có truyền thống chống ngoại xâm oanh liệt. Lịch sử còn ghi lại đảo An Mã có mộ 7 tướng quân Nhà Mạc chống quân thù.

Châu Chợ Rã là một địa phương của tỉnh Bắc Kạn sớm có phong trào Việt Minh rộng lớn trong đồng bào các dân tộc.

Chợ Rã còn có thắng cảnh tuyệt vời hồ Ba Bể, có tiềm năng du lịch lớn, là một di tích lịch sử cần tôn tạo và bảo vệ.

Năm 1942, theo chỉ thị của Bác Hồ, tôi đến Nguyên Bình củng cố và phát triển phong trào Việt Minh mở rộng căn cứ Cao - Bắc - Lạng; đồng thời mở con đường Nam tiến, tiến về Thái Nguyên. Chẳng bao lâu phong trào phát triển sang Ngân Sơn và sau đó mở rộng ra các xã phía đông Chợ Rã như Hà Hiệu, Bành Trạch, Phúc Lộc... Năm 1943, các đoàn Nam tiến và Tây tiến

đều xuất phát từ Nguyên Bình tiến qua Chợ Rã xây dựng cơ sở Việt Minh trong đồng bào các dân tộc.

Thượng tuần tháng 03 năm 1945, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã tiến vào địa phận châu lị Chợ Rã.

Ngày 14 tháng 03 năm 1945, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân vào châu lị Chợ Rã được đồng bào nhiệt liệt hoan nghênh. Nhiều thanh niên ở châu lị và các xã lân cận đã tham gia Quân giải phóng.

Ngày 30 tháng 03 năm 1945, trước sự chuyển biến tình hình, tôi quyết định cho thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời châu Chợ Rã. Ủy ban nhân dân ra mắt nhân dân trong một cuộc mít tinh trọng thể ở châu lị. Đây là chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên trong cao trào khởi nghĩa kháng Nhật cứu nước 1945.

Từ tháng 4 năm 1945 đến 20 tháng 8 năm 1945, lực lượng vũ trang nhân dân các dân tộc châu Chợ Rã đã ba lần đánh bại quân đội phát xít Nhật tấn công muốn chiếm lại Chợ Rã để chốt giữ sâu trong vùng giải phóng của ta.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc châu Chợ Rã đã góp phần đánh bại quân Pháp tiến công căn cứ địa Việt Bắc, bảo vệ tốt các cơ quan Trung ương và tỉnh, trong đó có Đài Tiếng nói Việt Nam đặt ở Ba Bể, góp phần xứng đáng vào chiến thắng Việt Bắc mùa đông năm 1947.

Một thành tích nổi bật nữa của Chợ Rã là đã đấu tranh chống phi suất 6 năm trời, làm tan rã hoàn toàn nạn thổ phỉ vào tháng 11 năm 1953.

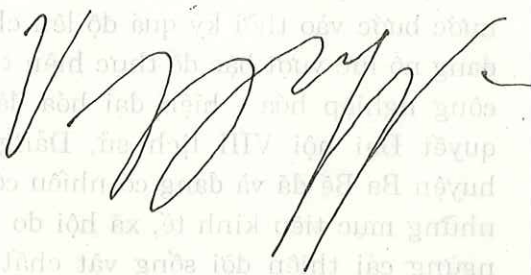
Trong kháng chiến chống Mỹ, Chợ Rã đã tích cực chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, làm tốt nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

Ngày nay, sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân năm 1975, Tổ quốc ta hoàn toàn độc lập thống nhất, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đang nỗ lực vượt bậc để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước theo Nghị quyết Đại hội VIII lịch sử, Đảng bộ và nhân dân huyện Ba Bể đã và đang có nhiều cố gắng hoàn thành những mục tiêu kinh tế, xã hội do Đảng đề ra, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc.

Tôi mong rằng Đảng bộ và đồng bào các dân tộc huyện Ba Bể tăng cường đoàn kết, năng động đổi mới, hăng hái tiến lên; động viên đồng bào các dân tộc kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, cải tiến cơ cấu cây trồng và vật nuôi; chú trọng phát triển giao thông, thông tin, điện, trạm y tế - đặc biệt chú trọng xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, xây dựng cho được trường nội trú; bảo vệ và tôn tạo hồ Ba Bể là nơi du lịch nổi tiếng; nêu cao tinh thần tự lực tiến lên và học tập kinh nghiệm mô hình kinh tế - xã hội thành công ở các địa phương bạn. Ra sức xây dựng quê

hương trở thành một huyện giàu đẹp, văn minh, tiến bộ, nhân dân các dân tộc ấm no, tự do, hạnh phúc; phấn đấu tiến kịp miền xuôi, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của căn cứ địa Việt Bắc và của dân tộc Việt Nam, đáp ứng lòng mong ước của Bác Hồ.

Chào thân ái và quyết thắng



Đại tướng: Võ Nguyên Giáp

LỜI GIỚI THIỆU

Đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể, tại cuộc họp ngày 8-3-1995, Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Bể ra Nghị quyết số 193-NQ/HU biên soạn cuốn "*Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể, 1930 - 1954*", nhằm dựng lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám và trong Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể luôn tự hào về truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của quê hương. Trong thời kỳ vận động Cách mạng Tháng Tám, Ba Bể là một trong những huyện có cơ sở, phong trào cách mạng sớm, là huyện thành lập được chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn, Ba Bể đã đập tan các cuộc tiến công của phát xít Nhật vào vùng giải phóng, giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ an toàn cuộc hành trình của lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Cao Bằng qua Ba Bể về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) để chỉ đạo cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Đảng bộ Ba

Bể ra đời đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc kháng chiến kiến quốc của Đảng; bảo vệ và giải phóng quê hương, đập tan các cuộc hành quân xâm lược của thực dân Pháp, góp phần vào giải phóng Bắc Kạn; là hậu phương kháng chiến, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc Ba Bể tiến hành cuộc vận động tiêu phi, củng cố chính quyền, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, ra sức đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến của dân tộc đi đến thắng lợi.

Phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng của mình, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể ra sức xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, đóng góp sức người, sức của vào thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể đã và đang nỗ lực phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trên nửa thế kỷ đã trôi qua, với bao biến cố lịch sử, tài liệu bị mất mát, thất lạc, nên việc nghiên cứu biên soạn gặp không ít khó khăn. Dựa vào các tư liệu còn lưu trữ được và các hồi ký cách mạng, thông qua các cuộc tọa đàm các nhân chứng lịch sử, cho phép Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành chỉ đạo biên soạn và xuất bản cuốn lịch sử này.

Trong quá trình tiến hành sưu tầm tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Bể luôn

nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy Cao Bằng và tiếp đó là Tỉnh ủy Bắc Kạn; sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, các đồng chí lão thành cách mạng, đồng bào các dân tộc và tác giả biên soạn cuốn lịch sử này, Ban Thường vụ Huyện ủy chân thành cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ quý báu đó.

Mặc dù Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo sát sao, trong tiến trình thực hiện cán bộ biên soạn nêu cao tinh thần trách nhiệm, song trong điều kiện tư liệu phân tán, sẽ làm cho cuốn lịch sử không tránh được khiếm khuyết, rất mong các đồng chí, đồng bào cùng bạn đọc cung cấp tư liệu, đóng góp ý kiến để cho cuốn lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể thêm hoàn chỉnh.

Ba Bể, tháng 11 năm 1998
BCH. ĐẢNG BỘ HUYỆN BA BỂ
Bí thư
Dương Văn Sông

đang bắt đầu... của... ở...
... là... để...
... của...
... của...
... của...

Một...
...
...
...
...
...
...
...
...
...

Hà Nội tháng 11 năm 1957
BỘ TƯ LỆNH BỘ QUẢN LÝ VĂN HÓA
Hà Nội
Trần Văn Tông

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

BA BỂ - QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

"Bắc Kạn có suối dài vàng

Có hồ Ba Bể, có nàng áo xanh"

Vị trí huyện Ba Bể ở vào phía bắc tỉnh Bắc Kạn, phía bắc giáp Bảo Lạc (Cao Bằng), phía nam giáp Bạch Thông, phía đông giáp Ngân Sơn, Nguyên Bình (Cao Bằng), phía tây giáp Nà Hang (Tuyên Quang) và Chợ Đồn.

Địa phận Ba Bể ngày nay, thời Lý thuộc đất huyện Vĩnh Thông. Thời Lê, huyện Ba Bể kể cả vùng đất huyện Chợ Đồn, Bạch Thông đều nằm ở châu Bạch Thông thuộc phủ Thông Hóa.

Thị trấn Chợ Rã là huyện lỵ Ba Bể, đồng bào địa phương gọi là Chợ Slo. Tên gọi Chợ Rã xuất hiện sớm trong lịch sử, được nêu lên trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi và sau đó nêu ở *Đại Nam nhất thống chí*,

độ cao từ 500 - 1000 mét so với mặt biển, Ba Bể có đủ nhiệt độ, nắng, mưa... thích hợp cho sự phát triển của động vật, thực vật. Vùng hồ Ba Bể và sườn núi Phja Bjoóc gần như mát mẻ quanh năm. Tuy vậy đôi lúc khí hậu, thời tiết cũng rất khắc nghiệt. Mùa đông ở Ba Bể thường có sương muối, băng giá hoặc có những đợt mưa phùn, gió bắc kéo dài không có lợi cho sự sinh trưởng của động, thực vật, ảnh hưởng tới hoạt động, sức khỏe con người. Mùa mưa nhiều xã ven sông Năng thường bị ngập lụt.

Từ xa xưa, con người đã có mặt ở Ba Bể, ngày nay còn lưu truyền trong nhân dân các truyền thuyết lịch sử như gò Gia Mải (gò Bà Góa), Pú Lương quân, Chín chúa tranh vua, phản ánh sự có mặt và khai phá của một bộ phận cư dân nông nghiệp trồng lúa nước ở vùng này và mối quan hệ của họ trong liên minh bộ lạc mà Cao Bằng là trung tâm do Thục Phán làm thủ lĩnh. Có lẽ vì thế, vùng Bắc Kạn ngày nay nằm trên con đường tiến công của Thục Phán về Hạch Hạc, Việt Trì, đánh đổ triều đại Vua Hùng lập nên Nhà nước Âu Lạc bao gồm lãnh thổ Văn Lang và Âu Việt.

Ba Bể trong lịch sử từng là địa bàn hoạt động của Nùng Trí Cao trong đấu tranh chống Tống. Tương truyền ở An Mã có 7 mộ tướng nhà Mạc xưa từng lập căn cứ ở nơi đây. Trong những năm 1833 - 1835, Ba Bể còn là căn cứ và bàn đạp tiến công của quân khởi nghĩa Nùng Văn Vân chống ách thống trị của nhà Nguyễn.

Ngày nay, Ba Bể là nơi hội tụ, sinh sống của bảy dân tộc với tổng số dân hơn 67.000 người, mật độ trung bình 65 người trên 1km². Đồng bào Tày đông hơn cả, chiếm tỷ lệ 57,6% dân số, sống tập trung thành làng bản trong các thung lũng lòng chảo, lòng máng hoặc dọc theo hai bờ sông, suối. Có bản đông tới vài chục nóc nhà, cũng có bản chỉ có vài ba nếp nhà đơn sơ dựng bên sườn núi. Ở nhà sàn cho tới nay vẫn là truyền thống của đồng bào. Tại một số địa phương như Nghiên Loan, đồng bào vẫn còn giữ được đặc trưng của nếp nhà sàn cổ xưa¹. Mặc dù vậy, ở những vùng tiếp cận với thị trấn và các chợ như Phố Cũ (Chợ Cẩu), xã Hà Hiệu nhiều hộ đã bỏ nhà sàn, chuyển sang ở nhà đất, trong đó một số gia đình khá giả có nhà xây. Đồng bào Tày làm ruộng lúa nước là chính, ngoài ra còn trồng ngô và các hoa màu khác ở soi bãi.

Đồng bào Nùng chiếm 8% tổng số dân trong huyện, sống rải rác ở các thung lũng, soi bãi hoặc xen kẽ trong các làng bản người Tày, làm nghề nông như người Tày.

Dân tộc Dao có số dân đứng thứ hai sau người Tày, chiếm tỷ lệ 18%. Người H'Mông chiếm tỷ lệ khoảng hơn nửa số dân người Dao. Ít nhất là dân tộc Sán Chỉ

1. Xem *Văn hóa dân gian Tày*, mã số B91-26-04, Hoàng Ngọc La chủ nhiệm đề tài, lưu trữ tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, tr.97-106.

chiếm tỷ lệ 1,3% tổng số dân trong huyện. Người Dao và H'Mông sinh sống chủ yếu ở vùng núi cao, làng bản thưa thớt, nhà cửa đơn sơ. Địa bàn sinh sống tập trung của đồng bào là quanh chân núi Phja Bjoóc với phương thức du canh du cư, phát nương làm rẫy, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu. Ngày nay, Đảng bộ, chính quyền địa phương đang từng bước giải quyết, ổn định đời sống của đồng bào, xóa bỏ nạn phá rừng. Với đồng bào Sán Chỉ, họ sống trong các thung lũng, sườn đồi làm nghề nông như đồng bào các dân tộc Tày, Nùng.

Đồng bào Kinh sống tập trung chủ yếu là ở thị trấn, số đông làm nghề buôn bán. Trước đây, nền kinh tế tự nhiên giữ vai trò khá quan trọng, đồng bào tiến hành săn bắt, hái lượm các sản vật tự nhiên bổ sung các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi làm nên bữa ăn hàng ngày.

Nền kinh tế tự túc, tự cấp tồn tại bền bỉ trong xã hội miền núi. Ngoài trồng lúa, ngô, đồng bào còn trồng khoai, sắn, bầu, bí, các loại đỗ, nhất là đỗ xanh. Nhà nào cũng có một vườn chuối và một số cây ăn quả: cam, quýt, mận, hồng...

Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển nhất trong đồng bào Tày, Nùng như trâu, bò, ngựa, gà, vịt, ngan, ngỗng... Trước kia, đồng bào còn nuôi chim cốc để bắt cá trên sông, hồ, nuôi chó để săn bắt thú, phổ biến là nuôi mèo để bắt chuột, bảo vệ mùa màng. Nghề thả cá ruộng nay bị mai một, một số gia đình hiện nay chủ yếu nuôi cá ở ao.

Các nghề thủ công gia đình phát triển, nhất là dệt vải khổ hẹp, dệt thổ cẩm. Phụ nữ các dân tộc Ba Bể có nhiều kinh nghiệm và kiên nhẫn trong việc trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm chàm, pha màu sợi thổ cẩm. Nam giới giỏi các nghề mộc (đục đẽo cột nhà, làm cung nỏ, thuyền độc mộc, khung dệt vải, giường nước, cày bừa) và cả đan lát, nghề rèn phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

Nam giới trong các dân tộc không những chế tạo được cung nỏ, súng kíp, thuốc súng mà còn sử dụng thông thạo các loại vũ khí này để săn bắt, bảo vệ mùa màng và chống giặc.

Ba Bể là huyện sớm xuất hiện các nghề làm gạch, ngói, đá mộc, nung vôi. Ngày nay còn để lại tên gọi cả một làng nghề là làng Thạch Ngõa và ruộng Ngõa là nơi lấy đất làm gạch ngói.

Nhiều nghề thủ công nay bị mai một trước sự phát triển của khoa học, công nghệ và vật liệu mới. Nghề gạch, ngói, trồng bông dệt vải là những nghề truyền thống vẫn phát triển, sản phẩm làm ra được nhiều người ưa chuộng.

Nền kinh tế tự túc tự cấp trong nhân dân khép kín quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng, ngăn cản kinh tế hàng hóa phát triển, nhưng trong cách mạng và kháng chiến, nó đáp ứng được yêu cầu hậu cần tại chỗ.

Trên lĩnh vực văn hóa tinh thần, cho tới nay các dân tộc Ba Bể vẫn bảo tồn được nhiều yếu tố văn hóa

đặc sắc của dân tộc mình được thể hiện trong bộ trang phục và các hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của cộng đồng.

Đồng bào các dân tộc thờ tổ tiên là chính, có một số ít theo đạo Phật (quy chùa). Ở Phố Cũ, xã Thượng Giáo nay còn di tích nhà chùa (gồm một bia đá và một góc sân chùa) cho thấy chùa được khởi công xây dựng ngày 2 tháng Chạp năm Thành Thái thứ 15 (1903). Việc tôn sùng đạo Phật hay đạo Giáo trong nhân dân chủ yếu là được kết hợp với các tín ngưỡng dân gian.

Lễ hội "lồng tồng" (xuống đồng) của các dân tộc Tày, Nùng vào dịp đầu xuân là để tiến hành các nghi lễ cầu mùa màng, cầu thần nông và các vị thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hòa, vạn vật sinh sôi nảy nở, mùa màng tốt tươi, muôn dân hạnh phúc. Hội "xuống đồng" còn là một hình thức sinh hoạt văn hóa của cộng đồng với nhiều trò chơi sôi động mang tinh thần thượng võ: tung còn, kéo co, đấu vật...

Dân tộc nào cũng có một hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần riêng biệt. Đồng bào Dao hay hát mường. Trai gái H'Mông không thể thiếu được thổi khèn, múa khèn trong các ngày hội, xuống núi họp chợ. Nam nữ thanh niên Tày, Nùng hay hát Sli, hát lượn, đối đáp, tỏ tình, ước thử lòng nhau trong các sinh hoạt cộng đồng: họp chợ, lễ hội, cưới xin... Ba Bể có làn điệu lượn cọi nổi tiếng ở phía bắc tỉnh Bắc Kạn, có sức truyền cảm mạnh mẽ. Đồng bào Tày, Nùng còn có cả một kho tàng thơ ca hết sức phong phú, giàu chất dân

gian. Thơ được đồng bào ưa thích và được dùng phổ biến là thơ đưa dâu, đón rể trong ngày cưới.

Nổi lên là sự chung đúc trong mối quan hệ gắn bó cộng đồng việc làng, việc nước có nhau, từ việc nhà cửa tới việc ma chay, cưới xin, làm phai, đắp đập, khơi mương, cấy lúa (bãi nà), làm cốm... Đồng bào sống thuần phác, chân thành, hào hiệp, mến khách, kính già, yêu trẻ, có tinh thần tương thân, tương ái, thường thăm hỏi, giúp đỡ, tặng quà cho những người họ hàng hay làng xóm gặp hoàn cảnh khó khăn, đau ốm, chị em đến kỳ sinh nở, trẻ sơ sinh đầy tháng. Dân tộc nào cũng hăng hái tham gia các sinh hoạt cộng đồng, hay kết bạn, giữ mãi tình anh em họ hàng đến năm, bảy đời.

Có thể nói trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, sinh sống ở trên mảnh đất thiên nhiên vừa ưu ái, vừa khắc nghiệt, lại kề sát vùng biên cương Tổ quốc, nhân dân các dân tộc Ba Bể đã sớm hình thành cho mình truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, bản sắc văn hóa độc đáo, tạo nên những giá trị văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần cho mỗi dân tộc và của cả cộng đồng. Đó chính là cơ sở nảy sinh và hình thành truyền thống đoàn kết đấu tranh kiên cường, bất khuất của các dân tộc trong dựng nước và giữ nước.

Ngay từ khi thành lập tỉnh Bắc Kạn, cùng đồng thời với việc hình thành bộ máy thống trị cấp tỉnh, thực dân Pháp thiết lập chính quyền tay sai cấp huyện và xã. Với Ba Bể, chúng chia thành 5 tổng:

Giáo Hiệu, Hà Hiệu, Thượng Giáo, Nam Mão và Quảng Khê với 25 xã, 27 thôn. Chia để trị là chính sách cổ truyền của thực dân Pháp. Để tăng cường sự thống trị đến các thôn, xóm hẻo lánh của đồng bào Dao, bên cạnh bộ máy thống trị chung cho tất cả các dân tộc như tri châu, chánh tổng, lý trưởng, thực dân Pháp còn đặt thêm bộ máy thống trị dành riêng cho đồng bào Dao như chánh, phó quản chiểu, chánh, phó tổng, động trưởng. Bằng thủ đoạn này, thực dân Pháp lừa bịp người Dao về ân huệ của nước bảo hộ. Thực tế người Dao phải chịu đè nén chông chất của hai thứ chính quyền thống trị và bị phân biệt đối xử tàn tệ.

Thực dân Pháp và bọn tay sai còn cố tình dựng lên những câu chuyện xằng bậy nhằm gây chia rẽ, miệt thị, ngờ vực giữa các dân tộc, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất của nhân dân ta.

Để kim kẹp, thống trị dân ta, một huyện nhỏ như Ba Bể, thực dân Pháp cũng đặt hai đồn binh gồm đồn khố xanh ở huyện lỵ và đồn bang tá ở Pác Nặm. Hai đồn trên liên kết với các đồn Phủ Thông (Bạch Thông), Kéo Lẻng (Bằng Khẩu, Ngân Sơn) tạo thành hệ thống đồn bốt vây lấy Ba Bể.

Ngoài thuế khóa nặng nề, thực dân Pháp và bè lũ tay sai còn bắt dân ta đi phu phen, tạp dịch để xây dựng đồn bốt, làm đường, làm nhà nghỉ mát cho chúng ở hồ Ba Bể.

Nhằm để bề bốt lột nhân dân các dân tộc, Pháp ra sức kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội ở Ba Bể.

Cả huyện không có đến một cơ sở khám chữa bệnh cho nhân dân ngoài một phòng phát thuốc, một trạm điện tín đặt ở huyện lỵ để phục vụ cho nền thống trị của chúng. Trường học không được mở mang, cả huyện chỉ có một trường học từ lớp một đến lớp ba, đa số nhân dân sống trong tình trạng mù chữ. Ngược lại, chúng cố tình duy trì các tập tục lạc hậu như nạn tảo hôn, thách cưới nặng nề cùng các tệ nạn xã hội khác như cờ bạc, nghiện hút làm suy kiệt giống nòi của dân tộc ta.

Ngày nay, dưới chế độ xã hội mới, sau hơn 50 năm đấu tranh và xây dựng, Ba Bể đã có nhiều đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nền kinh tế - xã hội của địa phương không ngừng phát triển, đời sống nhân dân ổn định, đang từng ngày được nâng cao.

Trên nửa thế kỷ về trước, không chịu nổi sự đè nén bóc lột của bọn thực dân và bè lũ tay sai, nhiều cuộc đấu tranh chống phu, chống thuế của nhân dân đã nổ ra, tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh chống đi phu làm đường từ huyện lỵ đến hồ Ba Bể năm 1940. Song, vì tự phát, các cuộc đấu tranh của nhân dân cuối cùng đều bị thực dân Pháp khủng bố và làm thất bại.

CHƯƠNG I

BA BỂ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1930 - 1945)

I. BA BỂ TRONG PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở VIỆT BẮC

Do vị trí có tầm chiến lược của Việt Bắc, nên trong quá trình vận động cách mạng, Đảng ta hết sức chú ý đến việc xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng ở Việt Bắc. Trong những năm 1930 - 1935, được sự quan tâm của Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng, cơ sở đảng đã được xây dựng ở các huyện Hòa An, Nguyên Bình, Hà Quảng, Quảng Uyên... (Cao Bằng).

Năm 1935, tại Đại hội Đảng lần thứ I ở Ma Cao (Trung Quốc), trong khi đề ra chủ trương tiếp tục củng cố và phục hồi phong trào cách mạng trong cả nước, Đại hội nhấn mạnh việc xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng trong đồng bào các dân tộc ở miền núi. Vì thế, từ năm 1935 đến năm 1940, nhiều tổ chức cơ sở đảng được xây dựng ở Đại Từ (Thái

Nguyên), Bắc Sơn (Lạng Sơn), Võ Nhai (Thái Nguyên) và mỏ than Tuyên Quang.

Tỉnh Bắc Kạn nằm sâu trong khu Việt Bắc như một nhịp cầu thông thương giữa Cao Bằng với Thái Nguyên và Tuyên Quang, song kể từ khi Đảng ra đời (1930) cho tới cuối năm 1941, ngọn lửa cách mạng vẫn chưa tỏa sáng được ở vùng này. Trong phong trào yêu nước, dân chủ, chịu ảnh hưởng của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do lãnh tụ Hồ Chí Minh sáng lập (1925), một số thanh niên yêu nước ở Việt Bắc trong đó có đồng chí Hoàng Đình Giông đã đến mỏ kềm Chợ Điền (Bản Thi, Chợ Đồn, Bắc Kạn) vào năm 1927 để tuyên truyền cách mạng trong giai cấp công nhân, nhưng bị địch kiểm soát gắt gao nên chưa xây dựng được cơ sở. Đồng chí trở lại Cao Bằng, ít lâu sau sang Trung Quốc gia nhập tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội¹.

Trong phong trào vận động dân chủ 1936 - 1939, Ba Bể đã có độc giả của báo *Tin tức*, mặc dù vậy, ảnh hưởng cách mạng còn hết sức hạn chế trong nhân dân².

Bước vào thời kỳ vận động giải phóng dân tộc (1939 - 1945), phong trào cách mạng các tỉnh xung

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Đời hoạt động cách mạng của đồng chí Hoàng Đình Giông*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Cao Bằng xuất bản, 1984, tr.18.

2. Chi Sầm liên hệ mua được báo *Tin tức*, sử dụng công khai nhưng chưa có cán bộ đến để tuyên truyền vận động trong quần chúng.

quanh dội mạnh ảnh hưởng vào Bắc Kạn. Tác động lớn nhất là sự kiện Cứu quốc quân rút từ căn cứ Bắc Sơn (Lạng Sơn) qua Na Rì, Ngân Sơn (Bắc Kạn) để lên biên giới Việt - Trung (tháng 8 - 1941). Do bị lộ, thực dân Pháp và tay sai ra sức bủa vây, phục kích gây tổn thất lớn cho Cứu quốc quân. Đồng thời, chúng ra sức xuyên tạc gọi Cứu quốc quân là "giặc cỏ", song đồng bào các dân tộc Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã... vẫn khâm phục tinh thần anh dũng chiến đấu, hy sinh của Cứu quốc quân.

Trước năm 1942, Bắc Kạn vẫn được coi là hậu phương an toàn của Pháp. Với cách mạng, địa bàn Bắc Kạn trở thành mục tiêu Nam tiến. Ngay từ lúc còn ở biên giới Việt - Trung, khi xem xét các điều kiện để xây dựng căn cứ địa cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao vị trí Cao Bằng. Người nói: "Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra nhiều triển vọng lớn lao cho cách mạng nước ta". Vì "Cao Bằng có phong trào tốt từ trước lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi". Nhưng, Người lại nói: "Từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được". Người nhấn mạnh: "Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ"¹.

1. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr.34.

Để tiến về Thái Nguyên và nối liền với phong trào cách mạng toàn quốc, từ Cao Bằng có thể tiến theo hướng đông xuống Lạng Sơn. Nhưng, quan trọng nhất là hướng nam, tiến xuống Bắc Kạn. Ba Bể nói riêng, Bắc Kạn nói chung là vùng đất "Thiên thời, địa lợi, nhân hòa". Địa thế Ba Bể hiểm trở, nhưng lại có nhiều con đường mòn thông suốt từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. Lực lượng cách mạng Cao Bằng qua Ba Bể có thể tiến xuống Thái Nguyên, sang Tuyên Quang, vượt qua trung du, tiến thẳng về Hà Nội và đồng bằng hoặc theo triền núi phía tây qua Tuyên Quang, sang Tây Bắc... Nền kinh tế tự túc, tự cấp đòi hỏi trong nhân dân các dân tộc sẽ là một bảo đảm cho hậu cần tại chỗ đối với các lực lượng vũ trang cách mạng. Nhân dân các dân tộc thuần phác, sẵn lòng yêu nước, ứng nghĩa, nhờ đó nhanh chóng xây dựng được con đường mòn chúng thông suốt và phong trào cách mạng vững mạnh.

Lực lượng cách mạng chiếm và làm chủ được Ba Bể, lấy đó làm bàn đạp tiến về xuôi khi cách mạng thuận lợi hoặc có thể dựa vào thế hiểm yếu của núi rừng để bảo tồn lực lượng lúc khó khăn, bảo đảm "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ".

Việc lãnh tụ Hồ Chí Minh xây dựng thí điểm Mặt trận Việt Minh ở ba huyện Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình (Cao Bằng), tiếp đó, sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5 - 1941), Người lấy vùng này làm trung tâm căn cứ địa Cao Bằng thực sự có ý nghĩa to lớn. Từ trung tâm này, dưới sự chỉ đạo trực

tiếp của Hồ Chí Minh, lực lượng cách mạng tỏa đi theo các hướng. Trong đó, cả hai hướng Nam tiến và Tây tiến đều có những mũi tiến công quan trọng qua Ba Bể. Đó cũng chính là một thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở và phong trào Việt Minh ở Ba Bể.

Từ khi xây dựng, Cao Bằng trở thành căn cứ địa đầu não của cách mạng Việt Nam, là nơi ở, làm việc, chỉ đạo cách mạng cả nước của lãnh tụ Hồ Chí Minh và một số cán bộ cao cấp của Đảng. Tại đây, Hồ Chí Minh cùng các đồng chí của Người liên tiếp mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ địa phương người dân tộc cho các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Đặc biệt, trên căn cứ địa Cao Bằng do Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo xây dựng đã xuất bản các tài liệu tuyên truyền của Đảng, của Mặt trận Việt Minh bằng tiếng phổ thông và tiếng các dân tộc Dao, H'Mông, Hồ Chí Minh biên soạn cả một trường ca trên 200 câu về "Lịch sử nước ta"¹, Việt Minh xuất bản tháng 2 năm 1942. Người còn viết nhiều bài thơ, ca tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân các dân tộc tham gia các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, nội dung dễ hiểu, gần gũi với đời sống của đồng bào như Dệt vải, Con cáo và tổ ong, Nhóm lửa...². Qua nội dung bài thơ, đồng bào thấy được sức mạnh của khối đoàn

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1980, t.1, tr.327-336.

2. Hồ Chí Minh: *Thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr.17-25.

kết dân tộc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Mười chính sách của Việt Minh cũng được Người biên soạn bằng thơ¹. Theo chủ trương của Hồ Chí Minh, Tổng bộ Việt Minh đem "Chương trình Việt Minh" soạn thành văn vần gọi là "Ngũ tự kinh" tức kinh năm chữ², Điều lệ Việt Minh được biên soạn thành "Điều lệ Việt Minh giản yếu". Đồng chí Võ Nguyên Giáp dịch "Việt Minh ngũ tự kinh" sang tiếng Dao gọi là "Việt Minh Pja giảng sâu"³. Tài liệu bằng tiếng H'Mông có "Lòng dạ xỉ" (Địa lý nước ta) và "Việt Minh pinh đẩu chi chữ" (Việt Minh ngũ tự kinh). Đồng bào các dân tộc tiếp thu chủ trương, chính sách của Đảng, của Mặt trận Việt Minh bằng tiếng dân tộc mình, lại văn vần nên dễ hiểu, nhớ lâu.

Theo chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo *Việt Nam độc lập* gọi tắt là *Việt Lập* ra đời từ ngày 1 tháng 8 năm 1941 trên căn cứ địa Cao Bằng. Lúc mới ra đời, tờ báo là cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng, sau mở rộng phạm vi thành báo của hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn (từ số 133 ra ngày 1-8-1942 đến số 186 ra ngày 15-1-1944), tiếp đó, báo *Việt Lập* trở thành tờ báo của Liên Tỉnh bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng.

Sách báo và các tài liệu nói trên đã theo cán bộ và

1. Hồ Chí Minh: Sđd, tr.14-16.

2,3. *Nhân dân ta rất anh hùng* (Hồi ký cách mạng), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1969, tr.97, 79.

các hội viên Cứu quốc từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, là "cầm nang" thần kỳ, công cụ tuyên truyền Việt Minh màu nhiệm, góp phần quan trọng vào việc tổ chức Mặt trận Việt Minh ở Ba Bể. Nhờ đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về sự nghiệp giải phóng dân tộc trở thành ngọn đuốc soi đường, động lực thúc đẩy nhân dân các dân tộc Ba Bể đoàn kết một lòng, hăng hái tiến lên theo lời kêu gọi của Việt Minh, bất chấp mọi sự khủng bố của kẻ thù, hướng tới ý tưởng cao đẹp: vì độc lập, tự do của dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, hạnh phúc của nhân dân.

II. CÔNG CUỘC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA

1. Những cơ sở Việt Minh đầu tiên.

Từ nửa cuối năm 1941, cơ sở và phong trào Việt Minh Cao Bằng được xây dựng và mở rộng trong đồng bào H'Mông ở vùng cao đã dội mạnh ảnh hưởng vào đồng bào H'Mông ở Ba Bể.

Tại Cao Tân, đồng bào H'Mông vốn có quan hệ họ hàng với đồng bào cùng tộc ở bên kia chân núi Phja Dạ thuộc huyện Bảo Lạc (Cao Bằng). Theo đường dây họ hàng của đồng bào, cán bộ Tây tiến¹ từ Bảo Lạc bắt mối vào một số gia đình ở xã Cao Tân. Đầu năm

1. Do nữ đồng chí Hồng Đào phụ trách.

1942, một số thanh niên dân tộc H'Mông¹ được kết nạp vào Hội Việt Minh, sau đó được giới thiệu sang Bảo Lạc tham dự lớp huấn luyện ngắn ngày rồi quay về địa phương xây dựng cơ sở Việt Minh ở Cao Tân. Đồng bào H'Mông được giác ngộ hăng hái tham gia các Hội cứu quốc. Phong trào Việt Minh nhanh chóng lan rộng khắp các xã vùng cao Cổ Linh và Cao Thượng.

Cuối năm 1942, Ban Chấp hành Việt Minh xã Cao Minh (liên ba xã: Cao Tân, Cổ Linh, Cao Thượng) thành lập. Trong các làng bản: Chẻ Vàng, Nậm Đăm, Lũng Nghè, Thảm Củ, Khưa Dầy, Máy Sào, Pụp Nhùng, Thảm Tảo... hầu hết đồng bào đã tham gia Hội Việt Minh. Đó là những cơ sở Việt Minh đầu tiên của huyện Ba Bể.

Lực lượng chính trị vừa mới hình thành thúc đẩy nhanh chóng sự ra đời lực lượng vũ trang nhân dân. Các hội viên cứu quốc chủ yếu là thanh niên được tập hợp thành các đội tự vệ, được huấn luyện và trang bị vũ khí thô sơ. Nhiệm vụ trước mắt của tự vệ là bảo vệ cơ sở, phong trào cách mạng, chống sự khủng bố của kẻ thù.

Ở địa bàn phía đông, tiếp giáp với huyện Ba Bể, thực hiện chủ trương của Hồ Chí Minh, các Ban xung phong Nam tiến phát triển Hội Việt Minh do đồng

1. Giàng Hồng Sị, Giàng Tả Cao...

chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến xuống Ngân Sơn (Bắc Kạn). Tháng 5 - 1942, cơ sở Việt Minh được xây dựng đầu tiên ở xã Thượng Ân và Cốc Đán, sau đó là xã Tô Khê. Đó là bàn đạp quan trọng để sang năm 1943, phong trào Việt Minh từ Ngân Sơn phát triển sang các xã miền đông (Ba Bể) và chân núi Phja Bjoóc.

Từ tháng 8 - 1942 đến tháng 3 - 1943, dịch tiến hành khủng bố lần thứ nhất phong trào cách mạng Nguyên Bình (Cao Bằng) và Ngân Sơn (Bắc Kạn). Trong đấu tranh cách mạng, một số đồng chí là thanh niên cứu quốc ưu tú trong các dân tộc trưởng thành, được kết nạp vào Đảng Cộng sản, đưa tới sự ra đời của chi bộ Nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang (tức Mạc Văn Úc) làm Bí thư. Chi bộ có nhiệm vụ lãnh đạo, tổ chức phong trào Nam tiến từ Nguyên Bình xuống Bắc Kạn. Đó là nhân tố quan trọng, hết sức thuận lợi cho công tác xây dựng Đảng và phát triển Việt Minh ở Bắc Kạn nói chung, Ba Bể nói riêng.

2. Bước phát triển mới của phong trào Việt Minh.

Đầu năm 1943, cuộc chiến tranh thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng có lợi cho phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Đảng ta triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương quyết định đẩy mạnh hơn nữa công cuộc chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang kịp thời cơ. Phù hợp với chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng,

Ban lãnh đạo hai khu căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và Cao Bằng quyết định mở các con đường quần chúng đánh thông hai khu căn cứ, một chủ trương mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra từ cuối năm 1940.

Tại căn cứ địa Cao Bằng, từ đầu tháng 3 - 1943 đến tháng 1 - 1944, Ban lãnh đạo Nam tiến lần lượt tổ chức 19 đội xung phong Nam tiến từ Nguyên Bình (Cao Bằng) xuống Ngân Sơn, Chợ Rã, Chợ Đồn và Bạch Thông (Bắc Kạn).

Ngân Sơn là huyện cửa ngõ tiếp giáp Nguyên Bình (Cao Bằng) nhanh chóng trở thành trung tâm phong trào cách mạng của cả tỉnh, là bàn đạp để các đội Nam tiến sang Ba Bể.

Với phương châm hoạt động, phát triển theo lối "cóc nhảy", củng cố theo "vết đầu loang", Đội phát triển tiến trước nhanh chóng bắt mối xây dựng cơ sở trong quần chúng, nhất là tranh thủ những người có uy tín và ảnh hưởng trong nhân dân. Đội củng cố theo sau, có nhiệm vụ mở rộng cơ sở quần chúng các Hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Trong khi tuyên truyền, tổ chức các Hội cứu quốc, phong tục, tập quán của đồng bào chẳng những được tôn trọng, mà còn được vận dụng, lồng vào các nội dung cách mạng.

Tháng 3 - 1943, một mũi Nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang (tức Mạc Văn Úc) phụ trách từ Ngân Sơn tiến xuống xây dựng cơ sở Việt Minh trong đồng bào Dao ở xã Phúc Lộc, sau đó phát triển sang Lũng Cháng (Hà Hiệu), Chu Hương, Mỹ Phương...

Theo đường dây họ hàng của đồng bào Dao, cán bộ Nam tiến từ Lũng Cháng tiến sang Phja Bjoóc, nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào Dao. Ở đây, số đông là đồng bào Dao đỏ, đồng bào Dao tiền ít hơn và sống xen kẽ với nhau. Cả hai ngành Dao ở Phja Bjoóc có quan hệ họ hàng, bạn bè mật thiết với đồng bào cùng tộc ở các huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn), Nà Hang (Tuyên Quang).

Lực lượng cách mạng được xây dựng ở Phja Bjoóc, lấy đó làm bàn đạp sẽ dễ dàng phát triển xuống phía nam. Vào thời điểm này, các làng bản vùng thấp của đồng bào Tày, Nùng chưa xây dựng được cơ sở cách mạng vì địch kiểm soát gắt gao. Ngược lại, vùng cao địch có nhiều sơ hở. Vượt qua sự kiểm soát của địch ở các làng bản vùng thấp, cán bộ Nam tiến đến xây dựng cơ sở Việt Minh ở Phiêng Khăm (Yến Dương). Từ Phiêng Khăm, theo đường dây họ hàng, cán bộ Nam tiến đến Khuổi Nặm, một bản nhỏ trên núi, tuyên truyền và kết nạp một trưởng bản người Dao¹ vào Hội Việt Minh. Đồng bào trong bản từ già đến trẻ sau khi được tuyên truyền giác ngộ đã noi gương trưởng bản hăng hái tham gia các đoàn thể Cứu quốc. Chỉ một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Việt Minh lan nhanh sang Nặm Tốc (Yến Dương), lời cuốn nhiều làng bản ở chân núi Phja Bjoóc tham gia Hội Việt Minh. Các buổi lễ kết nạp hội viên lần lượt được tổ

1. Ông Triệu Hữu Châu.

chức trong các bản làng một cách lặng lẽ nhưng nghiêm trang, nghi thức tiến hành theo tập quán kết bạn trước đây như chặt đầu gà rỏ tiết vào chén rượu cùng uống xin thề..., nhưng lại lồng vào đó nội dung cách mạng: nguyện một lòng trung thành với Hội Việt Minh, quyết phấn đấu hy sinh cho độc lập và tự do.

Để kỷ niệm cho thắng lợi đầu tiên này, đồng thời ghi nhận một cao trào cách mạng đang hình thành, tháng 9 - 1943, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã đặt tên cho núi Phja Bjoóc là "núi Cứu quốc".

Thời kỳ này, phong trào cách mạng ở Ngân Sơn phát triển mạnh đã đưa tới sự ra đời chi bộ đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn mang tên chi bộ Chí Kiên (tháng 9-1943). Đó chính là một yếu tố thuận lợi cho công tác xây dựng lực lượng và cơ sở đảng ở huyện Ba Bể.

Tháng 9 - 1943, cơ sở Việt Minh mở rộng tới Vằng Kheo, Píc Cáy (Mý Phương). Phó quản người Dao ở vùng này vào Hội Việt Minh đã kéo theo hầu hết bà con vào Hội. Ảnh hưởng của Việt Minh lan nhanh, động trưởng xã Đồng Phúc, tổng Quảng Khê được tin đã hướng theo cách mạng, ông cho người đón cán bộ Nam tiến đến địa phương mình tổ chức Hội Việt Minh. Phong trào Việt Minh ngay sau đó đã lan sang vùng cao đồng bào Dao châu Chợ Đồn. Đến tháng 10-1943, Nam tiến gặp Bắc tiến tại Bản Bảng, xã Nghĩa Tá (Chợ Đồn).

Trong khoảng thời gian trên, các mũi Nam tiến khác khẩn trương xây dựng, mở rộng cơ sở Việt Minh

ở nhiều làng bản thuộc các xã Chu Hương, Yến Dương, Địa Linh, Thượng Giáo, Mẫu Ninh, Cao Thượng, Nghiên Loan, Xuân La, Bộc Bố, Giáo Hiệu, Nhạn Môn và phát triển sang cả Nà Hang (Tuyên Quang).

Ở vùng thấp, cơ sở và phong trào Việt Minh cũng bắt đầu hình thành. Mùa thu năm 1943, một mũi Nam tiến do đồng chí Nông Văn Lạc phụ trách đã gây dựng cơ sở ở Khuổi Mản, Na Da, Cốc Lót (Hà Hiệu), Bản Hòn (Bành Trạch).

Mùa hè năm 1943, Tây tiến từ Nguyên Bình đến phía bắc Ba Bể, mở thông đường quần chúng qua đồng bào H'Mông và Dao ở các xã Bằng Thành, Nhạn Môn, Công Bằng, Bộc Bố, Giáo Hiệu¹.

Phong trào cách mạng phát triển nhanh, cán bộ thiếu để đáp ứng yêu cầu cách mạng, cán bộ Nam tiến chọn những hội viên Cứu quốc là thanh niên ưu tú trong các dân tộc, mở lớp huấn luyện chương trình Điều lệ Việt Minh và phương pháp vận động, tổ chức hội tại Bành Trạch, Phúc Lộc, Lũng Cháng (Hà Hiệu) đào tạo gần 100 cán bộ được gọi là "Thanh niên xung phong phát triển". Đó là lực lượng cùng cán bộ Nam tiến làm nhiệm vụ tuyên truyền tổ chức các Hội Việt Minh. Nhờ đó, phong trào Việt Minh càng có điều kiện phát triển nhanh, đến mùa thu năm 1943, hầu

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bắc Thái xuất bản, 1980, tr.92.

hết các làng bản người Dao, H'Mông và một số làng bản của đồng bào Tày, Nùng ở Ba Bể đã có cơ sở, phong trào Việt Minh.

Trên cơ sở lực lượng chính trị phát triển, lực lượng tự vệ cũng được tổ chức ở nhiều xã, phong trào huấn luyện quân sự được đẩy mạnh, nhất là ở Cao Tân. Tại đây, lực lượng vũ trang được xây dựng từ năm 1942, trải qua các lớp huấn luyện ở Nà Lài, Mỏ Sào, Chẽ Vàng, trình độ tổ chức, chỉ huy chiến đấu, năng lực tác chiến... được nâng lên. Sang năm 1943, lực lượng vũ trang tiếp tục được củng cố, tăng cường luyện tập, đẩy mạnh hoạt động. Riêng lực lượng chiến đấu đã có 72 người phiên chế thành 4 trung đội, cho tới khi mở lớp huấn luyện ở Pụp Nhùng đã có hơn 100 đội viên tham dự¹. Bước phát triển mới của lực lượng vũ trang cũng như lực lượng chính trị ở Cao Minh đã góp phần quan trọng đưa tới sự ra đời của châu Xích Long (20-9-1943)² và Khu Thiện Thuật, khu vận động cách mạng của đồng bào H'Mông ở Bắc Kạn và Cao Bằng (25-9-1943).

Cùng đồng thời thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh còn hết sức quan tâm tới việc nâng cao trình độ văn hóa, xây dựng nếp sống mới trong nhân dân các dân tộc

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, Sđd, tr.94.

2. Châu Xích Long gồm vùng cao Bảo Lạc, một phần Hà Quảng (Cao Bằng) và vùng cao Chợ Rã (Bắc Kạn).

nhằm tạo nên động lực thúc đẩy sự nghiệp cách mạng chung. Vì thế, các trường lớp học văn hóa trong thời kỳ này được tổ chức ở nhiều địa phương. Văn hóa được mở mang, trình độ hiểu biết trong nhân dân được nâng lên làm cơ sở để đồng bào nhận thức sâu sắc, tiếp thu đầy đủ ánh sáng cách mạng của Đảng, của Mặt trận Việt Minh và tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh vì mục tiêu độc lập, tự do của dân tộc.

Từ trong phong trào cách mạng, nhiều thanh niên qua huấn luyện, đào tạo, trình độ chính trị, tư tưởng, năng lực công tác được nâng lên, trở thành những cán bộ cốt cán của phong trào. Đồng chí Bàn Văn Hoan, một thanh niên dân tộc Dao tiểu bản ở Lũng Cháng, được cán bộ Nam tiến dìu dắt, nhanh chóng tiến bộ mọi mặt, trở thành cán bộ ưu tú của dân tộc Dao. Tại Hà Hiệu, tháng 8 - 1943, đồng chí được chi bộ Nam tiến kết nạp vào Đảng Cộng sản. Đó là người đảng viên Đảng Cộng sản đầu tiên của huyện Ba Bể và cũng là một trong những đảng viên đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn¹.

Chưa đầy một năm kể từ khi xây dựng, Đảng ta đã tạo được chỗ đứng chân của cách mạng trên dải đất vùng cao Ba Bể, mà khu vực Phja Bjoóc là trung tâm. Đó là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Với thắng lợi này đã đánh thông hai khu căn cứ địa cách mạng:

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, Sđd, tr.85.

Cao Bằng với Bắc Sơn - Võ Nhai, đồng thời từ căn cứ Cao Bằng, qua Ba Bể, Chợ Đồn... liên lạc được với Ban Thường vụ Trung ương ở dưới xuôi. Thắng lợi của việc xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng ở huyện Ba Bể (1942 - 1943) đã củng cố, mở rộng không ngừng căn cứ địa Việt Bắc, làm cơ sở cho sự ra đời của Khu giải phóng trong cao trào chống Nhật, cứu nước sau này. Cũng chính từ thắng lợi của phong trào cách mạng Ba Bể nổi lên trong thời kỳ này là phong trào cách mạng vùng đồng bào Dao đã trở thành nhân tố quan trọng đưa tới sự ra đời của Khu Quang Trung, Khu vận động cách mạng của đồng bào Dao ở Bắc Kạn, Cao Bằng.

Sau khi dự lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917 - 7-11-1943), tại Pù Mần, xã Hoa Thám (Nguyên Bình, Cao Bằng), 150 đại biểu thay mặt cho đồng đảo hội viên Cứu quốc người Dao ở Bắc Kạn, Cao Bằng... đã tham gia hội nghị thành lập Khu Quang Trung, bầu Ban chủ nhiệm Việt Minh Khu. Đồng chí Bàn Văn Hoan một trong số đại biểu người Dao của huyện Ba Bể tham dự Hội nghị được bầu làm Phó Chủ nhiệm Việt Minh Khu Quang Trung¹. Đó là niềm tự hào của đồng bào Dao và nhân dân các dân tộc Ba Bể trên con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

1. Xem Hoàng Ngọc La: *Căn cứ địa Việt Bắc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.71.

3. Vượt qua khủng bố, đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa.

Từ cuối năm 1943, đến hết năm 1944, thực dân Pháp mở cuộc khủng bố lớn vào phong trào cách mạng ở Việt Bắc, trước hết là vào Cao - Bắc - Lạng. Cuối năm 1943, phong trào cách mạng Ba Bể phát triển mạnh, song cũng bắt đầu bộc lộ một số thiếu sót, chủ quan trong tổ chức lực lượng, phòng gian bảo mật. Nắm được một số tình hình ở Cao Minh, thực dân Pháp liền mở cuộc khủng bố phong trào cách mạng vùng này. Lúc đầu chúng dùng một lực lượng nhỏ, nhưng khi phát hiện lực lượng cách mạng ở đây mạnh, thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã tung một lực lượng lớn hơn nhằm dập tắt phong trào cách mạng vùng này. Ngày 22 tháng 11 năm 1943, quân Pháp và tay sai kéo lên Cao Minh bao vây làng bản, lùng sục các nhà thu được một số vũ khí và tài liệu như báo *Việt Lập* số ra ngày 10-9-1943, một số giấy hô hào lạc quyền của Ban Liên Tỉnh bộ Việt Minh Cao - Bắc - Lạng. Lần đầu tiên bị khủng bố, nhân dân lúc đầu không tránh khỏi hoang mang. Khoảng 100 đồng bào tụ tập ở Cao Thượng bị địch bắt tại chỗ 14 hội viên¹.

Khủng bố của địch ở Ba Bể nổ ra trong lúc nhiều cán bộ Nam tiến lên Nguyên Bình (Cao Bằng) tổng

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Cao Bằng, 1982, t.1, tr.122.

kết công tác Nam tiến, do thiếu cán bộ chỉ đạo, thiếu kinh nghiệm tổ chức chống khủng bố nên khủng bố của địch đã lan nhanh từ Cao Minh đến Lũng Cháng, Nà Vài (Hà Hiệu), Bành Trạch, Mỹ Phương...

Trước sự khủng bố dữ dội của địch, phần lớn đồng bào ở Cao Minh trong lúc lúng túng đã bỏ làng bản chạy lên núi ăn đói, mặc rét nơi rừng rậm trong cảnh màn trời chiếu đất.

Quân lính cùng đám tay sai tri châu, châu đoàn ngày đêm lùng sục, còn một số chức sắc địa phương "đục nước béo cò" bắt dân nộp bạc trắng để chuộc tội. Đặc biệt địch dùng thủ đoạn "tát nước bắt cá", đồn dân, đồn làng đặt dưới sự kiểm soát, kìm kẹp của chúng trong từng ngày, từng giờ để ngăn chặn hoạt động của Việt Minh, cắt nguồn tiếp tế của dân với cán bộ và các hội viên cốt cán của Hội Việt Minh đang ẩn náu trong rừng sâu. Đồng bào đang sinh sống ở bản Nà Nưa bị đồn xuống Khuổi Mù, người ở Lũng Cháng phải chuyển về tập trung ở Thâm Lặng, bà con ở Lũng Cam, Lũng Mấu bị đồn xuống Khuổi Duồng (Hà Hiệu). Ở Mỹ Phương, dân bản Phiêng Muông bị đồn xuống Lũng Luông. Các xóm lẻ ở triền dãy núi Phja Bjoóc như Cốc Ngỏ, bị đồn xuống Bản Chán (Đồng Phúc), đồng bào ở Vằng Kheo, Nà Đông bị lừa về Bản Hạng (Đình Phương)... Phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn, sống trong các trại tập trung kiểu phát xít, đồng bào bị rơi vào hoàn cảnh hết sức bi thảm: thiếu lương thực, thực phẩm, sống trật trọi, thiếu vệ sinh,

không thuốc men. Do bị đói rét và bệnh tật đã làm cho 30 người phải thiệt mạng.

Đồng thời với việc đồn dân, đồn làng, thực dân Pháp còn lập hệ thống đồn bốt để kiểm soát sự qua lại của nhân dân, dùng các thủ đoạn vừa dụ dỗ vừa uy hiếp, tra tấn, giam cầm, bắt dân đầu thú khai báo danh sách, nơi ở của các hội viên Cứu quốc trung kiên, cán bộ, đảng viên Nam tiến. Địch lấy muối ăn, bạc trắng để treo thưởng cho những ai bắt sống hoặc lấy được đầu cộng sản, cán bộ Việt Minh. Vì thế, các cuộc truy lùng của binh lính, mật thám chỉ điểm và bọn tay sai địa phương trở nên ráo riết, cuồng nhiệt, nhất là ở khu rừng Píc Cáy, nơi mà chúng nghi có cơ quan bí mật của ta ở đó. Chúng bắt một số hội viên cứu quốc đi giam tại trại giam Pa Deng (Bắc Kạn)¹.

Sau khi giết hại đồng chí Đức Xuân, đội trưởng đội tuyên truyền thuộc Ban xung phong Nam tiến tại xã Quân Bình (Bạch Thông), ngày 9 tháng 1 năm 1944, thực dân Pháp và bè lũ tay sai càng ra sức bủa vây các xã trọng điểm ở Chợ Rã, Ngân Sơn. Đồng chí Bàn Văn Hoan đang công tác tại Lũng Viên bị tên quản chiểu Triệu Nhân Đình (Ngân Sơn) cùng đồng bọn bắt nộp cho thực dân Pháp (14-2-1944), sau đó chúng đưa về giam tại trại giam Pá Deng (Bắc Kạn). Ngày 22 tháng 3 năm 1944, đồng chí Hồng Giang, một cán bộ

1. Trong đó có anh Triệu Tiến Long, tại nhà tù, anh bị địch tra tấn dã man và hy sinh ở đó.

Nam tiến bị tri châu Chợ Rã, chánh tổng Hà Hiệu và bốn phần bội ở Bó Bể giết hại ở thẳm San Cốc xã Hà Hiệu¹. Hàng chục hội viên cốt cán như Tao Lương ở Vãng Kheo, Đinh Phương, chánh Mán Khèn ở Nà Còi, Quảng Khê...² bị bắt và giam tại nhà giam Pá Deng (Bắc Kạn), bị tra tấn hết sức dã man, song vẫn giữ khí tiết cách mạng. Đồng chí Bàn Văn Hoan bị địch tra tấn cực hình. Không khuất phục được người chiến sĩ cộng sản trung kiên cách mạng, ngày 16 tháng 5 năm 1944, thực dân Pháp đã giết hại đồng chí Bàn Văn Hoan cùng đồng chí của anh là Phan Văn Long tại bãi Nà Lốc xã Quang Thuận, khoảng km 9 đường Bắc Kạn - Chợ Đồn. Đó là một tổn thất cho phong trào cách mạng Ba Bể.

Bị mất mát, hy sinh nhưng đông đảo hội viên Cứu quốc, nhất là các chị, các mẹ vẫn cố nén đau thương, một lòng kiên trung, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Bà mẹ đồng chí Bàn Văn Hoan³ nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp, khi đơn vị trở về nói lại "con đường quần chúng" rằng: "Bây giờ Hoan đã mất, mùa

1,2. Nông Văn Quang: *Con đường Nam tiến*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1995, tr.99, 92.

3. Mẹ tên là Triệu Thị Nải có hai con là Bàn Văn Cao, cán bộ Việt Minh ở địa phương và Bàn Văn Hoan là Phó Chủ nhiệm Việt Minh Khu Quang Trung. Chị Bàn Thị Thiện (vợ đ/c Hoan) cũng là hội viên Cứu quốc trung kiên. Trong thời gian đồng chí Hoan bị bắt, địch đã bắt, tra hỏi Bàn Thị Thiện nhằm khai thác tin tức về Bàn Văn Hoan, nhưng chị vẫn một mực "không biết".

màng lại kém, nhưng mùa nào mẹ cũng để dành thóc nếp cho các con đấy... Các con cố gắng diệt hết bọn Tây, bọn Nhật thì người Mán mới sống được"¹.

Cuộc đấu tranh chống địch khủng bố diễn ra giữa lúc lực lượng cách mạng Ba Bể mới hình thành, còn mỏng, ít kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo trong đấu tranh chống địch khủng bố, song đồng bào đã chấp nhận cuộc đấu tranh này không ngoài mục đích bảo vệ và duy trì lực lượng, tiếp tục vững bước tiến lên trên con đường đấu tranh nhằm giành lấy thắng lợi cuối cùng là độc lập, tự do.

Số đồng bào chạy vào rừng, vượt mọi khó khăn, thiếu thốn, vẫn bí mật tổ chức lực lượng, tìm cách đánh địch và bảo vệ cơ sở, liên lạc, đón cán bộ về chỉ đạo phong trào. Trong tháng 6 - 1944, cán bộ Nam tiến từ Cao Bằng tổ chức nhiều đợt xuống Phja Bjoóc củng cố các Hội Việt Minh ở Nà Đông, Píc Cáy...².

Đồng bào ở các làng tập trung như Giáo Hiệu, Bộc Bó, tiêu biểu là Bản Chán đã đấu tranh đòi về làng cũ làm ăn. Tại Bản Chán, nhân dân cử đại biểu lên châu buộc tội địch bắt dân sống tập trung nên bệnh dịch lan tràn, gây chết nhiều người. Tên tri châu sau khi

1. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr.112.

2. Gồm các đồng chí: Nông Văn Quang (Quang béo), Thanh Quang, Nguyễn Tài.

cho chánh Mán (chánh tổng người Dao) xuống bản dò xét đã phải chấp nhận yêu sách của đồng bào.

Từ thực tế đấu tranh cách mạng, đồng bào các dân tộc trong huyện giữa Tày và Dao..., giữa vùng cao và vùng thấp càng đoàn kết, giúp đỡ nhau hơn, động viên nhau giữ vững tinh thần cách mạng. Trong đấu tranh xuất hiện nhiều tấm gương trung kiên, bất khuất, nhờ đó, cơ sở và phong trào cách mạng nhanh chóng được phục hồi. Trải qua đấu tranh, thử thách, quần chúng cách mạng được tôi luyện, có thêm kinh nghiệm quý báu chống địch khủng bố, tổ chức lực lượng và sự kết hợp các hình thức đấu tranh.

Cuộc đấu tranh chống địch khủng bố của nhân dân các dân tộc Ba Bể mà Cao Minh là trung tâm dưới sự chỉ huy trực tiếp của cán bộ Nam tiến, cán bộ cơ sở từng bước thu được thắng lợi. Địch từ chỗ hung hăng, dần trở nên bất lực.

Tháng 10 - 1944, địch chuyển trọng tâm của cuộc khủng bố sang Ngân Sơn. Thực dân Pháp tập trung lực lượng lớn quân đội và tay sai, chỉ điểm mở cuộc khủng bố dữ dội vào các xã Thượng Ân, Bằng Đức, Vân Tùng, bắt 60 người là hội viên trung kiên, người thân của cán bộ, đảng viên mang đi giam tại Pá Deng (Bắc Kạn). Một số đảng viên cộng sản, cán bộ Nam tiến xây dựng cơ sở Việt Minh ở Ngân Sơn, Ba Bể bị hy sinh trong đợt khủng bố này của kẻ thù.

Dựa vào chủ trương chống địch khủng bố của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, căn cứ vào tình hình cụ

thể của địa phương, cán bộ, đảng viên Nam tiến phụ trách phong trào cách mạng ở Ba Bể đề ra một số chủ trương nhằm củng cố cơ sở phong trào cách mạng, chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền như sau:

- Kiểm tra lại cơ sở cũ, làm trong sạch tổ chức Hội.
- Đặt cơ quan bí mật, có lực lượng vũ trang bảo vệ.
- Tiếp tục huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ.
- Ổn định tinh thần quần chúng, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh, ra sức xây dựng lực lượng tự vệ, phát động phong trào "lấy súng địch giết địch".
- Khẩn trương chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho khởi nghĩa.

Tại các xã Cao Thượng, Cao Tân, Cổ Linh, dưới sự lãnh đạo của Ban Việt Minh xã Cao Minh nhanh chóng tổ chức những hội viên không thể ở làng hoạt động chuyển sâu vào trong rừng, ngày sản xuất, đêm làm thuốc súng đánh giặc. Tự vệ Cao Minh phối hợp với tự vệ xã Hồng Thái (Nà Hang, Tuyên Quang) đánh Pháp ở Tuyên Quang. Đầu năm 1944, để giúp việc chỉ đạo tác chiến được thuận lợi, Ban Việt Minh liên xã Cao Minh - Hồng Thái thành lập.

Hưởng ứng Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" của Tổng bộ Việt Minh (7-5-1944) và Lời kêu gọi "Sấm vũ khí đuổi thù chung" của Trung ương Đảng (10-8-1944), đặc biệt là chủ trương phát động khởi nghĩa của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa ở huyện Ba Bể diễn ra hết sức sôi nổi. Về chuẩn

bị lực lượng chính trị: Cơ sở và phong trào Việt Minh ngày càng được củng cố, mở rộng không chỉ ở vùng cao mà cả vùng thấp trong đồng bào Tây, Nùng... như ở Nậm Nhì (Cổ Linh) và hầu khắp các xã Hà Hiệu, Bành Trạch, Chu Hương. Về chuẩn bị lực lượng vũ trang, công tác xây dựng tự vệ được đẩy mạnh với phương châm "vừa củng cố, vừa phát triển", nhờ đó, lực lượng ngày càng đông đảo, được phiên chế thành các tiểu đội, trung đội và đại đội, trong đó có một trung đội toàn nữ. Sau các lớp đào tạo cán bộ chỉ huy tự vệ do Liên Tỉnh ủy mở, nhiều lớp huấn luyện quân sự được mở ở Cao Tân. Hơn 100 tự vệ tới dự được học về nhiệm vụ chính trị, kỹ chiến thuật tác chiến. Trong không khí sôi sục chuẩn bị khởi nghĩa của phong trào cách mạng Cao - Bắc - Lạng, ở Ba Bể một số lò rèn, chế tạo vũ khí, thuốc súng được thành lập. Trong hoàn cảnh khó khăn, các "kho thóc khởi nghĩa", "kho ngô khởi nghĩa" vẫn được xây dựng ở các xã phía bắc Ba Bể¹. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Cao - Bắc - Lạng đã không nổ ra như dự định của Ban Liên Tỉnh ủy vào cuối năm 1944, vì chưa có đủ điều kiện, chủ trương đó của Liên Tỉnh ủy mới căn cứ vào tình hình địa phương, chưa căn cứ vào tình hình trong cả nước, do đó, Hồ Chí Minh sau khi thoát khỏi nhà tù quân phiệt Tưởng, về tới Cao Bằng. Người đã kịp thời hoãn lại. Mặc dù vậy, bước chuẩn bị lực lượng mọi

1. Xem Hoàng Ngọc La: *Căn cứ địa cách mạng*, Sdd, tr.81.

mặt cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền của đồng bào các dân tộc Ba Bể, từ cuối năm 1944, đã có vai trò quan trọng trong công việc nổi dậy giành chính quyền ở Ba Bể vào đầu năm 1945.

III. TIẾN LÊN KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN, ĐẨY MẠNH CAO TRÀO CHỐNG NHẬT, CỨU NƯỚC (THÁNG 3-1945-THÁNG 8-1945)

Đầu năm 1945, cuộc chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô và các lực lượng Đồng Minh bao vây, tiến công phát xít Đức những đồn vũ bão vào Béc Lanh, số phận của chúng đang phải tính trong từng ngày. Ở Châu Á, phát xít Nhật cũng đang bị quân Đồng Minh uy hiếp nghiêm trọng, Nhật mất dần các thuộc địa của chúng ở Nam Thái Bình Dương. Trong khi đó, tại Đông Dương, sau khi nước Pháp được giải phóng (tháng 8-1944), bọn Pháp Đờ Gôn ráo riết hoạt động để khôi phục lại quyền thống trị của chúng đã mất vào tay Nhật từ năm 1940. Sống chết Nhật phải bám lấy Đông Dương để tiếp tục chiến tranh ở Châu Á - Thái Bình Dương. Vì lẽ đó, ngày 9 tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật nổ súng làm cuộc đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt ở một số nơi, sau đó nhanh chóng đầu hàng quân Nhật, tìm đường chạy trốn ra biên giới Việt - Trung.

Đúng vào lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp phiên mở rộng tại Đình

Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng chủ trì. Hội nghị xác định: kẻ thù của nhân dân ta lúc này là phát xít Nhật. Mặc dù thời cơ tổng khởi nghĩa chưa có, song cuộc đảo chính đã tạo ra một tình hình khủng hoảng chính trị sâu sắc làm cho những điều kiện của cuộc khởi nghĩa vũ trang đi đến chín muồi nhanh chóng. Vì thế, Đảng xác định đây là thời kỳ tiền khởi nghĩa và đã phát động một cao trào chống Nhật, cứu nước làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt là phát động chiến tranh du kích, chiếm căn cứ địa, duy trì và mở rộng chiến tranh du kích phải là phương pháp duy nhất của dân tộc ta để đóng vai trò chủ động đuổi bọn phát xít Nhật ra khỏi nước ta.

Toàn bộ nội dung nói trên được nêu trong bản Chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ra ngày 12 tháng 3 năm 1945. Bản Chỉ thị là kim chỉ nam hành động cho các Đảng bộ địa phương trên căn cứ địa Việt Bắc tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền về tay nhân dân.

Chớp lấy cơ hội, Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cao Bắc - Lạng họp tại Lam Sơn (Hòa An, Cao Bằng) quyết định:

- Đánh đổ ách thống trị của Pháp ở nông thôn, từng nơi thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh.

- Phân phối cán bộ đội tuyên truyền về cùng các

đội vũ trang địa phương, tổ chức các đơn vị Giải phóng quân chuẩn bị đánh Nhật.

- Đối với quân Pháp, ta chủ trương không tập kích lúc họ rút lui, trái lại, tích cực kêu gọi họ cùng nhau chống Nhật.

Nắm chắc tình hình, thực hiện chủ trương của Liên Tỉnh ủy, Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (gọi tắt là Giải phóng quân) đã phân phối lực lượng tiến về các địa phương phát động quần chúng nổi dậy, giải phóng các đồn bốt, đập tan chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Trong khí thế hào hùng chống Nhật, cứu nước của cả dân tộc, một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, sau khi phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền ở tổng Kim Mã (Nguyên Bình, Cao Bằng), đã tiến xuống bao vây châu lỵ Ngân Sơn (Bắc Kạn) ngày 20 tháng 3 năm 1945. Tên tri châu cùng bọn tay sai bỏ châu lỵ chạy trốn. Được ta thuyết phục, tên thực dân Đờ Đông, đồn trưởng khố xanh đã dẫn quân ra hàng. Ngày 21-3, Ngân Sơn là huyện đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn được giải phóng, đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của nhân dân các dân tộc Ba Bể nổi dậy giành chính quyền.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, một đơn vị đi trước của Giải phóng quân từ Cao Bằng tiến xuống Ba Bể. Tri châu Đồng Phúc Quận bỏ công đường chạy trốn về tỉnh lỵ. Quân ta cho người đuổi theo, đến Thạch Ngõa thì bắt được y, giải về châu lỵ.

Ngày 22-3, từ Ngân Sơn, đại bộ phận Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp, chỉ huy từ Ngân Sơn qua Hà Hiệu tiến sang huyện lỵ Ba Bể¹. Lúc này, tàn binh Pháp do tên phó giám binh Bắc Kạn Đờ Pông Tích chỉ huy đang ẩn náu ở vùng hồ Ba Bể để tìm đường chạy ra biên giới. Trước sự thuyết phục của lực lượng cách mạng, trong thế khốn quẫn, bọn Pháp buộc phải thương lượng và chấp nhận yêu cầu của ta: tôn trọng chủ quyền của ta, không quấy nhiễu nhân dân, phối hợp cùng ta đánh Nhật.

Ngày 23 tháng 3 năm 1945, châu lỵ Chợ Rã hoàn toàn giải phóng.

Ngày 24 tháng 3 năm 1945, trở thành ngày hội lớn của quần chúng cách mạng Ba Bể. Đồng bào từ các xã lân cận cùng lực lượng tự vệ đã kéo về châu lỵ tham dự cuộc mít tinh trọng thể do Giải phóng quân tổ chức chào mừng châu lỵ giải phóng. Trong khí thế cách mạng bừng bừng, nhân dân các dân tộc đã chứng kiến giờ phút lịch sử vẻ vang: bộ máy chính quyền cấp huyện của địch bị xóa bỏ, giấy tờ, sổ sách, bằng triện bị thiêu đốt, tên tri châu bị xử tội, các kho thóc của địch ở huyện được phá đem chia cho dân nghèo.

Tại các xã, quần chúng cách mạng có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, dưới sự chỉ huy của Giải phóng quân nổi dậy tước súng đồng, thu bằng triện của địch,

1. Xem Nông Văn Quang: *Con đường Nam tiến*, Sđd, tr.123.

kể cả tịch thu ruộng đất của bọn tay sai phản động đem chia cho nông dân nghèo không có ruộng. Đồng bào bị kìm kẹp trong các trại tập trung do Pháp và bè lũ tay sai đồn làng từ cuối năm 1943, đã nổi dậy phá trại, phấn khởi trở về làng cũ làm ăn.

Trong cao trào cách mạng, nhiều thanh niên giác ngộ hăng hái tham gia Giải phóng quân và lực lượng tự vệ. Do yêu cầu cách mạng, trung đội tự vệ vũ trang châu Chợ Rã thành lập để giữ vững trật tự, an ninh xã hội, đấu tranh chống Nhật, cứu nước.

Sau đảo chính, tàn quân Pháp từ thị xã Cao Bằng nhón nhác chạy qua phía bắc Ba Bể để sang Trung Quốc. Ngày 19 tháng 3 năm 1945, tại Pò Mò (Bằng Thành), một toán lính Pháp trắng trợn cướp bóc nhân dân và nổ súng vào lực lượng vũ trang của ta. Tự vệ xã Cao Minh phối hợp với lực lượng vũ trang Khu Thiệt Thuật, được nhân dân ủng hộ chặn đánh địch hết sức quyết liệt, buộc chúng phải đầu hàng, quân ta thu 30 súng các loại. Lực lượng vũ trang xã Cao Minh và Giáo Hiệu còn phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh bạn phục kích đánh Nhật, tiêu biểu là trận Bắc Mê (Hà Giang). Tự vệ xã Hà Hiệu phối hợp với tự vệ xã Trung Hòa (Ngân Sơn) đánh chặn các tốp quân địch và tay sai lùng sục vào các làng bản ở Ngân Sơn.

Trên đà thắng lợi, quân và dân Ba Bể tiến lên đánh

chiếm đồn bang tá Pác Nặm, xóa bỏ chính quyền địch ở các xã phía bắc.

Chỉ trong thời gian ngắn, với tinh thần quật khởi, bằng sự kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, đặc biệt là sự nổi dậy của quần chúng có lực lượng vũ trang (tự vệ) làm nòng cốt đã quật đổ ách thống trị của đế quốc Pháp và tay sai từ huyện đến xã, quét sạch quân thù ra khỏi Ba Bể. Bọn tay sai, phản động ở trong huyện, trong đó có một số kẻ ở Mỹ Phương, Đồng Phúc bị cách mạng trừng trị.

Trước tình hình phát triển mới và hết sức thuận lợi của cách mạng, đồng chí Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng Giải phóng quân ở Ba Bể quyết định thành lập chính quyền cách mạng huyện Ba Bể và các xã.

Thực hiện quyết định trên, ngày 30 tháng 3 năm 1945, Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Ba Bể thành lập do ông Hoàng Văn Đàm, người dân tộc Tày, cựu hội viên hàng tỉnh làm Chủ tịch¹. Tham gia Ủy ban còn có: Hoàng Văn Phủ (Tày), Phó Chủ tịch, các ủy viên là: Triệu Văn Hiến (Dao), Chu Khắc Xứng (Kinh).

1. Xem Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Thái, Hoàng Ngọc La (chủ biên): *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Thái (1930 - 1995)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.54.

Giành lấy chính quyền là mục tiêu của cách mạng, nên việc thành lập chính quyền cấp huyện và xã ở Ba Bể trong cao trào chống Nhật, cứu nước là sự thể hiện vận dụng sáng tạo của Giải phóng quân đối với Chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng. So với các huyện trong tỉnh Bắc Kạn thì Ba Bể là huyện thành lập chính quyền cách mạng ở huyện sớm nhất¹.

Để giúp địa phương tổ chức, xây dựng chính quyền cách mạng, Giải phóng quân mở lớp huấn luyện cấp tốc trong 7 ngày tại Bản Tàu (Cao Thượng), 24 học viên đại diện cho các cơ sở đã tới dự. Nội dung huấn luyện trang bị chủ yếu cho học viên cách thức tổ chức chính quyền, nhiệm vụ chính trị của chính quyền trong giai đoạn hiện tại. Ngoài ra, khóa huấn luyện còn phổ biến những kinh nghiệm về cách thức tuyên truyền, vận động, tổ chức Mặt trận Việt Minh nhằm mở rộng hơn nữa cơ sở Việt Minh ở trong huyện.

Các xã Khang Ninh, Thượng Giáo thành lập chính quyền cách mạng sớm nhất, đến cuối tháng 4 năm 1945, khắp các xã trong huyện đã tổ chức được Ủy ban nhân dân lâm thời. Đó là kết quả của quá trình đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ của đồng bào các dân tộc Ba Bể. Thành quả này của cách mạng

1. Bài viết của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi Huyện ủy Ba Bể, ngày 25-3-1997, lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, tr.1.

Ba Bể đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cao trào chống Nhật, cứu nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (16-4-1945), cán bộ các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Ba Bể đã đẩy mạnh cao trào chống Nhật, củng cố và bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng của nhân dân.

Phát xít Nhật sau khi nặn ra bộ máy tay sai ở tỉnh lỵ, với lực lượng bảo an binh, chúng liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét vào các huyện nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng, tập hợp bọn tay sai của thực dân Pháp trước đây để xây dựng bộ máy thống trị ở cấp huyện.

Ngày 13 tháng 4 năm 1945, quân Nhật và bảo an binh từ Phủ Thông kéo vào huyện lỵ Ba Bể để hiểu dụ bọn tay sai và thăm dò lực lượng của ta. Trên đường hành quân cũng như khi chúng đến huyện lỵ, địch gặp cảnh "vườn không nhà trống". Bọn tay sai phản động ra mặt trước đó đã bị lực lượng cách mạng truy quét. Trước khi Nhật tới, lực lượng vũ trang cách mạng và quần chúng nhân dân đã kịp thời chuyển sâu vào nơi an toàn chuẩn bị đánh lại chúng. Không phát hiện được gì, không đạt mục đích cuộc hành quân, buộc quân Nhật phải quay trở lại điểm xuất phát.

Tháng 5 - 1945, cùng đồng thời với việc mở cuộc tiến công vào khu vực núi Hồng (nơi tiếp giáp 3 tỉnh

Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Kạn), phát xít Nhật và bảo an với lực lượng gần 1.000 tên mở cuộc tiến công vào vùng giải phóng Ba Bể, nhằm tiêu diệt lực lượng và cơ quan đầu não cách mạng của Đảng ta. Cuộc hành quân càn quét của địch vào Ba Bể triển khai theo 4 hướng:

Từ Phủ Thông vào,

Từ Chợ Đồn lên,

Từ Ngân Sơn sang,

Từ Cao Bằng xuống.

Vùng hồ Ba Bể được chúng coi là trọng điểm của cuộc hành quân, nơi mà chúng nghi ngờ có lực lượng vũ trang cách mạng, có lãnh tụ tối cao của Việt Minh. Đi tới đâu, quân Nhật và tay sai ra sức cướp bóc của cải, giết người, gây nhiều đau thương tang tóc cho nhân dân các dân tộc. Song, hành động phát xít của chúng chỉ có thể làm bốc thêm ngọn lửa căm thù bè lũ phát xít của nhân dân ta.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban nhân dân lâm thời và Mặt trận Việt Minh các cấp, nhân dân các dân tộc Ba Bể nêu cao cảnh giác cách mạng, triệt để làm "vườn không nhà trống", đồng thời phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang phục kích các toán hành quân lẻ của địch. Riêng trong trận phục kích của lực lượng tự vệ Nam Mẫu và Khang Ninh với vũ khí thô sơ đã nổ súng bắn bị thương 3 tên địch. Các cuộc hành quân càn quét của địch bị rơi vào khoảng trống, đã

thế luôn phải đối phó với chiến tranh du kích cục bộ của quân và dân ta làm cho chúng bị tiêu hao và mỗi một. Sau 3 ngày chiếm đóng ở huyện lỵ hoang vắng, không đạt được mục đích, quân địch buộc phải rút quân khỏi Ba Bể.

Đầu tháng 5 - 1945, tình hình thế giới chuyển biến quan trọng, có lợi cho lực lượng dân chủ và tiến bộ. Hồng quân Liên Xô và Đồng Minh đã dập tắt lò lửa chiến tranh ở Châu Âu. Ngày 8 tháng 5 năm 1945, tại Pôtsdam, phát xít Đức phải ký vào văn kiện xin đầu hàng Liên Xô và Đồng Minh không điều kiện. Phát xít Nhật ở Châu Á cũng sắp tới giờ tận số. Ở trong nước, cao trào chống Nhật, cứu nước như sóng cả triều dâng, khởi nghĩa từng phần trên căn cứ địa giải phóng nhiều vùng nông thôn rộng lớn, có chính quyền cách mạng của nhân dân. Để đón thời cơ, kịp thời phát động quần chúng nổi dậy tổng khởi nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cao Bằng theo con đường Nam tiến mà trước đây Người đã chỉ ra, qua Ngân Sơn, Ba Bể, Chợ Đồn (Bắc Kạn) về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang). Thắng lợi của khởi nghĩa giành chính quyền và chống Nhật, cứu nước ở Ba Bể là sự bảo đảm an toàn cho cuộc hành quân của Người qua Ba Bể vào trung tuần tháng 5 - 1945. Nhân dân các dân tộc Ba Bể có hạnh phúc lớn lao được che chở, đón Người ngay sau khi què hương vừa giải phóng. Trên chặng đường dài, Người đã dừng chân nghỉ tối ở Khuổi Mẩn (Hà Hiệu), nghỉ trưa ở Bản Hòn (Bành Trạch), nghỉ tối ở Pẹc Pàn (gần thị trấn), nghỉ trưa

ở Pù Cút (Quảng Khê) và nghỉ tối ở Bản Chán, xã
Đồng Phúc¹. Tại cuộc gặp mặt ở Tổng Luyện
(18-5-1945) có đông đảo cán bộ, chiến sỹ các lực lượng
vũ trang và đồng bào các dân tộc gần huyện lỵ tham
dự, Người khen ngợi cán bộ, chiến sỹ, đồng bào đã
nêu cao tinh thần đoàn kết, hăng hái đấu tranh cách
mạng, giành chính quyền về tay nhân dân. Người
huấn thị cán bộ, chiến sỹ, đồng bào phát huy hơn nữa
tinh thần yêu nước, cách mạng, ra sức xây dựng khối
đoàn kết dân tộc, củng cố chính quyền, giữ vững vùng
giải phóng, góp phần cùng đồng bào cả nước tiến lên
đánh đuổi phát xít Nhật ra khỏi đất nước, giành lại
độc lập cho dân tộc. Sự có mặt và chỉ bảo của lãnh
tụ Hồ Chí Minh lúc này là sự cổ vũ lớn lao đối với
đồng bào và cán bộ cùng các lực lượng vũ trang vững
bước tiến lên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ
thành quả của cách mạng.

Ngày 4 tháng 6 năm 1945, Khu Giải phóng thành
lập theo chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bao
gồm 6 tỉnh ở Việt Bắc. Mười chính sách lớn của Việt
Minh được thực hiện trong Khu Giải phóng nhằm xây
dựng Khu Giải phóng vững mạnh về các mặt chính
trị, quân sự, kinh tế, văn hóa trực tiếp chuẩn bị mọi
mặt cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Thực hiện các chủ trương của Khu Giải phóng,

1. Xem Nông Văn Quang: *Con đường Nam tiến*, Sđd,
tr.133-134.

quân và dân các dân tộc Ba Bể đã giành được những thắng lợi quan trọng trên các mặt.

Về chính trị, công tác phát triển các Hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh ở những nơi chưa có cơ sở và phong trào xúc tiến mạnh mẽ. Ban chấp hành Việt Minh các xã được thành lập. Các lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cốt cán cho công tác xây dựng Mặt trận Việt Minh được tiến hành gấp từ 5 đến 7 ngày. Sau khi học xong, học viên tỏa về các xã tuyên truyền, tổ chức các Hội cứu quốc và thành lập Ban chấp hành Việt Minh. Cho tới trước ngày tổng khởi nghĩa, hầu hết nhân dân các dân tộc Ba Bể đã tham gia các hội: Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc... Các chức sắc ở địa phương được giác ngộ đã hăng hái tham gia Việt Minh, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cán bộ, đảng viên Nam tiến và Giải phóng quân¹, chính quyền cách mạng ở cơ sở được củng cố thông qua phổ thông đầu phiếu, thực sự là người đại diện cho dân, do dân và vì dân.

Nhờ dựa chắc vào trong nhân dân, chính quyền phát huy được hiệu lực và sức mạnh của mình trong quản lý xã hội, đấu tranh chống Nhật, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục. Uy tín và thanh thế của chính

1. Như các đồng chí: Nông Văn Lạc, Mai Trung Lâm...

quyền cách mạng ngày càng cao, đã đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn lừa bịp để thành lập chính quyền tay sai của giặc Nhật.

Bị thất bại trong cuộc càn quét lần thứ hai, ngày 21 tháng 6 năm 1945, phát xít Nhật lại mở cuộc tiến công quy mô lớn lần thứ ba vào Ba Bể. Trên đường hành quân, chúng ra sức sục sạo, cướp bóc của cải của nhân dân ta. Song, cũng như hai lần trước đó, giặc Nhật không thực hiện được âm mưu tiêu diệt lực lượng và chính quyền cách mạng của ta. Sau nhiều lần tiến công mà trọng tâm là khu vực Píc Cáy (Mỹ Phương), không phát hiện được mục tiêu, phát xít Nhật lập hai cứ điểm trên hai vị trí quan trọng là huyện lỵ và xã Hà Hiệu, nhằm khống chế con đường Bắc Kạn đi Nguyên Bình (Cao Bằng) và đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân Ba Bể.

Ngoài hai cứ điểm nói trên, Ba Bể bị kiểm soát và bao vây tứ phía bởi hệ thống đồn bốt của quân Nhật đóng ở Bằng Khẩu, Nà Phặc (Ngân Sơn), Phủ Thông và thị xã Bắc Kạn. Tuy chưa có đủ lực lượng và điều kiện để tiêu diệt các cứ điểm của Nhật ở huyện lỵ và Hà Hiệu, nhưng Giải phóng quân và tự vệ các xã đã kịp thời tiến hành các hoạt động quấy rối, phá hoại giao thông, gây khó khăn trong việc tiếp tế và liên lạc của địch. Một vài kẻ từng là tay sai của Pháp, sau đảo chính của Nhật định quay ra ôm chân chủ mới đã bị lực lượng cách mạng cảnh cáo, trừng trị khiến cho quân Nhật ở Ba Bể bị cô lập.

Ở phía nam Ba Bể, Giải phóng quân và tự vệ Bạch Thông liên tiếp mở các cuộc tập kích vào các vị trí đóng quân của Nhật ở Lanh Chang (Quán Bình) và thị trấn Phủ Thông. Ở phía đông Ba Bể, các đồn bốt của giặc Nhật ở Ngân Sơn cũng bị quân ta uy hiếp. Tiến công vào Chợ Đồn, quân Nhật bị chặn đánh ở Bản Pè (Dương Phong). Về phía bắc Ba Bể, quân Nhật bị Giải phóng quân tấn công ở Bảo Lạc (Cao Bằng).

Chiến tranh du kích cục bộ của ta nổ ra ở khắp các địa phương trong và ngoài tỉnh làm cho quân Nhật ở Ba Bể mất khả năng liên kết hỗ trợ cho nhau, nên bị cô lập nghiêm trọng. Lo sợ bị tiêu diệt, từ tháng 7 năm 1945, quân Nhật không dám mở rộng phạm vi kiểm soát mà phải co lại ở huyện lỵ và thị trấn Hà Hiệu.

Cùng đồng thời với đấu tranh chống Nhật, công tác phòng gian bảo mật, giữ gìn trị an xã hội được đẩy mạnh trở thành phong trào toàn dân, tiêu biểu là phong trào ở xã Cao Thượng. Tại đây đã hình thành những nhóm phòng gian, bảo mật "ba nhà", "ba thiếu nhi". Các lực lượng vũ trang đẩy mạnh tuần tra, canh gác, trừ gian, diệt phản động, bảo vệ an ninh xóm làng.

Được động viên tinh thần cách mạng, thanh niên các dân tộc hăng hái tham gia Giải phóng quân và lực lượng vũ trang địa phương. Cho tới lúc Khu Giải phóng thành lập, Ba Bể có một đại đội tự vệ tập trung ở huyện, mỗi tổng có một trung đội tự vệ, riêng tổng

Giáo Hiệu có một đại đội, mỗi xã có từ hai tiểu đội tự vệ được trang bị bằng súng kíp, hỏa mai.

Phong trào luyện tập tự vệ diễn ra sôi nổi ở hầu khắp các xã. Tại Bản Ngũ (Cao Trí), chợ Lèng (Quảng Khê), Giải phóng quân mở các lớp huấn luyện cán bộ chỉ huy cho các cơ sở. Học viên được huấn luyện, nâng cao trình độ tổ chức, chỉ huy, tác chiến, sẵn sàng làm nhiệm vụ chiến đấu, giải phóng quê hương và tham gia tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh.

Về kinh tế, chính quyền nhân dân các xã và huyện cùng phối hợp với Ban chấp hành Việt Minh các cấp đã động viên nông dân đẩy mạnh khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích trồng lúa và hoa màu. Một số địa phương như Thượng Giáo, thị trấn Ba Bể, chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất, trâu cày của bọn phản động tay sai đem chia cho dân cày nghèo, nhờ đó khích lệ mạnh mẽ tinh thần lao động sản xuất trong đồng bào các dân tộc. Thực hiện chính sách kinh tế của Khu Giải phóng, một số hợp tác xã mua bán, vận chuyển hàng hóa ở trung tâm huyện lỵ ra đời. Các mặt hàng nông lâm thổ sản, vải khổ hẹp và thổ cẩm do đồng bào sản xuất được vận chuyển về xuôi để đổi lấy muối, diêm, nông cụ... từ dưới xuôi lên phục vụ đời sống và sản xuất của đồng bào. Trong bối cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam lúc đó, sự ra đời một hợp tác xã mua bán với những phương thức trao đổi hàng hóa như ở Ba Bể, là một điển hình có một không hai của sự nghiệp Khu Giải phóng, có tác dụng tốt trong việc ổn định đời sống, phát triển sản

xuất trong nhân dân. Đồng thời thắng lợi của phong trào sản xuất, phát triển kinh tế ở Ba Bể còn góp phần vào thắng lợi chung làm cho kinh tế Khu Giải phóng đạt "kết quả khả quan"¹ thực sự là "hậu phương vững chắc của Quân giải phóng"², đáp ứng hậu cần tại chỗ cho các lực lượng vũ trang. Chính nhờ sản xuất phát triển, kinh tế ổn định, đồng bào ở các xã mà tiêu biểu là xã Hà Hiệu có điều kiện đóng góp cho cách mạng nhiều lương thực và thực phẩm.

Về văn hóa giáo dục, trước đây đã có một số lớp học do Việt Minh tổ chức, trong điều kiện lịch sử mới, được chính quyền cách mạng các cấp chăm lo xây dựng, phong trào xóa nạn mù chữ trong nhân dân phát triển mạnh. Từ vùng thấp đến vùng cao các xã: Cao Tân, Cao Thượng, Cổ Linh đều có các lớp học xóa mù chữ. Đông đảo bà con các dân tộc đã hăng hái tham gia học tập văn hóa với một ý thức là chủ nhân của chế độ xã hội mới.

Cuộc cách mạng giành lấy chính quyền thắng lợi đã làm thay đổi căn bản bộ mặt xã hội miền núi Ba Bể. Khắp các bản làng, xóm thôn ở đâu cũng tràn ngập một bầu không khí chính trị mới, cách mạng,

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Khu Giải phóng*, Nxb. Cứu quốc, 1946, tr.29.

2. Ban Nghiên cứu lịch sử quân đội thuộc Tổng cục Chính trị: *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam* (dự thảo tóm tắt, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1974, t.1, tr.147.

đoàn kết với tinh thần đồng chí, nghĩa đồng bào, các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao... đều là những người anh em một nhà. Trong khí thế cách mạng sục sôi, trị an được giữ vững, không còn kẻ hống hách, dọa nạt, đè nén nhân dân, không còn trộm cắp, lừa đảo, các tệ nạn xã hội cũng bị cuốn trôi theo dòng rác rưởi của chế độ xã hội cũ. nếp sống mới có văn hóa đang từng ngày nảy nở, nhất là trong thanh niên: ngày sản xuất, chiến đấu, đêm học tập văn hóa, liên hoan lửa trại hát vang những bài ca cách mạng. Cùng với nhân dân các dân tộc Việt Bắc, đồng bào các dân tộc Ba Bể đã bắt đầu được hưởng một cuộc sống mới do cách mạng mang lại.

Cao trào chống Nhật, cứu nước của quân và dân Ba Bể, đến tháng 8 - 1945, phát triển mạnh, thu nhiều thắng lợi trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa giáo dục, trong đó thắng lợi về chính trị và quân sự làm cho phát xít Nhật ở Ba Bể bị bao vây, cô lập. Giữa lúc đó, thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở Trung Quốc đã đẩy quân Nhật đến chỗ tuyệt vọng buộc phải đầu hàng Liên Xô và Đồng Minh không điều kiện. Phát xít Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu bị tê liệt hoàn toàn, chính phủ tay sai Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Chớp lấy thời cơ khách quan thuận lợi ngàn năm có một, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng khai mạc tại Tân Trào (từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945) quyết định phát động toàn dân tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Đại hội Quốc

dân Tân Trào nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua lệnh tổng khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh và 10 chính sách lớn của Việt Minh, cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng tức Chính phủ cách mạng lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Vậy là từ khởi nghĩa từng phần trên căn cứ địa Việt Bắc, cách mạng cả nước đã đi tới bước ngoặt vĩ đại tiến lên tổng khởi nghĩa.

Hòa trong khí thế hào hùng nổi dậy tổng khởi nghĩa của cao trào cách mạng trong tỉnh, ngày 17-8, nhân dân các dân tộc Ba Bể có lực lượng vũ trang huyện và tự vệ thị trấn làm nòng cốt lập tức nổi dậy bao vây và đánh Nhật ở huyện lỵ. Đêm 18-8, quân cách mạng tiến lên bao vây nhà huyện Hàm ở Pạch Pàn (Thượng Giáo).

Tại thị xã Bắc Kạn, Tổng khởi nghĩa Tháng Tám ở trong tỉnh làm cho quân Nhật hết sức hoang mang. Ngày 19-8, đại diện quân Nhật xin gặp đại diện Việt Minh tại Phạc Chàng (cạnh thị xã) xin giao nộp vũ khí mà chúng tước được của Pháp cho Việt Minh, không can thiệp vào nội bộ công việc của Việt Minh, cho chúng được thu gom quân từ các huyện về thị xã¹. Những yêu cầu đó của Nhật được Việt Minh chấp thuận. Thế là kể từ ngày 19 - 8, lính Nhật và bảo an

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Bắc Kạn: *Lịch sử Đảng bộ thị xã Bắc Kạn (1943 - 1995)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.45.

bỏ đồn trại ở Ba Bể, phá vây tháo chạy về thị xã, đến Pù Mát, chúng bị quân và dân ta chặn đánh. Lực lượng tự vệ các xã Yên Dương, Chu Hương, Mỹ Phương phối hợp với lực lượng vũ trang huyện tiến hành các cuộc phục kích địch ở Bản Chu (Chu Hương) diệt 1 lính Nhật, 1 lính bảo an, tại Phiêng Phương (Mỹ Phương), diệt và làm bị thương 4 tên, thu một số vũ khí và 2 ngựa vào ngày 20-8-1945, khiến địch hốt hoảng không dám sục sạo vào các làng bản phải chườn thẳng về tỉnh lỵ.

Sau hai tháng chiếm đóng ở huyện lỵ và thị trấn Hà Hiệu, đến ngày 20 tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật đã hoàn toàn bị quét sạch ra khỏi Ba Bể. Lúc này, tại các huyện khác, quân Nhật cũng đang thu quân rút chạy về tỉnh lỵ. Tình hình hết sức khẩn trương, để giải phóng tỉnh Bắc Kạn, các đại diện của Tỉnh ủy, Tỉnh bộ Việt Minh và chỉ huy Giải phóng quân của tỉnh có mặt ở Ba Bể quyết định tập hợp các đơn vị Giải phóng quân vừa mới thành lập ở Ba Bể cấp tốc tiến xuống giải phóng Phủ Thông và tiến về thị xã giành chính quyền ở tỉnh.

Thắng lợi của cách mạng Ba Bể trong cao trào chống Nhật, cứu nước và Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã tạo nên thế và lực hết sức quan trọng, góp phần xứng đáng của mình vào Tổng khởi nghĩa Tháng Tám ở tỉnh lỵ, buộc quân Nhật phải rút khỏi tỉnh Bắc Kạn ngày 23 tháng 8 năm 1945.

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ BA BỂ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (9-1945 - 7-1954)

I. ĐẢNG BỘ BA BỂ RA ĐỜI LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG

Cùng ngày Bắc Kạn được giải phóng (23-8-1945), đại diện huyện Ba Bể và các huyện trong tỉnh tiến về Phủ Thông (Bạch Thông) để tham dự Hội nghị cán bộ do Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn triệu tập. Trong tình thế khẩn cấp, Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Bắc Kạn và một số công tác trước mắt, nhằm giữ vững chính quyền, ổn định tình hình mọi mặt sau ngày tổng khởi nghĩa ở trong tỉnh thắng lợi. Riêng về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị nêu chủ trương nhanh chóng xây dựng cơ sở đảng, kiện toàn các cấp ủy

huyện, trong đó có Ba Bể. Hội nghị coi đó là nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng trong tình hình mới.

Ngoài số cán bộ lãnh đạo Đảng của Trung ương và Xứ ủy, tỉnh Bắc Kạn trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám có 21 đảng viên. Nhưng cho tới cuối tháng 9 năm 1945, do yêu cầu cách mạng của cả nước, cấp trên điều động một số đồng chí tăng cường cho các tỉnh, nên Bắc Kạn chỉ có 8 đảng viên. Huyện Ba Bể vào thời điểm này chưa có cơ sở đảng. Do vậy, công tác xây dựng cơ sở đảng ở Ba Bể trở thành vấn đề hết sức bức bách và không ít khó khăn vì lực lượng cán bộ, đảng viên ở trong tỉnh quá ít.

Thực hiện chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng để tránh kích thích kẻ thù, sau khi Trung ương Đảng ta tuyên bố tự giải tán, tháng 11 - 1945, Đảng bộ Bắc Kạn rút vào bí mật, lấy danh nghĩa Việt Minh để hoạt động. Song, không phải vì thế mà ảnh hưởng của Đảng bị hạn chế trong nhân dân. Việc Tỉnh ủy thành lập "Hội văn hóa Mác xít", đặc biệt là Ủy ban tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ trương, chính sách của Đảng ở cấp huyện đã tạo ra những thuận lợi về mặt tuyên truyền, tổ chức phát triển đảng ở Ba Bể.

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình, Bắc Kạn là tỉnh phong trào cách mạng mới hình thành, đội ngũ cán bộ ngoài Đảng còn mỏng. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Bắc Kạn chủ trương mở rộng diện đối tượng,

bồi dưỡng kết nạp Đảng trong các hội viên Cứu quốc tiêu biểu đã được tôi luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng trước và sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.

Thực hiện chủ trương trên, Tỉnh ủy đã cử một số đồng chí đã từng hoạt động ở Ba Bể đến vùng Thượng Minh (trong các xã Chu Hương, Mỹ Phương) tuyên truyền, giác ngộ kết nạp được ba đồng chí vào Đảng Cộng sản vào cuối năm 1946¹. Đây là lớp đảng viên đầu tiên của Ba Bể kể từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công.

Tháng 12 - 1946, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn họp hội nghị mở rộng quyết định nhiều vấn đề quan trọng về việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến cơ sở. Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 11 đồng chí (9 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết). Tỉnh ủy cử 5 ủy viên chấp hành xuống 5 huyện lãnh đạo công tác đảng.

Đồng chí Nông Văn Quang² Tỉnh ủy viên được

1. Gồm các đồng chí: Hoàng Văn Tiên (Cao Khài), xã Chu Hương, Nông Văn Thâm (Quốc Lâm) và Nông Thị Phân (Nông Thị Tâm) xã Mỹ Phương - Theo biên bản tọa đàm của Huyện ủy Ba Bể ngày 29 tháng 9 năm 1998.

2. Đồng chí Nông Văn Quang người xã Tam Kim (Nguyên Bình, Cao Bằng, nguyên là cán bộ Nam tiến, thường được gọi là Quang béo để phân biệt với đồng chí Mạc Văn Úc, tức Nông Văn Quang, tức Lý Công... cùng là cán bộ Nam tiến, người xã Minh Tâm (Nguyên Bình, Cao Bằng).

Tỉnh ủy cử phụ trách công tác đảng huyện Ba Bể, giữ cương vị như Bí thư Huyện ủy lâm thời, lãnh đạo toàn diện mọi mặt công tác trong huyện, trong đó, công tác xây dựng Đảng theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy là một trong những công tác trọng tâm.

Chi bộ đầu tiên ở Ba Bể là chi bộ công sở được thành lập vào cuối năm 1946. Tham gia sinh hoạt trong chi bộ này, ngoài những đảng viên công tác tại các cơ quan trong huyện, còn có đảng viên ở các xã được kết nạp từ cuối năm 1946, do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách.

Sự ra đời của Đảng bộ huyện Ba Bể là nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của công cuộc củng cố, bảo vệ chính quyền, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám, làm tiền đề cho cuộc đấu tranh bảo vệ và giải phóng quê hương khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân ta gặp muôn vàn khó khăn, thử thách, vừa phải lo đối phó với nạn đói mới đang đe dọa cùng những thiếu thốn về tài chính, hàng hóa tiêu dùng, tình trạng mù chữ trong nhân dân, vừa phải đối phó với giặc ngoại xâm.

Bắc Kạn là tỉnh không có quân Tưởng đi qua và chiếm đóng. Song, bọn tay sai của Tưởng ra sức lùng sục khắp mọi vùng để tập hợp lực lượng phá chính quyền cách mạng của ta.

Tại Pác Nặm (Bằng Thành) và Dài Khao (Cao Trí)

cách Bản Thi (Chợ Đồn) chừng 40km (là nơi có đông người Hoa), chúng lập ra tổ chức "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" để không chỉ lôi kéo những người gốc Hoa mà cả một số người trong các dân tộc thiểu số ở vùng này tham gia tổ chức tiến hành các hoạt động chống cách mạng. Ở Hà Hiệu, bọn tay sai kéo cờ Tưởng lên giữa thị trấn. Bọn chúng còn len lỏi vào các xã Chu Hương, Mỹ Phương... tuyên truyền trong nhân dân, lôi cuốn những ai nhẹ dạ, cả tin theo chúng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Ba Bể cùng các lực lượng vũ trang nêu cao cảnh giác cách mạng, tố cáo những âm mưu, thủ đoạn của bọn chúng, cô lập và trừng trị những tên đầu sỏ. Sau vụ gây rối của bọn tay sai Tưởng ở Bản Thi (Chợ Đồn) và hoạt động của bọn chúng ở những nơi khác bị lực lượng cách mạng đập tan, đồng bọn của chúng ở Dài Khao, Pác Nặm không dám công khai hoạt động. Mặc dù vậy, một số tên đầu sỏ trong "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" tìm cách liên kết với những tên phản động đang lẩn trốn ở các khu vực đông bắc Ba Bể. Lực lượng vũ trang cách mạng được nhân dân các dân tộc giúp đỡ đã mở cuộc tấn công, song dựa vào rừng núi hiểm trở bọn này tìm cách ẩn náu. Chúng được Tưởng và bọn thực dân Pháp lợi dụng, nuôi dưỡng làm công cụ chống lại chính quyền cách mạng. Một số tên sau này là những kẻ cầm đầu các toán phỉ ra sức hoạt động, gây nhiều tội ác đối với nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, nhân dân các dân tộc Ba Bể tham gia sôi nổi bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiếp đó bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp với ý thức làm chủ nước nhà. Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể chính thức được thành lập¹. Thắng lợi này làm thất bại âm mưu phá hoại chính quyền cách mạng của bọn tay sai Tưởng, củng cố những thành quả của Cách mạng Tháng Tám.

Hưởng về cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của đồng bào miền Nam ruột thịt, con em các dân tộc Ba Bể đã hăng hái tham gia đoàn quân "Nam tiến" vào Nam đánh giặc.

Là huyện miền núi, Ba Bể có thế mạnh của nền kinh tế tự túc, tự cấp và sự "hỗ trợ" của nền kinh tế tự nhiên, vì thế nạn đói trong và sau Cách mạng Tháng Tám ở Ba Bể không đến mức trầm trọng. Mặc dù vậy, hậu quả của chính sách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật làm cho đời sống của đại bộ phận nhân dân rất khó khăn. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Trung ương Đảng, đồng bào các dân tộc ra sức đẩy mạnh phát triển sản xuất, tận dụng đất đai trồng lúa, trồng màu, đồng thời các gia đình lập hũ gạo tiết kiệm. Nhờ đó, đời sống nhân

1. Do Vi Văn Khóa làm Chủ tịch (1946 - 1947). Năm 1948, nhà giáo Tống Văn Vàng làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến, Hoàng Văn Tiên làm Phó Chủ tịch.

dân từng bước ổn định và thiết thực giúp đỡ những gia đình thiếu ăn ở địa phương hoặc bị đói từ dưới xuôi lên.

Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, đồng bào các dân tộc vẫn nêu cao tinh thần yêu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, tự nguyện đóng góp hàng trăm tấm vải, nhiều trâu bò và một số đồ vàng, bạc cho "Tuần lễ vàng", "Quý Độc lập", "Quý Nam Bộ kháng chiến".

Ba Bể có phong trào văn hóa, giáo dục từ trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám, tuy nhiên, tình trạng mù chữ vẫn còn rất nặng nề trong mọi lứa tuổi. Sự ra đời của Nha bình dân học vụ (8-9-1945) theo quyết định của Chính phủ, đặc biệt là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Những người đã biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ... Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo"¹, phong trào học tập văn hóa, chống nạn mù chữ, diệt "giặc đốt" trở nên sôi động trong các làng bản. Nhiều địa phương sau một thời gian mở trường, lớp đã phổ cập trình độ học vấn biết đọc, biết viết trong nhân dân, nhất là ở vùng thấp. Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc là những người đi đầu trong phong trào "diệt đốt". Trình độ văn hóa được nâng lên tạo ra những điều kiện thuận lợi để cán bộ,

1. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.63.

nhân dân hiểu được và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Đồng thời với cuộc vận động thanh toán nạn mù chữ, sự nghiệp giáo dục phổ thông ở trong huyện, đặc biệt là các xã hẻo lánh, được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, mở thêm trường lớp, đào tạo gấp đội ngũ giáo viên tiểu học, tuyển trong thanh niên biết chữ làm giáo viên vỡ lòng, mở lớp dạy tại các thôn xóm để xóa nạn mù chữ ngay từ khi các em còn đang ở độ tuổi đi học, nhưng không có điều kiện cấp sách tới trường, lớp tập trung xa làng bản. Ba Bể là huyện có nhiều cố gắng trong việc mở mang giáo dục kiểu này, nhằm nâng đỡ các vùng sâu, vùng xa, vùng cao, các dân tộc ít người bấy lâu khát khao nguyện vọng con em của mình được cấp sách học hành.

Trải qua hơn một năm hoạt động, kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, những thành tựu mà các cấp ủy và nhân dân các dân tộc Ba Bể giành được, tuy chưa phải là lớn, song nó có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nhờ đó mà quân và dân Ba Bể củng cố và bảo vệ được chính quyền và những thành quả chung của Cách mạng Tháng Tám, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân được ổn định và cải thiện một bước. Những thắng lợi đó là cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ quê hương, xây dựng hậu phương căn cứ địa kháng chiến thần thánh của dân tộc.



- Địa điểm hoạt động của Đài Tiếng nói Việt Nam trong những năm 1947-1953.



II. CHUẨN BỊ CHIẾN ĐẤU, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân ta phải đối phó với bao kẻ thù xâm lược, trong đó nguy hiểm nhất là thực dân Pháp. Vì mong muốn có hòa bình để xây dựng đất nước, chúng ta đã phải nhân nhượng đối với Pháp. Song, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa"¹.

Trước hành động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước nhất tề đứng lên kháng chiến "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" vạch ra đường lối cơ bản cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Đáp ứng lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ba Bể hăng hái tham gia kháng chiến, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

Bước vào kháng chiến, công tác xây dựng dân quân tự vệ, chuẩn bị chiến đấu được Đảng bộ Ba Bể đặt

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr.403.

thành nhiệm vụ hàng đầu. Để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất các lực lượng vũ trang, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Đảng bộ Ba Bể đã chỉ đạo việc thành lập cơ quan quân sự các cấp, ở cấp huyện gọi là huyện đội bộ, ở cấp xã là xã đội dân quân.

Về xây dựng lực lượng, với các xã Cao Tân, Cổ Linh, Cao Thượng, Mỹ Phương có lực lượng vũ trang khá mạnh từ trong Cách mạng Tháng Tám, để đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới, Đảng bộ quyết định thành lập mỗi xã một đại đội dân quân, các xã còn lại, xây dựng ít nhất mỗi xã một trung đội. Mọi việc được triển khai gấp, công tác củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng chỉ trong thời gian ngắn đã hoàn thành. Đông đảo thanh niên trong các tổ chức Cứu quốc đã hăng hái tham gia dân quân tự vệ, làm nòng cốt cho phong trào toàn dân chống giặc. Trung đội tự vệ chiến đấu của huyện được thành lập từ cuối tháng 3 - 1945 đến đầu năm 1947 đã phát triển thành đại đội vũ trang thoát ly. Đội có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo huấn luyện dân quân các xã, trực tiếp bảo vệ các cơ quan trong huyện, sẵn sàng chiến đấu chống quân thù, bảo vệ quê hương.

Bắc Kạn là tỉnh nằm sâu trong căn cứ địa, nên nhìn chung nhận định của Trung ương cũng như địa phương không tránh khỏi những chủ quan cho rằng thực dân Pháp trong điều kiện khó khăn về các mặt chưa có thể mở cuộc tiến công lên Bắc Kạn. Do đó, công tác phá hoại ở Bắc Kạn làm cầm chừng. Căn cứ vào tình hình, đặc điểm địa phương, Ba Bể là huyện

vùng cao, ở xa trung tâm tỉnh lỵ, không có những công trình kiến trúc lớn, nên Đảng bộ Ba Bể trong chỉ đạo công tác phá hoại chủ yếu là một số đoạn cầu đường.

Trước tình hình chiến sự ngày càng gia tăng, Đảng bộ đẩy mạnh thực hiện kế hoạch làm "vườn không nhà trống", vận động nhân dân làm lán sâu trong rừng để cất giấu lương thực, trâu bò và bảo đảm an toàn cho người, nhất là các cụ già, con trẻ không có khả năng tham gia chiến đấu.

Trong khoảng thời gian trước và sau khi thực dân Pháp nhảy dù chiếm đóng Bắc Kạn, huyện Ba Bể trở thành một trong những trọng điểm của tỉnh tiếp nhận các cơ quan Trung ương và đồng bào từ thị xã Bắc Kạn và dưới xuôi tản cư lên. Giúp đỡ các cơ quan Trung ương vận chuyển đồ đạc đến vị trí an toàn trở thành nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể. Đài Tiếng nói Việt Nam với nhiều máy móc, thiết bị nặng, cồng kềnh được đồng bào khiêng, vác đến nhiều địa điểm như Khang Ninh, Cao Thượng, Nả Phồng (Nam Mẫu). Tòa soạn báo *Cửu quốc* được đưa tới bản Hậu (Mỹ Phương), dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân Mỹ Phương nói chung, đồng bào Dao ở Píc Cáy, Vàng Kheo nói riêng để hoạt động. Cho đến khi quân và dân Bắc Kạn trực tiếp chiến đấu chống thực dân Pháp, thị xã Bắc Kạn bị quân địch chiếm đóng, một số cơ quan của tỉnh Bắc Kạn đã chuyển lên Ba Bể ở lâu nhất là tại xã Đồng Phúc. Nhân dân các dân tộc Ba Bể đã giúp đỡ các cơ quan

vận chuyển đồ đạc, nơi ăn, ở, làm việc trong những ngày đầu, khai thác vật liệu, xây dựng nhà cửa cơ quan, kho tàng, trong đó có nhà hội trường ở Đồng Phúc, kho vũ khí ở Mẫu Ninh...

Đồng bào ở thị xã Bắc Kạn và dưới xuôi tản cư kháng chiến lên Ba Bể được chính quyền, đoàn thể và bà con các dân tộc đón tiếp, giúp đỡ nơi ăn, chỗ ở và cả đất đai, dụng cụ sản xuất để đồng bào ổn định đời sống lâu dài, đóng góp sức mình vào công cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc.

Sau khi chiếm đóng các thành phố lớn, các trục đường giao thông quan trọng, Thu - Đông năm 1947, thực dân Pháp tổ chức cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc từ ba hướng: đường không, đường bộ, đường thủy, nhằm chụp bắt cơ quan đầu não kháng chiến, diệt quân chủ lực, phá hủy tiềm năng kháng chiến của ta, dọn đường thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại, hoàn tất chiến lược "đánh nhanh giải quyết nhanh" đi đến kết thúc chiến tranh bằng thắng lợi của quân Pháp.

Vấn đề mà Xa Lãng, Tư lệnh quân Pháp ở miền Bắc Đông Dương kiêm chỉ huy trưởng cuộc tấn công lên Việt Bắc quan tâm là bộ não kháng chiến của ta hiện đang ở đâu? tài liệu tình báo Pháp nói khá nhiều đến một vùng tứ giác Chợ Chu - Tuyên Quang - Chiêm Hóa - Chợ Rã, được đánh giá là trung tâm căn cứ kháng chiến, trong đó, một địa danh được khoanh đậm chỉ đỏ Bắc Kạn, thủ đô chính trị - tinh thần của

Việt Minh. Càng nghiên cứu Xa Lãng càng khẳng định đó là "cái đỉnh" của cuộc hành binh¹.

Gần 8 giờ sáng ngày 7 tháng 10 năm 1947, quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn, Chợ Mới và ngày hôm sau (ngày 8-10) tiếp tục nhảy dù xuống huyện lỵ Chợ Đồn.

Từ Bắc Kạn, quân Pháp tiến lên đánh chiếm Phủ Thông (ngày 15-10), đóng chốt ở ngã tư để kiểm soát cửa ngõ của bốn huyện: Bạch Thông, Ba Bể, Ngân Sơn, Na Rì.

Ngày 16 tháng 10 năm 1947, từ thị trấn Phủ Thông (Bạch Thông), quân Pháp kéo lên chiếm đóng huyện lỵ Ba Bể. Cùng ngày, quân Pháp từ Cao Bằng tiến xuống chiếm đóng Bành Trạch (Ba Bể) kể cả Bằng Khẩu, Nà Phặc, huyện lỵ Ngân Sơn, nhằm bao vây Bắc Kạn, kiểm soát phía đông Ba Bể.

Ngay sau khi quân Pháp mở cuộc tiến công Việt Bắc, ngày 8 tháng 10 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào và các lực lượng vũ trang ra sức đấu tranh tiêu diệt quân thù, bẻ gãy hai gọng kìm của địch, làm thất bại âm mưu bao vây Việt Bắc của chúng.

Ngày 15 tháng 10 năm 1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Phá tan cuộc tiến công mùa

1. Tỉnh ủy Bắc Kạn - Bộ Tư lệnh Quân khu I: *Bắc Kạn với chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947*, 1997, tr.76.

đông của giặc Pháp". Chỉ thị nhấn mạnh phải "làm cho địch thiệt hại nặng nề không thể gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này...".

Ngay từ những ngày đầu khi cuộc chiến xảy ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đã họp và ra những nghị quyết quan trọng nhằm đối phó với tình hình, tổ chức kháng chiến bảo vệ và giải phóng quê hương như di chuyển các cơ quan đến nơi an toàn, giúp đỡ, hướng dẫn nhân dân tản cư, vận động nhân dân làm "vườn không nhà trống", tổ chức phá hoại giao thông, bảo vệ và giúp đỡ nhân dân thu gặt lúa, huy động các lực lượng vũ trang ra chiến đấu với địch.

Với quyết tâm làm thất bại âm mưu của địch, Trung đoàn 72 thành lập năm 1946, cán bộ, chiến sỹ số đông là con em các dân tộc Bắc Kạn, Thái Nguyên thực hiện phương châm "Đại đội độc lập", "tiểu đoàn tập trung" đã phiên chế hai tiểu đoàn 43 và 49 thành các đại đội hoạt động cơ động hầu khắp các huyện trong tỉnh Bắc Kạn. Đại đội độc lập 652 được phân công hoạt động ở khu vực Ba Bể¹ có nhiệm vụ chiến đấu trên địa bàn, giúp đỡ Ba Bể xây dựng, tổ chức, huấn luyện lực lượng dân quân du kích, phát triển chiến tranh du kích rộng khắp...²

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

1. Do đồng chí Ngô Văn Chính Đại đội trưởng và Minh Hồng Chính trị viên chỉ huy.

2. Tỉnh ủy Bắc Kạn - Bộ Tư lệnh Quân khu I: *Bắc Kạn với chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947*, Sdd, tr.174-175.

thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Kạn, được sự giúp đỡ, phối hợp tác chiến của Đại đội độc lập 652, quân và dân Ba Bể, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã nêu cao tinh thần chiến đấu chống Pháp, kiên quyết bảo vệ và giải phóng quê hương.

Khi đoàn xe địch chở quân từ Phủ Thông lên Ba Bể (16-10-1947), dân và quân du kích xã Quang Thành do cán bộ huyện đội bộ chỉ huy nổ súng bắn cháy một xe. Ngay đêm hôm đó, dân quân du kích Ba Bể phối hợp với bộ đội chủ lực tiến công vị trí quân địch ở huyện lỵ diệt hai trung đội địch¹.

Chiếm được Ba Bể, quân Pháp tìm cách khép vòng vây, tiến về Bản Thi (Chợ Đồn) để hội quân với cánh quân do Com muynan chỉ huy ở Đài Thị (Chiêm Hóa, Tuyên Quang). Ngày 18 - 10, gần 300 tên địch có 20 ngựa thồ theo đường mòn từ Ba Bể sang Bản Thi, khi đến Nà Ngàng chúng bị du kích Mẫu Ninh phục kích diệt 3 tên.

Quân Pháp đóng ở huyện lỵ thường xuyên bị quân ta tập kích, quấy rối, hành quân thì bị phục kích, khiến chúng hết sức hoang mang. Kế hoạch "vườn không nhà trống" của nhân dân ta làm cho quân địch không cướp bóc được, bị lâm vào tình thế khó khăn

1. Bắc Thái - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái xuất bản, 1990, tr.108.

về hậu cần. Do vậy, ngày 17 tháng 11 năm 1947¹ thực dân Pháp buộc phải rút hầu hết lực lượng ra khỏi Ba Bể². Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích, phục kích diệt thêm một số tên³. Đồn Bành Trạch vẫn bị quân Pháp chiếm đóng nhằm khống chế con đường giao thông quan trọng Bắc Kạn - Nguyên Bình (Cao Bằng), đồng thời làm chỗ dựa cho bọn thổ phỉ hoạt động.

III. TIẾN HÀNH CUỘC VẬN ĐỘNG TIỂU PHỈ

Các xã phía bắc và đông bắc Ba Bể tiếp giáp với Bảo Lạc, Nguyên Bình (Cao Bằng) núi non hiểm trở, cư dân thưa thớt. Đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Sán Chỉ làm soi bãi, ruộng bậc thang ven các thung lũng, còn đồng bào Dao tiểu bản (Dao đeo tiền), Dao đại bản và H'Mông du canh du cư, phát nương làm rẫy trên các triền núi cao hoặc ở sâu trong các khe núi. Ngoài trồng ngô, lúa, trước đây đồng bào trồng cây thuốc phiện lấy nhựa để hút và để bán; sườn núi, thung lũng có nhiều vạt cỏ nên chăn nuôi đại gia súc

1. Theo *Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn 1945 - 1948* của Tỉnh ủy Bắc Kạn thì đại bộ phận Pháp rút khỏi Ba Bể ngày 17-11-1947, một số tài liệu nghiên cứu lại viết là ngày 16-11-1947.

2. *Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn 1945 - 1948* của Tỉnh ủy Bắc Kạn, lưu trữ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, tr.24.

3. Tỉnh ủy Bắc Kạn - Bộ Tư lệnh Quân khu I: *Bắc Kạn với chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947*, Sdd, tr.175.

ở các xã này khá phát triển. Vì thế, mặc dù kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tại chốn núi cao rừng thẳm này giao lưu mua bán, đổi chác trâu bò, thuốc phiện, động vật hoang dã... vẫn thường xuyên diễn ra với nhiều đường dây buôn lậu giữa vùng thấp với vùng cao và qua biên giới. Chợ Pác Nặm (Bằng Thành) và Chợ Slo (huyện lỵ) trở thành những trung tâm giao lưu kinh tế, kể cả văn hóa của cả khu vực nhiều huyện tiếp giáp nhau thuộc các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Tuyên Quang và Hà Giang. Do vậy, tình hình xã hội nơi đây có nhiều diễn biến phức tạp.

Bão táp của Cách mạng Tháng Tám đánh sụp đổ nền thống trị của đế quốc phong kiến, cuốn trôi đồng rác rưởi của chế độ xã hội cũ, mang lại cuộc sống mới, bình yên cho mọi người. Tuy vậy, chẳng bao lâu sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân lúc tình hình chính trị, kinh tế, xã hội đất nước có nhiều khó khăn, bọn phản động, thổ phỉ ẩn náu nơi rừng sâu hoặc trà trộn trong nhân dân ngóc đầu dậy tìm cách liên hệ móc nối với đặc vụ Tưởng và được Tưởng sử dụng làm công cụ chống phá chính quyền cách mạng. Đến khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc chiếm đóng Bắc Kạn, bọn phỉ ở Ba Bể vì mất chỗ dựa vào quân Tưởng nhảy ra liên hệ với quân Pháp ở Bành Trạch, lấy đó làm chỗ dựa để hoạt động. Thực dân Pháp sử dụng bọn phỉ làm bình phong, cung cấp vũ khí cho chúng để phá hoại hậu phương kháng chiến của ta.

Trong khoảng thời gian quân Pháp tấn công, chiếm

đóng huyện lỵ Ba Bể (từ ngày 16-10 đến ngày 16-11), bọn phi đã bắt đầu hoạt động, song còn dè dặt, lực lượng còn yếu. Từ khi dựa được quân Pháp ở Bành Trạch, quân phi tăng nhanh từ vài chục tên (tháng 11-1947) lên hơn 500 tên (tháng 1-1948). Được quân Pháp chỉ bảo, quân phi tung ra các luận điệu chia rẽ dân tộc, kích động bạo loạn, nói xấu Việt Minh, xuyên tạc các chính sách của Đảng, Chính phủ như các chính sách huy động nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm, đi dân công phục vụ kháng chiến để lôi kéo đồng bào dân tộc, nhất là một bộ phận cư dân trong đồng bào Nùng và Dao đại bản đi theo chúng. Một số đồng bào vì quá nghèo khổ đã bị phi dùng vật chất cám dỗ, số khác bị chúng khống chế, cưỡng bức vào các hoạt động phi như tiếp tế lương thực, thực phẩm, dò la, cung cấp tin tức.

Từ những hoạt động lẻ tẻ cướp của, giết người ở Bành Trạch phía bắc Thượng Giáo, được quân Pháp ở các đồn Nguyên Bình (Cao Bằng), Bành Trạch hỗ trợ, cổ vũ, chúng đẩy mạnh hoạt động trên quy mô lớn, gây nhiều tội ác trong nhân dân, mưu toan chiếm đóng huyện lỵ Ba Bể để phục vụ mưu đồ chính trị của Pháp.

Để đối phó với âm mưu của Pháp và hoạt động ngày càng bành trướng của quân phi, tháng 11-1947, Tỉnh ủy quyết định thành lập Đội võ trang tuyên truyền lên Ba Bể phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Ba Bể thực hiện cuộc vận động tiểu phi.

Ngày 3 tháng 1 năm 1948, các đơn vị tiểu phi của

tỉnh lên tới Ba Bể. Ngay tối hôm đó, lãnh đạo Huyện ủy Ba Bể họp với đại diện Tỉnh ủy và Ban chỉ huy các đơn vị tiểu phỉ của tỉnh để thành lập Liên đội tiểu phỉ bao gồm các đơn vị của tỉnh và lực lượng vũ trang huyện. Hội nghị quyết định kế hoạch mở cuộc hành quân lên các xã phía bắc Ba Bể đánh vào sào huyệt phỉ ở Bản Nghiêng, Pác Nặm.

Sáng ngày 4 tháng 1 năm 1948, bọn phỉ khoảng 300 tên cũng theo kế hoạch của chúng mở cuộc tiến công chiếm huyện lỵ Ba Bể và cơ quan Đài phát thanh Trung ương đóng ở Cao Thượng. Trong tình huống bất ngờ, quân ta nổ súng từ sáng sớm tới trưa, quân phỉ chống cự quyết liệt, phải bỏ mạng 20 tên, một số tên khác bị thương, số còn lại tháo chạy.

Thực hiện kế hoạch của Huyện ủy đã vạch ra, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với bộ đội chủ lực tấn công phỉ ở Pù Chòong (Xuân La) và vùng giáp ranh với Nguyên Bình (Cao Bằng). Tại Bành Trạch, ngày 29 tháng 1 năm 1948, quân du kích Ba Bể phối hợp với bộ đội chủ lực mở cuộc tấn công quân Pháp có khoảng 40 tên đóng ở đầu cầu Tát Pục, đồng thời tập trung lực lượng tiêu diệt quân phỉ có khoảng 100 tên chiếm đóng ở Bản Trà. Trong cả hai trận này, quân ta thắng lớn: quân Pháp bị diệt một số tên, buộc phải bỏ đồn tháo chạy ra khỏi Ba Bể ngày 31 tháng 1 năm 1948¹ số quân phỉ bị quân ta tiêu diệt gần hết.

1. Theo Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn 1945 - 1948 của Tỉnh ủy Bắc Kạn, tài liệu đã dẫn, tr.24.

Tháng 2-1948, quân dân Ba Bể phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh mở cuộc tiến công quân phi ở Lũng Chủ, xã An Thắng, thu nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có hơn 50 con trâu, ngựa mà chúng cướp được của đồng bào ta.

Các sào huyệt của phi liên tiếp bị phá tan khiến nhiều lính phi hoang mang đem gia đình ra đầu thú xin được theo ta, trở lại làng xóm cũ làm ăn lương thiện.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, các làng bản ở lẻ gần nơi phi hoạt động được liên hợp lại và do du kích địa phương bảo vệ, có sự giúp đỡ của du kích thoát ly huyện, trị an xã hội các xã có phi hoạt động trong đó có Yên Minh, Giáo Hiệu dần dần ổn định. Song, nhìn chung công tác tiểu phi thời kỳ này còn thiên về các hoạt động đơn thuần về quân sự, chưa thật chú ý đến việc xây dựng cơ sở chính trị, củng cố chính quyền, đoàn thể quần chúng vùng có phi.

Tháng 2-1948, Tỉnh ủy quyết định rút một số đơn vị bộ đội chủ lực làm công tác tiểu phi ở Ba Bể về mặt trận phía nam, thay vào đó là Đội công an xung phong và Đội võ trang tuyên truyền vừa mới thành lập.

Trong tháng 3, phối hợp với lực lượng tiểu phi Cao Bằng, các lực lượng vũ trang ở Ba Bể tiến công vào các sào huyệt của bọn phi dọc tuyến địa giới Ba Bể -

Nguyên Bình, diệt nhiều sinh lực quan trọng của phi, làm tan rã thêm nhiều hang ổ của chúng.

Để bảo toàn lực lượng còn lại, bọn phi phải bỏ nhiều vị trí quan trọng, rút lên vùng núi cao hiểm trở. Nội bộ chúng lục đục, bọn trùm phi tranh nhau ăn, cắn xé lẫn nhau, ra sức giành giật độc quyền làm tay sai cho Pháp để được chúng nâng đỡ.

Tháng 2-1948, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra nghị quyết đấu tranh chống phi một cách toàn diện. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Ba Bể vạch ra chủ trương, kế hoạch chống phi trên tất cả các mặt chính trị, quân sự và kinh tế, làm cho phi mất khả năng hoạt động, bị cô lập và tiêu diệt.

Về chính trị, phổ biến sâu rộng chủ trương chống phi của Đảng ta cho nhân dân vùng có phi đẩy mạnh phân hóa hàng ngũ phi, giáo dục quần chúng thấy được âm mưu thâm độc của thực dân Pháp, để đồng bào đấu tranh thoát khỏi sự khống chế của phi.

Về quân sự, đưa đội du kích thoát ly của huyện phối hợp với du kích địa phương đóng sát nơi phi hoạt động để tăng cường khả năng kiểm soát, ngăn chặn sự cướp bóc của cải, trâu, bò của phi. Lực lượng công an đẩy mạnh các hoạt động nhằm phát hiện và bắt những tên làm tai mắt cho phi.

Về kinh tế, thực hiện các biện pháp bao vây kinh tế phi, phát muối hoặc bán rẻ cho nhân dân vùng có phi, lệ thuộc vào phi, bị phi khống chế nhằm đưa quần

chúng thoát khỏi ảnh hưởng của phi, củng cố lòng tin của quần chúng vào chính sách của Đảng.

Kết quả của cuộc vận động, chúng ta đã giác ngộ được một số người vì nhiều lý do mà theo phi, trở lại làm ăn lương thiện, hòa nhập trong cộng đồng. Riêng về hoạt động quân sự, Đội du kích Ba Bể¹ diệt và làm bị thương một số tên phi trong cuộc tấn công vào Tát Áng (Yên Minh), Thượng Giáo (tháng 8-1948). Trên mặt trận kinh tế thắng lợi thu được còn nhiều hạn chế, đơn giản là ta không có đủ lực lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu lớn về muối ăn và một số mặt hàng thiết yếu phục vụ cho đời sống nhân dân. Mặc dù vậy, chính sách kinh tế của ta đã bước đầu phát huy tác dụng.

Đánh giá chung trong cuộc vận động chống phi đợt này, chúng ta giành được nhiều thắng lợi, nhất là về mặt quân sự. Trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ở trong tình đang đà phát triển, sau Chiến dịch Thu - Đông năm 1947, quân Pháp liên tục bị quân ta tấn công ở Phủ Thông (Bạch Thông), Bằng Đức (Ngân Sơn) và thị xã Bắc Kạn... chỗ dựa

1. Đội du kích Ba Bể thành lập tháng 3-1948, lúc mới thành lập có 150 cán bộ chiến sĩ, trong đó, lực lượng du kích thị xã Bắc Kạn giữ vai trò nòng cốt. Đây là đại đội du kích đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn, cho tới cuối năm 1948, đã có thêm nhiều trung đội du kích của các huyện tham gia kể cả đơn vị du kích của huyện Ba Bể. Nhờ đó, Đội du kích Ba Bể phát triển thành bộ đội địa phương của tỉnh Bắc Kạn.

của quân phi ở Ba Bể trở nên mỏng manh, hổng hụt. Bọn phi hoang mang trước số phận, không dám tung hoành. Do vậy tình hình Ba Bể từ tháng 4 đến tháng 10 - 1948, tương đối ổn định. Để cứu vãn đội quân phi đang có nguy cơ tan rã, thực dân Pháp tăng cường cung cấp vũ khí, lương thực, thuốc men, củng cố các sào huyệt của phi dọc địa giới Ba Bể - Cao Bằng, nâng đỡ phi hoạt động trở lại tiếp tục quấy phá hậu phương kháng chiến của ta. Pháp hy vọng dùng quân phi đánh chiếm huyện lỵ Ba Bể để dựng lên chính quyền tay sai phục vụ chính sách "dùng người Việt đánh người Việt", "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của chúng và để khuếch trương cho cái gọi là "Liên bang Tày - Nùng miền Bắc Đông Dương" mà Pháp vừa nặn ra (10-7-1948).

Từ trung tuần tháng 8 - 1948, một số tên phi đã tràn xuống Nghiên Loan, hoạt động mạnh nhất của chúng là từ tháng 11-1948, trên một địa bàn khá rộng gồm các xã: Bằng Thành, Giáo Hiệu... Đi tới đâu, phi tiến hành cướp bóc, bắn giết dã man những người dân vô tội.

Sang năm 1949, thực dân Pháp càng ra sức chi viện và kích động quân phi ở Ba Bể hoạt động để thu hút lực lượng chủ lực của ta vào mặt trận chống phi, làm giảm sức tấn công quân Pháp trên các mặt trận dọc quốc lộ 3. Vì thế, quân phi càng có cơ hội để quấy phá. Ngày 17 tháng 1 năm 1949, quân phi kéo xuống Cao Thượng cướp 6 con bò của đồng bào. Ngày 22 tháng 2 năm 1949, hơn 100 tên phi đột nhập vào phía

bắc xã Thượng Giáo, Nghiên Loan, gây tội ác ở Bản Đính, Nhà Nhò, Phía Liêng, Khuổi Nẫu, Pắc Liễn... lực lượng du kích xã Thượng Giáo anh dũng chiến đấu bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Song, vì lực lượng phỉ đông, bất lợi, quân ta buộc phải rút lui. Quân phỉ giết hại 7 người thường dân, trong đó có một tiểu đội phó dân quân, cướp 62 con trâu, bò, 400 gánh thóc, đốt 42 nóc nhà...¹. Tiếp theo, ngày 25 tháng 3 năm 1949, bọn phỉ với lực lượng khá lớn, tiến vào bản Khau Pụt (Thượng Giáo) cướp đi nhiều của cải của nhân dân, uy hiếp huyện lỵ Ba Bể².

Cùng đồng thời với các hoạt động cướp phá của phỉ, quân địch tung tin sẽ tái chiếm Ba Bể, làm cho nhân dân không tránh khỏi hoang mang. Một số đồng bào ở các làng bản gần huyện lỵ chạy tản cư đi nơi khác gặp khó khăn trong sản xuất và tổ chức đời sống.

Trước tình hình trên, cuộc vận động tiểu phỉ lần thứ hai ở Ba Bể lại được đặt ra một cách bức bách. Mục đích tấn công của ta lần này là chia cắt lực lượng phỉ khỏi các vị trí gần nơi đóng quân của Pháp, làm cho phỉ mất chỗ dựa, phá tan các sào huyệt của phỉ, tiêu diệt lực lượng chủ chốt của chúng.

1. Theo bản nhận xét đại cương tình hình thổ phỉ ở Chợ Rã từ tháng 11-1947 đến ngày 12-2-1949. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, tr.1.

2. Theo Báo cáo của Bí thư chi bộ dân quân xã Thượng Giáo gửi Huyện ủy Chợ Rã (ngày 24-2-1949), lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, tr.7.

Để đạt ý đồ quân sự nói trên, ta chủ trương thống nhất lực lượng và kế hoạch tiêu phi tại vùng địa giới ba huyện: Ba Bể, Bảo Lạc và Nguyên Bình (Cao Bằng).

Ngoài lực lượng quân sự tăng cường của tỉnh, Huyện ủy Ba Bể chủ trương phát động toàn dân chống phi, trong đó lực lượng dân quân du kích huyện và các xã giữ vai trò xung kích.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 23 tháng 1 năm 1949, các lực lượng vũ trang của ta bắt đầu mở cuộc công kích vào các sào huyệt của phi ở địa giới Ba Bể - Nguyên Bình. Tại Pác Phan, quân ta bắt sống tên đầu sỏ (Trương Văn Khoóng) đưa về giam tại huyện lỵ chờ ngày xét tội¹.

Cuối tháng 3 - 1949, quân ta bất ngờ mở cuộc tấn công mạnh vào sào huyệt của phi ở Pác Nặm, Bản Nghiêng... diệt nhiều lính phi kể cả những tên đầu sỏ, thu một số vũ khí. Bị một đòn choáng váng, bọn phi sống sót chạy tán loạn. Quân ta tiếp tục truy quét và xóa bỏ các cứ điểm của phi ở sát huyện lỵ.

Đầu tháng 4 - 1949, hai tỉnh Bắc Kạn và Cao Bằng thống nhất kế hoạch lực lượng tiêu phi trên tuyến địa giới phía bắc và đông bắc Ba Bể từ Bảo Lạc đến Nguyên Bình. Tại cuộc họp từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 4 năm 1949, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn ra nghị quyết giao trách nhiệm cho "Huyện Đảng

1. Theo Báo cáo của Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ Chợ Rã gửi Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tr.2.

bộ Chợ Rã phải đặc biệt theo dõi việc này (tiểu phi - TG) và chịu trách nhiệm đứng ra phối hợp các ngành vận động thổ phi ở địa phương dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng¹.

Lực lượng vũ trang ở Ba Bể phối hợp với cuộc vận động quần chúng ở vùng có phi đã ra sức thực hiện nhiệm vụ của Tỉnh ủy giao cho. Quân và dân Ba Bể đã giải phóng nhiều xã, nhiều làng bản thoát khỏi sự cướp phá, khống chế của phi.

Để nâng cao hiệu quả công tác tiểu phi, quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy về việc lập làng bản chiến đấu, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể chỉ đạo các xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Yên Ninh, Bành Trạch... giúp đỡ đồng bào từ chỗ sống phân tán dễ bị phi uy hiếp tập trung lại để có sức mạnh chống phi.

Được Tỉnh ủy quan tâm, các lực lượng vũ trang Ba Bể được tăng cường thêm vũ khí, trang bị, công tác tuần tra canh gác, sẵn sàng chiến đấu quét sạch bọn phi đặt thành nhiệm vụ thường trực của các lực lượng vũ trang nhằm đem lại cuộc sống yên lành cho nhân dân.

Cuộc vận động tiểu phi nửa đầu năm 1949 nhìn chung phát triển thuận lợi. Liên đội tiểu phi không những xóa nhiều hang ổ, tiêu diệt nhiều sinh lực phi

1. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ngày 6, 7, 8 tháng 4 năm 1949. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, tr.5.

mà còn giác ngộ, giúp đỡ quần chúng thoát khỏi nạn phi, vận động được nhiều lính phi ra đầu thú. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Bể được sự chỉ đạo cụ thể của Tỉnh ủy đã đề ra được những chủ trương đúng đắn trong việc chiêu hàng những tên trùm phi ở Bành Trạch, Thượng Giáo. Bằng chính sách khoan hồng, chỉ cho chúng thấy rõ âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp, kêu gọi chúng quay trở về làm ăn lương thiện, từ bỏ việc dẫn thân vào con đường tội lỗi.

Kết quả công tác tiểu phi đợt này, đến giữa năm 1949, đã đem lại sự ổn định ở khu vực vùng núi phía bắc và đông bắc Ba Bể. Tỉnh ủy nhận định lực lượng quân sự của phi đã bị đập tan, do đó quyết định rút bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tỉnh Bắc Kạn về mặt trận đường số 3, giải thể Đội võ trang tuyên truyền và Đội Công an xung phong, nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự xã hội ở Ba Bể được giao lại hoàn toàn cho dân quân du kích Ba Bể.

Nhìn lại cuộc vận động tiểu phi mà trọng tâm là từ đầu năm 1948 đến giữa năm 1949, quân và dân Ba Bể dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy đã anh dũng chiến đấu, phối hợp với bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang tỉnh giành nhiều thắng lợi quan trọng. Chúng ta đã tập trung lực lượng quân sự tiểu phi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng phi trên một địa bàn rộng lớn, hậu phương ổn định, góp phần quan trọng vào việc giải phóng Bắc Kạn.

Tuy vậy, trong công tác tiểu phi chúng ta chưa chú ý đúng mức đến việc vận động, giáo dục quần chúng,

chưa gây được các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Liên Việt và giải quyết những quyền lợi thiết thực của đông bào. Do vậy, mặc dù đã được giải phóng khỏi sự khống chế của phi, số đông đông bào vẫn chưa thoát khỏi cuộc sống cùng cực, đói rét, thiếu tin tưởng vào chính quyền địa phương... Trong quá trình tiêu phi có lúc, có nơi do mơ hồ trong việc xác định, phân hóa kẻ thù đã xử lý tràn lan, gây nên tình hình căng thẳng làm tổn hại đến khối đoàn kết thống nhất dân tộc. Nguyên nhân dẫn đến những thiếu sót này phần do cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa quán triệt đầy đủ chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng, phần do hoàn cảnh kháng chiến có nhiều khó khăn, chưa có đủ điều kiện để cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Những thiếu sót trên không chỉ hạn chế đến thắng lợi của cuộc vận động tiêu phi mà còn bị bọn phi còn sống sót dựa vào thực dân Pháp lợi dụng, khoét sâu mâu thuẫn để tiếp tục nuôi dưỡng các hoạt động chống phá chính quyền, cướp bóc nhân dân trong những năm tiếp theo.

Sau một thời gian tương đối ổn định, tình hình Ba Bể lại trở nên phức tạp. Bọn tay sai phản động, thổ phi trong khu vực (Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang và Cao Bằng) và bọn biệt kích do Pháp thả dù xuống vùng này tìm cách liên hệ, móc nối nhau, gây lại các sào huyệt phi ở Bản Nghiêng, Pác Nặm, Bản Mạ... Dọc tuyến địa giới phía bắc của huyện, quân phi đẩy mạnh các hoạt động cướp của, giết người, chống phá chính

quyền. Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc, bôi nhọ đường lối, chính sách của Đảng ta, dùng vũ lực uy hiếp, lôi kéo đồng bào.

Để phá hậu phương kháng chiến của ta, thực dân Pháp tiếp tục hà hơi, tiếp sức, dùng máy bay thả dù vũ khí cho phi (tháng 9-1953), nên chúng càng ráo riết hoạt động.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương thành lập Đoàn công tác tiểu phi với một cơ cấu, lực lượng mới. Ngoài đại đội bộ đội địa phương của tỉnh và trung đội võ trang tiểu phi (mới tái lập lại), tham gia trung đoàn tiểu phi còn có cán bộ các ngành, các giới, các cấp. Phương châm tiểu phi đợt này là lấy vận động quần chúng vùng có phi khống chế làm nhiệm vụ chính. Nội dung vận động là tuyên truyền, học tập trong nhân dân các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và Điều lệ Mặt trận Liên Việt. Qua tuyên truyền, giáo dục, đưa đồng bào vào các tổ chức quần chúng của Mặt trận Liên Việt, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ gây một không khí chính trị mới, hướng dẫn đồng bào phát triển sản xuất, tổ chức đời sống.

Nhờ đường lối, phương châm hoạt động đúng đắn, cán bộ ba cùng với nhân dân, dần dần chúng ta đã gây được ảnh hưởng và uy tín trong đồng bào, từng bước làm thất bại âm mưu chia rẽ, lôi kéo nhân dân của phi và thực dân Pháp.

Các hoạt động quân sự cũng được tăng cường theo

kế hoạch chung trên địa bàn bốn tỉnh: Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang và Tuyên Quang, nhằm bao vây, cô lập đi đến tiêu diệt hoàn toàn lực lượng phi, trong đó, lực lượng vũ trang Ba Bể giữ vai trò quan trọng đảm nhiệm chiến đấu trên địa bàn của huyện.

Trải qua mấy năm kháng chiến, lực lượng vũ trang huyện Ba Bể từng bước được xây dựng và trưởng thành, trình độ tổ chức, chỉ huy, tác chiến của các trung đội dân quân du kích các xã cho đến đội vũ trang thoát ly của huyện ngày một nâng cao, năng lực hiệp đồng chiến đấu với bộ đội chủ lực qua từng trận đánh chống Pháp, chống phi đạt hiệu quả rõ rệt. Sự phát triển của dân quân, du kích cả về chất lượng và số lượng đã cho phép Ba Bể hàng năm bổ xung hàng trăm chiến sỹ cho bộ đội chủ lực. Kể từ ngày kháng chiến bùng nổ, con em các dân tộc Ba Bể đã có mặt trên nhiều chiến trường ở ngoài Bắc và cả trong Nam Bộ. Đặc biệt Tiểu đoàn Ba Bể - bộ đội địa phương của tỉnh Bắc Kạn có cả một trung đội du kích của huyện Ba Bể tham gia, chẳng những thiết thực làm nhiệm vụ chống phi ở quê hương mà còn đóng góp xứng đáng vào các chiến dịch đường số 3, giải phóng Bắc Kạn. Trong các đợt tuyển quân của tỉnh, đợt nào Ba Bể cũng hoàn thành chỉ tiêu trên giao. Riêng đợt tuyển quân đầu năm 1953, Ba Bể có 45 con em các dân tộc ở các xã Thượng Minh, Thượng Giáo, Cao Thượng, Giáo Hiệu, Yên Linh, Bành Trạch lên đường nhập ngũ. Đến năm 1953, lực lượng vũ trang Ba Bể đạt nhiều tiến bộ quan trọng. Toàn huyện có 336 cán bộ

chiến sỹ dân quân du kích, được trang bị 114 khẩu súng trường với 2.000 viên đạn. Đầu năm 1953, công tác chấn chỉnh các xã đội được tiến hành trên 5 xã chủ yếu: Giáo Hiệu, Thượng Minh, Vinh Quang, Bành Trạch và Quảng Khê. Kết quả của công tác chỉnh đốn đã đưa ra khỏi Ban chỉ huy xã đội những phần tử yếu kém về tư tưởng, chính trị, năng lực chỉ huy chiến đấu, thay vào đó là những đồng chí thuộc thành phần cơ bản, hăng hái trong đấu tranh chống phi, giữ gìn trị an xã hội. Cuộc vận động tiêu phi nhờ đó đạt được những kết quả khả quan.

Đến cuối năm 1954, Ba Bể căn bản quét sạch được lực lượng phi tại các sào huyệt của chúng.

Thắng lợi của công tác tiêu phi ở Ba Bể là thắng lợi của quân và dân ta trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, trong đó hoạt động quân sự giữ vai trò nòng cốt. Với thắng lợi của cuộc vận động tiêu phi, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể góp phần quan trọng vào việc củng cố hậu phương, giải phóng Bắc Kạn, thúc đẩy cuộc "kháng chiến kiến quốc" của dân tộc ta đi đến thắng lợi vẻ vang.

IV. XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH, RA SỨC PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN

1. Đẩy mạnh phát triển đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, củng cố tổ chức đảng.

Kể từ khi Đảng bộ ra đời, mặc dù số lượng đảng viên còn ít, năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng còn

hạn chế, song Đảng bộ Ba Bể đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc tổ chức toàn dân kháng chiến bảo vệ và giải phóng quê hương.

Càng đi sâu vào cuộc kháng chiến, công tác xây dựng Đảng ở Ba Bể càng trở nên bức xúc, nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trên mặt trận chiến đấu, giải phóng quê hương, xây dựng Ba Bể thành hậu phương vững mạnh của cuộc kháng chiến.

Xuất phát từ những đòi hỏi của cuộc kháng chiến ở địa phương, Đảng bộ Ba Bể đã ra sức thực hiện Nghị quyết "Thi đua phát triển Đảng" của Tỉnh ủy Bắc Kạn ra đầu năm 1947. Công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, Cương lĩnh và Điều lệ Đảng đối với cán bộ chủ chốt và thanh niên tích cực ở cơ sở được mở rộng. Qua bồi dưỡng rèn luyện và thử thách, một số đồng chí ở Thượng Giáo, Chu Hương... đã có vinh dự đứng trong hàng ngũ những người cộng sản¹. Tổ chức đảng nhờ đó được củng cố, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được tăng cường thêm một bước.

Qua hai năm cuộc vận động phát triển Đảng, từ năm 1946 đến năm 1947, Ba Bể đã kết nạp được hơn 20 đảng viên nằm trên địa bàn các xã: Chu Hương, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Hà Hiệu, Địa Linh, Xuân La, Nghiên Loan, Yến Dương và thị trấn Ba Bể. Số lượng đảng viên ở các xã sinh hoạt ghép trong chi bộ

1. Đợt hai này có các đồng chí: Ma Thế Trọng, Trần Văn Ma, Bùi Quang Đệ và Lưu Văn Hiền.

công sở ngày càng đông, trong đó một số đồng chí qua phấn đấu, rèn luyện đã trở thành những đảng viên chính thức, theo đề nghị của Đảng bộ Ba Bể, Tỉnh ủy Bắc Kạn nhất trí phê chuẩn thành lập chi bộ Thượng Minh (gồm các xã Chu Hương, Mỹ Phương và Mỹ Hưng). Đây là chi bộ xã đầu tiên của huyện Ba Bể. Tiếp đó chi bộ xã Thượng Giáo cũng được thành lập.

Từ đầu năm 1947, do yêu cầu của công tác tổ chức và lãnh đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lâm thời được thành lập¹. Nhờ đó, công tác phát triển đảng được đẩy mạnh. Thực hiện chỉ thị ngày 28-7-1947 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn triển khai đợt phát triển đảng "Lớp Tháng Tám" nhằm "kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Tháng Tám một cách đặc biệt". Đảng bộ Ba Bể đã có nhiều cố gắng trong công tác phát triển đảng đợt này: tăng về số lượng, song vẫn bảo đảm về chất lượng, đủ điều kiện đứng thủ tục.

Năm 1948, phong trào thi đua phát triển đảng tiếp tục đẩy mạnh trong toàn Đảng bộ. Chỉ tiêu phấn đấu của Huyện ủy đề ra cho mỗi đảng viên là phải có trách nhiệm giúp đỡ và giới thiệu cho Đảng một quần chúng tiêu biểu xứng đáng đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trải qua thời gian tuyên truyền, giáo dục, năm 1948,

1. Ngoài đồng chí Nông Văn Quang (Bí thư), tháng 2 năm 1947, Tỉnh ủy bổ sung thêm đồng chí Đinh Quang Lạp tức Ngọc Sơn làm Phó Bí thư Huyện ủy lâm thời.

Đảng bộ Ba Bể kết nạp được thêm hơn 70 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong huyện lên trên 100 người. Đảng viên mới bao gồm những cán bộ cơ sở, thanh niên ưu tú trong các dân tộc, hăng hái trong các công việc, song nhìn chung trình độ văn hóa, năng lực công tác còn yếu, ở một số đảng viên tính giai cấp của Đảng còn hạn chế.

Lực lượng của Đảng được tăng cường, số chi bộ cũng được nâng lên theo, trong 9 xã (ghép) của Ba Bể, 7 xã có chi bộ. Toàn huyện có 7 xã có chi bộ gồm 5 chi bộ ở 5 xã, 1 chi bộ ghép hai xã, 1 đặc chi (khối chính quyền và Huyện ủy). Trong 7 chi bộ, theo nhận xét của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, năng lực hoạt động, lãnh đạo có những chênh lệch. Chi bộ Thượng Minh tuy lập được chi ủy nhưng năng lực còn yếu, chưa có khả năng tự động công tác. Chi bộ Yên Linh tuy chưa có chi ủy nhưng đã cố gắng tự động công tác, thể hiện được vai trò lãnh đạo của Đảng. Các chi bộ khác hoạt động bình thường, yếu nhất là chi bộ ghép các xã Cao Thượng và Mẫu Ninh, sinh hoạt chưa đều, ít huấn luyện, chưa quán triệt đầy đủ công tác của Đảng ở cơ sở¹.

Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, công tác đảng ở Ba Bể đang đặt ra những nhiệm vụ quan trọng,

1. Theo Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn 1945 - 1948 của Tỉnh ủy Bắc Kạn, tài liệu đã dẫn, tr.13.

trong đó củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy trở nên bức thiết. Theo chủ trương của Đảng bộ, chi ủy ở các xã từng bước được kiện toàn. Trên cơ sở đó, tháng 3 năm 1948, Ba Bể tiến hành Hội nghị đại biểu bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mới¹. Trong hoàn cảnh kháng chiến có thể coi Hội nghị đại biểu lần này như Đại hội lần thứ I của Đảng bộ.

Tham gia trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chủ yếu là cán bộ cơ sở. Ít được huấn luyện, đào tạo, nên năng lực tổ chức lãnh đạo của các ủy viên Ban chấp hành, kể cả đồng chí Bí thư hết sức hạn chế, đã ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy. Trước tình hình đó, đầu tháng 9 năm 1948, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn ra nghị quyết (số 20) về việc chấn chỉnh lại Huyện ủy Ba Bể, đưa các đồng chí có năng lực vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Đảng. Nghị quyết nhấn mạnh: "Việc chấn chỉnh các Huyện ủy nói trên" (Chợ Rã và Na Rì-TG) trong lúc này phải làm ngay². Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ vào tư cách, năng lực, tinh thần đã chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lâm thời Ba Bể gồm 6 đồng chí, do đồng chí Đào Quang Luận làm

1. Do đồng chí Nông Văn Thâm (Quốc Lâm) làm Bí thư.

2. Nghị quyết Tỉnh ủy Bắc Kạn (số 20 NQ/TU) về việc chấn chỉnh các Huyện ủy Chợ Rã và Na Rì.

Bí thư¹. Tuy nhiên, do tình thiếu cán bộ nên số lượng các đồng chí tham gia trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Bể luôn bị biến động². Do vậy, trên thực tế chỉ có 3 đồng chí tham gia trong Ban chấp hành, trực tiếp chỉ đạo mọi phong trào ở địa phương. Tình hình thiếu cán bộ, nhất là trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Bể kéo dài đến hết năm 1949. Song, với tinh thần trách nhiệm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, công tác phát triển, xây dựng Đảng ở Ba Bể đạt nhiều kết quả quan trọng.

Cuối tháng 3-1949, Ba Bể có 225 đảng viên. Như vậy trong ba tháng phát triển, số lượng đảng viên tăng gấp đôi so với tổng số đảng viên của năm 1948. Trong phong trào thi đua lấy thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (tháng

1. Các đồng chí: Ma Thế Trọng Phó Bí thư, Quốc Lâm Ủy viên Thường vụ phụ trách dân vận, Công Minh Ủy viên Ban Chấp hành (BCH); đồng chí Dương Ủy viên BCH, đại biểu quân sự, Trần Mai Ủy viên dự khuyết BCH, phụ trách Tuyên huấn.

2. Theo quyết định của Tỉnh ủy:

- Ngày 14-9-1949, đồng chí Mai lên làm Bí thư Đảng đoàn nông dân tỉnh.

- Tháng 11-1949, đồng chí Quốc Lâm chuyển sang huyện Bạch Thông, tham gia Huyện ủy, Chủ nhiệm Việt Minh, kiêm Bí thư nông dân.

- Ngày 20-4-1949, đồng chí Ma Thế Trọng lên tỉnh dự khóa huấn luyện, sau đó chuyển đi làm Phó Bí thư Huyện ủy Na Rì (đầu năm 1950).

6-1949), từ tháng 3 đến tháng 6-1949, Đảng bộ Ba Bể đã kết nạp được thêm 68 đảng viên. Tổng số đảng viên lúc này là 293 người, trong đó có 149 đảng viên chính thức, 144 đảng viên dự bị, số đảng viên nữ là 29 người chiếm 0,9%, đảng viên thuộc các thành phần dân tộc: Tày có 266 người chiếm trên 90%, Dao có 10 người, Kinh có 7 người và H'Mông có 1 người.

So với các huyện trong tỉnh, năm 1949, Đảng bộ Ba Bể có số lượng đảng viên đứng hàng thứ hai sau Đảng bộ huyện Chợ Đồn. Ba Bể là một trong ba huyện về công tác phát triển đảng được Tỉnh ủy Bắc Kạn đánh giá là "khá về chất lượng", đó là do "các huyện này (Chợ Rã, Chợ Đồn, Na Rì - TG) đã có nền nếp, hơn nữa các chi ủy nói chung cứng rắn hơn và một số chi bộ đã biết tự động mở những lớp huấn luyện cho các đồng chí mới"¹. Đặc biệt Tỉnh ủy đánh giá cao "Những chi bộ tự động công tác đã tiến lên giữ vai trò chủ yếu trong việc phát triển đảng"². Đương nhiên, với Ba Bể cần quan tâm hơn nữa sự phát triển đảng trong các dân tộc ít người và tăng hơn nữa tỷ lệ đảng viên thuộc thành phần cơ bản.

Các xã phía bắc Ba Bể nơi có cơ sở phong trào cách mạng sớm, trong những năm đầu kháng chiến bị phi kháng chế nên công tác phát triển đảng ở vùng này gặp không ít khó khăn. Đến giữa năm 1949, do phát triển được thêm đảng viên mới, cho phép một số xã

1,2. Báo cáo 3 tháng thứ 2 năm 1949 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tr.9,2.

như Yên Ninh, Giáo Hiệu từ chỗ sinh hoạt ghép trong một chi bộ, tách ra thành hai chi bộ riêng, một số tổ đảng tại các xã quanh đó cũng được thành lập. Nhờ đó, chi bộ Đảng dựa chắc được vào dân, đưa đường lối, chính sách của Đảng đến với nhân dân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển đảng ở các xã này.

Ngoài các xã xung yếu, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện còn chú ý phát triển đảng trong du kích nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Đi đôi với công tác phát triển đảng, tổ chức cơ sở đảng cũng không ngừng được củng cố, hoàn thiện. Đến tháng 6-1949, Ba Bể có 12 chi bộ bao gồm 9 chi bộ xã, 2 chi bộ công sở và 1 chi bộ dân quân¹. Trong 12 chi bộ, 8 chi bộ có chi ủy, 7 chi bộ có tổ đảng, 3 chi bộ có năng lực công tác tự động (độc lập). Các xã không có tổ đảng, chi bộ, cũng đã có đảng viên.

Đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể hết sức quan tâm đến việc thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về "tăng cường công tác huấn luyện", đào tạo cán bộ cho cấp ủy đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ chọn những đảng viên trẻ tuổi có tinh thần thoát ly ở một số xã lên huyện dự lớp huấn luyện Huyện ủy viên miền núi do Tỉnh ủy

1. Tháng 5 năm 1951, chi bộ dân quân sáp nhập vào chi bộ công sở.

tổ chức. Bằng cách đó, đội ngũ cán bộ Đảng ở địa phương được tăng cường. Huyện ủy mở lớp huấn luyện cho các chi bộ về chủ trương, đường lối kháng chiến kiến quốc của Đảng, tình hình nhiệm vụ mới, hướng dẫn các cấp ủy cơ sở cách thức làm việc, phê bình và tự phê bình...

Bước sang năm 1950, thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Ba Bể hướng trọng tâm công tác xây dựng Đảng sang củng cố Đảng với các khâu chính: tiếp tục kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo của Huyện ủy trong tình hình mới, Tỉnh ủy chủ trương kiện toàn và thành lập mới các bộ môn giúp việc cấp ủy. Vì lẽ đó, Ba Bể được đổi mới hoàn toàn Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Tháng 11-1949, đồng chí **Vũ** An Ninh được cử làm Bí thư Huyện ủy, phụ trách Đảng vụ, 5 đồng chí khác, mỗi đồng chí phụ trách một ban chuyên môn¹. Các ban Đảng đoàn chính quyền và Mặt

1. Đồng chí Nguyễn Trọng Thượng, Phó Bí thư Huyện ủy phụ trách tài chính.

Đồng chí Mã Tráng, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách quân sự.

Đồng chí Nông Văn Thao, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện phụ trách tuyên huấn.

Đồng chí Hoàng Đại Minh, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện làm Bí thư Ban Chấp hành Nông dân.

Đồng chí Nông Đức Sư, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Đảng bộ huyện phụ trách Mặt trận.

trận cũng được thành lập¹. Việc kiện toàn tổ chức, nâng cao tính giai cấp của các chi ủy, chi bộ cũng đã đặt ra những vấn đề bức xúc. Tính đến tháng 11-1949, toàn Đảng bộ có 9 chi ủy xã với tổng số chi ủy là 47 đồng chí. Tuy nhiên, số đồng chí chi ủy viên thuộc thành phần cơ bản chiếm tỷ lệ còn thấp, nhất là trong ban chi ủy các xã Thượng Minh, Yên Linh, Mẫu Ninh, Quảng Khê, Giáo Hiệu, Yên Minh, Cao Thượng, Vinh Quang và Thượng Giáo. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy trong việc thanh toán các chi bộ yếu kém, đề cao nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới, bồi dưỡng nâng cao ý thức giai cấp công nhân cho toàn thể đảng viên, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo chi bộ đẩy mạnh học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập đạo đức cách mạng, phê bình và tự phê bình.

Cuộc vận động "Rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng" do Tỉnh ủy phát động được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện triển khai thực hiện ngay từ đợt một (từ 15-10-1949 đến 6-1-1950), sôi nổi nhất là đợt hai (từ 6-1 đến 19-5-1950). Hướng về ngày thành lập Đảng và ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các chi bộ đẩy mạnh, thực hiện phê bình và tự phê bình. Qua học tập, tự liên hệ kiểm điểm đã tạo được những

1. Đảng đoàn chính quyền; Bí thư đồng chí Việt và 2 ủy viên Thường vụ; Đảng đoàn Mặt trận: Bí thư đồng chí Đại Minh và 2 ủy viên Thường vụ.

chuyển biến về chính trị, tư tưởng đảng viên, nâng cao vai trò lãnh đạo của các chi bộ, nhiều chi ủy được chấn chỉnh là đưa ra khỏi Ban chi ủy các chi ủy viên yếu kém về tinh thần và tư cách, bổ sung vào chi ủy những đảng viên tích cực, thành phần cơ bản. Kết quả của cuộc vận động chính trị trong Đảng với nội dung trên đã góp phần quan trọng xóa bỏ được các chi bộ yếu kém ở một số xã phía bắc Ba Bể, một số ít đảng viên tư tưởng chuyển biến chậm hoặc mắc khuyết điểm trong sinh hoạt, trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Đảng bị hạ tầng công tác, có trường hợp bị khai trừ ra khỏi tổ chức đảng.

Những cố gắng của Đảng bộ trong công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng mạnh mẽ về chính trị, tư tưởng và tổ chức đã thiết thực nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cấp, các ngành, động viên toàn Đảng, toàn dân góp phần vào chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, đồng thời lập thành tích dâng lên Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2-1951) và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (tháng 6-1951).

Sau một năm củng cố, mặc dù Đảng bộ đạt được nhiều tiến bộ trong nâng cao chất lượng đảng viên, củng cố tổ chức. Song, nhìn chung công việc tổ chức bên trong của nhiều chi bộ còn sộc sệch, ở những chi bộ đã có các tiểu ban chuyên môn, hoạt động còn yếu, còn một số chi bộ, các tiểu ban chuyên môn chưa được

thành lập, mọi việc đều dồn vào chi ủy, hạn chế này chủ yếu là số các chi bộ ở khu vực phía bắc.

Dưới ánh sáng các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ Ba Bể tiếp tục khắc phục những mặt còn hạn chế của các chi bộ, các cấp ủy đảng, nhằm nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của Đảng bộ một cách toàn diện, thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, chính sách của Đảng trong giai đoạn lịch sử mới của cuộc kháng chiến.

Trong chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện coi công tác trọng tâm củng cố Đảng trong thời kỳ này là tiếp tục chấn chỉnh các chi bộ, xây dựng nền nếp và chất lượng sinh hoạt của các chi bộ, tổ chức kiểm tra đảng viên dự bị, giáo dục đảng viên gương mẫu thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm.

Về tổ chức, các chi bộ đảng tiến hành bầu lại cấp ủy, đồng thời tiến hành chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ II của huyện Ba Bể. Đến tháng 6-1952, hầu hết các chi bộ đã được chấn chỉnh và bầu lại cấp ủy, đưa được nhiều thành phần cốt cán và những đồng chí có năng lực vào cấp ủy. Trên cơ sở đó, trung tuần tháng 7-1952, Ba Bể tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II. Đại hội quán triệt sâu sắc nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh trong công cuộc kháng chiến kiến quốc ở địa phương và bầu ra Ban Chấp

hành Đảng bộ huyện mới gồm 5 đồng chí, do đồng chí Bùi Quang Đệ, tỉnh ủy viên dự khuyết làm Bí thư¹.

Để xây dựng Ba Bể thành hậu phương vững mạnh, Đại hội vạch ra phương hướng nhiệm vụ phát huy hơn nữa chính quyền dân chủ nhân dân trên các mặt phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, tập trung sức người, sức của phục vụ kháng chiến... Về xây dựng Đảng, Đại hội đề cao công tác xây dựng Đảng kiểu mới, chú ý bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin, ý thức giai cấp công nhân, đẩy mạnh xây dựng Đảng trong các dân tộc ít người, củng cố tổ chức đảng ở những nơi xung yếu.

Năm 1953, Đảng bộ huyện có 377 đảng viên, được tổ chức thành 9 chi bộ xã, 2 chi bộ công sở và cơ quan, mỗi chi ủy có ít nhất là 3 đồng chí. Cuộc vận động chỉnh đốn chi bộ, đến năm 1953, đạt được nhiều tiến bộ. Các chi bộ xã tiến hành Đại hội đảng, kết hợp với củng cố tổ chức đảng, nhằm chuẩn bị cho việc

1. Đại hội bầu được 7 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy công nhận 5 đồng chí sau đây trong Ban Chấp hành.

- Bí thư Bùi Quang Đệ (cho tới 30-11-1954, đồng chí Lê Thanh Bình nguyên Bí thư Huyện ủy Na Rì sang làm Bí thư Ba Bể thay đồng chí Đệ).

- Phó Bí thư Ma Thế Trọng.

- Hoàng Đại Minh, Ủy viên Ban Chấp hành.

- Ma Văn Cát, Ủy viên Ban Chấp hành (phụ trách quân sự).

- Nông Vinh Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành.

thực hiện cách mạng dân chủ đang được đặt ra. Tại Đại hội các chi bộ đã kiểm tra, xem xét các đảng viên vi phạm chính sách, thiếu gương mẫu trong việc thực hiện thuế nông nghiệp, bổ sung nhiều đồng chí thuộc thành phần cơ bản vào cấp ủy. Nhìn chung, các chi bộ kể cả khu vực phía bắc được chỉnh đốn, củng cố, đã xóa đi sự chênh lệch năng lực lãnh đạo của các chi ủy giữa các vùng.

Bộ máy lãnh đạo của Đảng ở cấp huyện, đến giữa năm 1953, cũng được đổi mới theo hướng tăng cường năng lực lãnh đạo, đề cao uy tín và ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân các dân tộc¹.

Từ năm 1953 đến đầu năm 1954, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ ngày càng đi sâu hơn vào các nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc của Đảng trong thời

1. Đồng chí Nông Vinh Xuân thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kể từ ngày 5-5-1953.

Đồng chí Hoàng Đại Minh thôi Huyện ủy viên Ba Bể theo Quyết định số 30 QĐ-BC ngày 8-5-1953 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung cho Huyện ủy Ba Bể các đồng chí sau:

Đồng chí Lê Anh Dũng, nguyên cán bộ Tuyên huấn Tỉnh ủy làm Huyện ủy viên theo Quyết định số 20 QĐ-BC.

Đồng chí Nguyễn Trọng Thượng nguyên Phó Bí thư Huyện ủy Bạch Thông làm Phó Bí thư Huyện ủy theo Quyết định số 45 QĐ-BC ngày 23-6-1953.

kỳ mới. Cuộc vận động phát động quần chúng đấu tranh giảm tô, gắn liền với việc thực hiện chính sách hậu phương kháng chiến trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của thời kỳ này. Song, nhờ những kết quả đã đạt được của công tác củng cố, chỉnh đốn Đảng tạo nên sự đổi mới về tổ chức và lãnh đạo đã có tác dụng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trên mọi lĩnh vực làm cho Ba Bể thực sự trở thành hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến.

2. Xây dựng hậu phương kháng chiến, phục vụ tiền tuyến.

Do yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, việc xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền sau hơn hai năm kháng chiến đang đặt ra những nhiệm vụ hết sức cấp bách. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (họp từ ngày 6 đến ngày 8 tháng 4 năm 1949) quyết định bầu lại Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, tháng 6 năm 1949, Đảng bộ Ba Bể lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã và huyện, đưa tới đổi mới căn bản bộ máy chính quyền các cấp. Nhiều ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính năng lực yếu kém, thiếu tư cách và trách nhiệm bị loại ra khỏi bộ máy chính quyền, thay vào đó phần lớn là những người hăng hái trong các phong trào và có uy tín trong nhân dân. Bộ máy chính quyền huyện tăng về số lượng (thêm 2 ủy viên so với khóa trước) gồm

7 đồng chí¹ nhằm đáp ứng yêu cầu về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội ở địa phương.

Trong phong trào thi đua chuyển mạnh sang tổng phản công, thực hiện giảm tô, giảm tức... Bắc Kạn đề ra án nghị quyết "chấn chỉnh cấp xã". Thượng Giáo (Ba Bể) là một trong bốn xã chỉ đạo điểm của tỉnh để trên cơ sở đó rút kinh nghiệm, nhân diện rộng.

Mục tiêu của chủ trương "chấn chỉnh cấp xã" là làm cho Hội đồng nhân dân xã, chính quyền cấp xã thực sự là đại biểu cho nhân dân, phục vụ quyền lợi của nhân dân. Để thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ, Đảng bộ huyện chú ý chỉ đạo củng cố chính quyền ở những nơi vừa thoát khỏi sự khống chế của phi, đưa ra khỏi Hội đồng nhân dân và chính quyền xã những phần tử kém, thối nát, những người trước đây là chức dịch cũ nay trở thành những người "lùng chùng" cản trở việc thực hiện chính sách của Đảng, bổ sung đại biểu thuộc thành phần cơ bản và dân tộc ít người và đại biểu phụ nữ vào các cơ quan quyền lực ở xã.

1. Trong khi chờ Ủy ban kháng chiến hành chính Khu công nhận, dựa trên kết quả bầu cử, tháng 11-1949, Tỉnh chỉ định (số 42):

Đồng chí Lý Văn Tân, Chủ tịch.

Đồng chí Nông Công Việt, Phó Chủ tịch.

5 đồng chí ủy viên: Hoàng Văn Khải, Triệu Văn Hiến, Hoàng Văn Thăng, Hoàng Văn Nam, Vi Văn Chu (đại biểu quân sự).

Những thay đổi trên chủ yếu là thành phần, về số lượng ít thay đổi, đến tháng 6-1953, số ủy viên Hội đồng nhân dân xã vẫn là 143 người và 70 người trong Ủy ban kháng chiến hành chính, đủ để đảm nhiệm các mặt công tác ở cơ sở.

Mặc dù đã có những cuộc vận động cải tiến lề lối làm việc, song nhìn chung hoạt động của chính quyền ở nhiều xã còn có những lúng túng và luộm thuộm, đôi lúc thiếu nhạy bén và kịp thời trong việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, nhất là công việc chỉnh lý, bình sản ruộng đất, thực hiện chính sách thuế nông nghiệp. Về năng lực tổ chức, thực hiện qua chấn chỉnh có ba xã Vinh Quang, Bành Trạch, Cao Thượng là tốt hơn cả.

Việc tổ chức các ban ngành chuyên môn trong bộ máy chính quyền xã, công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ được đặt ra một cách cấp bách từ năm 1949. Song vẫn chưa thực sự đáp ứng được những đòi hỏi của công cuộc xây dựng hậu phương kháng chiến. Điều đó có nhiều nguyên nhân riêng công tác chống phi dai dẳng suốt trong mấy năm kháng chiến đã thu hút nhiều tâm sức của Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc.

Củng cố mặt trận dân tộc thống nhất là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ các cấp, nhằm đoàn kết mọi lực lượng thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc của Đảng. Nhưng ở Bắc Kạn mãi tới tháng 8-1948, Tỉnh ủy Bắc Kạn mới quyết

định thành lập Ban vận động xúc tiến thành lập Hội Liên Việt. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, cuối năm 1948, Bắc Kạn đi đến thành lập Ban Chấp hành lâm thời Hội Liên Việt tỉnh.

Ba Bể là huyện có phong trào Việt Minh phát triển mạnh trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám. Trong kháng chiến, mặc dù công tác củng cố Mặt trận Việt Minh ở một số xã bị buông lỏng, song nhìn chung Việt Minh vẫn có ảnh hưởng lớn trong nhân dân. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy (trong phiên họp mở rộng ngày 20-2-1948) chủ trương đề cao Việt Minh, các Hội nông dân, Phụ nữ cứu quốc... ở Ba Bể được củng cố một bước. Riêng Hội liên hiệp phụ nữ tổ chức được thêm 13 phân chi ở phía bắc Ba Bể, mở 36 lớp huấn luyện cho 636 hội viên¹. Song, Hội Liên Việt vì chưa được quan tâm đúng mức nên phát triển yếu.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy (họp từ ngày 26-6 đến 1-7-1949) "Củng cố Việt Minh đề cao Liên Việt", tiến tới thống nhất Việt Minh - Liên Việt, trong cuộc vận động tiểu phẩm trong những năm 1949 - 1950, Đảng bộ Ba Bể đặc biệt quan tâm đến công tác vận động phát triển Liên Việt, nhất là ở vùng có phẩm hoạt động.

Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho các huyện thực hiện thống nhất Việt Minh - Liên Việt, hạn cuối là ngày 19 tháng 8 năm 1950. Với Ba Bể công việc này gặp

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*, Sđd, tr.322.

không ít khó khăn. Một số xã như Yên Minh, Giáo Hiệu... Hội Liên Việt tương đối phát triển, Việt Minh không muốn thống nhất với Liên Việt. Ngay trong cán bộ có người còn quan niệm rằng Hội Liên Việt gồm những người thuộc thành phần không cơ bản nên không muốn chấp nhận sự có mặt của họ trong tổ chức thống nhất. Có xã khi thống nhất, trong Ban Chấp hành lại thiếu đại diện của Hội nông dân. Cắt nghĩa những thiếu sót trên, Tỉnh ủy nhấn mạnh do Điều lệ Liên Việt không được phổ biến đầy đủ đến các xã nên có một số cán bộ, nhân dân không hiểu tổ chức Liên Việt. Để khắc phục tình trạng trên, Tỉnh ủy chỉ đạo: "Viết bài giải thích rõ ràng việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt gửi cho cán bộ dân vận và các xã (chú trọng huyện Chợ Rã)"¹.

Cho tới tháng 5 -1950, Ba Bể mới thống nhất được vài xã², trong khi đó, các giới cứu quốc làm nòng cốt cho sự thống nhất Việt Minh - Liên Việt ở một số xã lại thiếu củng cố và phát triển sâu rộng. Để uốn nắn tình hình trên, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể chủ trương chấn chỉnh các tổ chức quần chúng công, nông, thanh niên, phụ nữ... trong tổ chức Việt Minh và mở rộng Liên Việt trong trí thức, chức dịch cũ,

1. Báo cáo Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng (họp từ ngày 2-4-1950) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn.

2. Theo Báo cáo một tháng (ngày 26-4 - 26-5-1950) và tình hình đặc biệt ở Chợ Rã, Chợ Đồn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn, tr.20.

các hào phú có tinh thần kháng chiến, thực hiện đại đoàn kết toàn dân. Trong chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ nêu biện pháp cho các chi bộ cơ sở phải gắn công tác vận động xây dựng và thống nhất Việt Minh-Liên Việt với cuộc vận động sản xuất, tiểu phỉ ở địa phương và với cuộc vận động chuẩn bị cho Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950, nhất là với tuần lễ "Thi đua giết giặc lập công" do Tỉnh ủy phát động.

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của đội võ trang tuyên truyền của tỉnh, công tác phát triển và thống nhất Việt Minh - Liên Việt của Đảng bộ Ba Bể đã đạt được những kết quả quan trọng. Cuối tháng 8 năm 1950, hệ thống tổ chức Việt Minh - Liên Việt các cấp trong huyện đã thực hiện xong sự thống nhất¹ góp phần đưa tới sự ra đời mặt trận dân tộc thống nhất mang tên Liên Việt của tỉnh Bắc Kạn tại Đại hội Mặt trận của tỉnh tổ chức ở Bản Vài, xã Khang Ninh (Ba Bể). Tuy nhiên, hoạt động của Mặt trận Liên Việt ở Ba Bể nhìn chung còn yếu, bộ máy thiếu hoàn chỉnh. Ở cấp huyện, từ tháng 12-1952 đến cuối năm 1953, Chủ tịch Liên Việt nghỉ vẫn không bổ sung được người thay thế. Bộ máy cấp xã yếu về năng lực, hoạt động rời rạc. Chấp hành chủ trương của Đảng

1. Hội trưởng Liên Việt huyện, đồng chí Cầu, Phó Chủ nhiệm Việt Minh -Hoàng Đại Minh kiêm Đảng đoàn Mặt trận và 3 ủy viên.

Sau khi thống nhất thành Mặt trận Liên Việt, lãnh đạo có 1 chủ tịch và 6 ủy viên.

bộ, cuối năm 1952, Ba Bể củng cố được Mặt trận Liên Việt ở các xã: Bành Trạch, Thượng Minh, Yên Linh, Quảng Khê, đến tháng 5 năm 1953 củng cố được thêm xã Vinh Quang. Những phần tử yếu kém về chính trị, tư tưởng, hoặc thuộc tầng lớp trên ít hoạt động bị đưa ra khỏi Ủy ban Liên Việt, thay vào đó là những người thuộc thành phần cơ bản, có uy tín trong nhân dân.

Nền kinh tế Ba Bể vốn nghèo nàn và lạc hậu, trong kháng chiến thực hiện chủ trương của Đảng: đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc ra sức phát triển kinh tế nông nghiệp, chú trọng sản xuất lương thực, nhằm đáp ứng nhu cầu của địa phương và góp phần cho kháng chiến.

Ngoài trồng lúa, các soi bãi ven sông Năng thuộc các xã Thượng Giáo, Cao Thượng, Mậu Ninh và Quảng Khê đất đai màu mỡ được nhân dân tận dụng trồng ngô gồm vụ mùa và vụ chiêm. Do yêu cầu của sự phát triển kinh tế tự túc, diện tích trồng ngô qua từng năm đều tăng, năm 1950 tăng 15% so với năm 1949; năm 1953 là năm phát động quần chúng giảm tô, hầu hết các soi bãi, ruộng đất để hoang, vắng chủ được chính quyền tạm cấp cho nhân dân nghèo để trồng ngô. Những năm mưa thuận gió hòa được mùa ngô lớn. Ngô chất đầy nhà, cái ăn không phải lo bữa no, bữa đói, nhờ đó mà chăn nuôi lợn, gà phát triển theo. Song, trong gần 9 năm kháng chiến, nhiều trận lụt lớn xảy ra gây thiệt hại nghiêm trọng về mùa màng,

tài sản và tính mạng của nhân dân ven sông, gây khó khăn lớn đến sản xuất nông nghiệp¹.

Ba Bể, trong những năm kháng chiến, được Tỉnh ủy đánh giá là một trong ba huyện (Chợ Đồn, Bạch Thông, Chợ Rã - TG) có phong trào thi đua lao động sôi nổi nhất tỉnh². Hầu hết các gia đình ở Ba Bể lập được chương trình kế hoạch sản xuất nhằm bảo đảm thời vụ. Ngày mùa khắp các bản làng, đồng bào tích cực tham gia phong trào thi đua "Cày sâu bừa kỹ", "Làm cỏ bỏ phân", "Chiến dịch ngày mùa thắng lợi". Đặc biệt năm 1953, phong trào cày ải được tiến hành trong 19 xã, gánh phân xuống ruộng được hầu hết mọi người tham gia. Yển Linh là xã tiêu biểu của huyện về việc thu gom các nguồn phân hữu cơ bón ruộng, xóa bỏ cây chay.

Giúp nhau trong sản xuất là thành tích tiêu biểu

1. Năm 1948, các xã Thượng Giáo, Cao Thượng, Mẫu Ninh, Quảng Khê bị ngập lụt nặng, phá hủy 95% ngô vụ mùa. Ngày 26-5-1950, trận lụt gây ngập úng nặng các xã trên làm thiệt hại 20% ngô vụ mùa. Đầu năm 1953, hạn hán lớn, vụ lúa chiêm mới cấy được 8 bung (bung là đơn vị đo diện tích ruộng của đồng bào Tày, Nùng..., một bung khoảng hơn 2 sào Bắc Bộ), bỏ hoang 152 bung. Ngày 5-6-1953, lụt lớn, gây thiệt hại nặng làm cho 30 gia đình ở Thượng Giáo không còn cái để ăn, 74 gia đình ở Mẫu Ninh lâm vào tình cảnh bị đói nghiêm trọng, nhiều gia đình mất nhà cửa, tài sản, trâu, bò..., ảnh hưởng lớn đến đời sống và sản xuất. Tính chung trong toàn huyện, đợt lũ này làm 247 gia đình bị thiệt hại hoa màu, sản lượng ngô mùa mất 60%.

2. Báo cáo tình hình Bắc Kạn, từ tháng 1 đến tháng 6-1949, lưu trữ tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái, C1, HS21, tr.46.

và điển hình của Ba Bể trong phong trào thi đua toàn tỉnh. Trong mỗi vụ, đồng bào tự nguyện cho nhau vay mượn hoặc giúp không thóc giống, trâu cày, nông cụ... Năm 1952, có 49 hộ người Dao ở phía bắc Ba Bể, trước đây bị phi khổng chế chạy sang Nguyên Bình (Cao Bằng) xin được hồi cư đã được chính quyền, nhân dân sở tại giúp đỡ ổn định nơi ăn, ở, trâu cày và thóc giống.

Phong trào đổi công, vắn công ở Ba Bể có từ năm 1950, đến năm 1954 phát triển mạnh, toàn huyện có hơn 200 tổ, nhóm lao động với hàng ngàn người tham gia¹, góp phần đẩy mạnh sản xuất, nhất là làm các công trình thủy lợi, cấy lúa và thu hoạch. Nhờ có đổi công nên sản xuất kịp thời vụ và tạo điều kiện để bà con thay nhau đi dân công phục vụ cho các chiến dịch, sửa chữa cầu đường.

Về lúa nước từ sản xuất một vụ, năm 1952, phong trào làm chiêm được triển khai, chuyển biến mạnh, nhất là trong vụ sản xuất đông - xuân năm 1953. Cuộc vận động cấy lúa chiêm của huyện được Đảng bộ kết hợp với việc học tập chính sách chính lý thuế nông nghiệp đã thúc đẩy nhiều bà con tham gia sản xuất lúa chiêm nhằm để giải quyết khó khăn về lương thực lúc giáp hạt, vừa để có khoản thóc đóng góp thuế nông nghiệp. Rất tiếc, vụ đông - xuân năm 1953, Ba Bể bị hạn hán nặng, nên chỉ có một số xã cấy được lúa chiêm như Yên Linh, Thượng Minh, Thượng Giáo. Ở

1. Báo cáo tình hình Bắc Kạn, từ tháng 1 đến tháng 6-1949, tài liệu đã dẫn, tr.21.

xã Thượng Minh, mức của huyện giao cho là 60 bung, đồng bào đã tăng diện tích cấy lúa chiêm lên 206 bung nghĩa là tăng lên gấp trên ba lần.

Công tác phát động quần chúng giảm tô đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần lao động sản xuất của đồng bào trong đồng - xuân năm 1953 - 1954. Với những xã vừa thoát khỏi sự khống chế của quân phi, mặc dù gặp nhiều khó khăn vẫn ra sức đẩy mạnh sản xuất.

Ba Bể phối hợp với Ty canh nông chỉ đạo năm xã: Thượng Minh, Yên Linh, Mẫu Ninh, Vinh Quang và Thượng Giáo củng cố, xây dựng mương, phai, bảo đảm nước cho các chân ruộng cấy lúa chiêm và nam ninh, đồng thời giúp đồng bào 4.297kg thóc giống. Nhờ đó diện tích trồng lúa chiêm và nam ninh được mở rộng. Ba xã trồng nhiều nam ninh, nhất là Thượng Minh, Vinh Quang và Mẫu Ninh.

Cùng đồng thời với sản xuất lương thực, đồng bào còn thực hiện kinh tế tự túc trên các mặt như lập tổ rèn sản xuất nông cụ, trồng cói, dệt chiếu, đặc biệt phát triển là nghề trồng bông dệt vải. Năm 1952, Ba Bể trồng được 1.726.120 ống hạt bông giống, thu hoạch được 274.300kg bông có hạt, đứng đầu các huyện trong tỉnh và tăng hơn năm 1951 là 730kg.

Sản xuất phát triển, đời sống nhân dân ổn định đã tạo khả năng đóng góp của đồng bào cho kháng chiến. Ngoài các yêu cầu phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ quê hương, năm 1948, đáp lời kêu gọi của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh "hưởng ứng mùa đồng binh sĩ",

nhân dân các dân tộc Ba Bể góp được 11.994 đồng (giá trị tiền năm 1948), đứng hàng đầu các huyện trong tỉnh, gấp 11 lần so với huyện Nà Rì và 1,5 lần so với huyện Bạch Thông. Năm 1949, trong đấu tranh chống phi, đồng bào đã ủng hộ một khối lượng khá lớn về lương thực, thực phẩm, quà bánh cho đội võ trang¹.

Năm 1950, thực hiện lời hiệu triệu bán thóc nuôi quân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vẫn cố gắng đáp ứng chỉ tiêu thu mua 150 tấn ngô của tỉnh giao cho.

Việc thực hiện chính sách thuế nông nghiệp của Đảng, phần do thiên tai mất mùa, phần do phải đấu tranh chống phi nên đóng góp của nhân dân các dân tộc Ba Bể trong những năm 1951 - 1952 chưa đạt kế hoạch. Năm 1951, mới có các xã Yến Linh, Thượng Minh, Bành Trạch, Cao Thượng hoàn thành chỉ tiêu, các xã khác thiếu ít nhất một phần tư định mức. Sang năm 1952, ngoài 4 xã trên, còn có thêm các xã Vinh Quang, Mậu Ninh, Quảng Khê là những xã hoàn thành kế hoạch thuế nông nghiệp². Mặc dù vậy, toàn huyện Ba Bể mới thực hiện được 700 tấn thuế nông nghiệp, bằng 90,8% số thuế mà huyện đóng năm 1951 và bằng 63,8% kế hoạch năm 1952.

1. Bao gồm 2.250 gốc sắn (tính trung bình mỗi gốc 2kg, số lượng sắn củ đồng bào ủng hộ là 4.500kg), 750 gốc mía, 19 gánh rau các loại, 6 con lợn (lợn thịt), 166 con gà và hàng ngàn phong bánh khảo, bánh dày...

2. 7 xã đóng được 648.800kg, đạt kế hoạch huyện giao.

Ngoài thuế nông nghiệp, năm 1952, đồng bào còn ủng hộ thóc dự trữ nuôi quân theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh được hơn 13 tấn, thóc dự trữ cho bộ đội địa phương 62 tấn.

Tình hình kinh tế, xã hội ở Ba Bể, năm 1953, phát triển thuận lợi hơn, kết quả từng bước của công tác giảm tô thiết thực góp phần ổn định đời sống và khả năng đóng góp thuế nông nghiệp của đồng bào. Thuế mùa hạ năm 1953 tỉnh phân cho huyện 170 tấn, tính đến ngày 31-7-1953, thực hiện được 85,93% kế hoạch. Bốn xã vượt mức huyện giao là Quảng Khê (1,12%), Vinh Quang (1,05%), Bành Trạch 1,04%) và Yên Linh (1,03%). Cho tới thuế vụ mùa năm đó, Ba Bể không những hoàn thành kế hoạch thuế nông nghiệp năm 1953 mà còn thanh toán xong số lượng thuế nông nghiệp nợ tồn đọng của hai năm 1951 và 1952, góp phần xứng đáng của mình vào việc tăng cường tiềm lực cho kháng chiến.

Trong quá trình kháng chiến, sự nghiệp văn hóa giáo dục không ngừng được mở mang. Thời gian đầu kháng chiến việc tổ chức và duy trì các trường lớp có nhiều khó khăn. Số học sinh ở độ tuổi đi học từ vỡ lòng đến hết cấp một còn ít. Đến năm 1952, hầu hết các xã đã có các lớp vỡ lòng, lớp 1 và lớp 2, có một số trường phổ thông cấp một hoàn chỉnh (từ lớp 1 đến lớp 4) ở huyện lỵ và ở một xã thuộc phía đông và đông nam của huyện. Năm 1952 là năm đầu tiên ở Ba Bể có một lớp năm (lớp đầu phổ thông cấp hai hồi đó)

ở huyện lỵ với gần 40 em học sinh, mở ra bước phát triển mới trong sự nghiệp giáo dục ở Ba Bể.

Năm 1953, được coi là năm đánh dấu sự chuyển biến nền giáo dục phổ thông ở Ba Bể. Toàn huyện có 55 lớp với tổng số 1.330 học sinh, trong đó cấp hai có một lớp năm và một lớp sáu¹. Tổng số giáo viên trong huyện là 33 người bao gồm 32 nam và 1 nữ². Toàn huyện có 37 trường.

Tháng 8 năm 1953, Đảng bộ Ba Bể quyết định mở thêm một số lớp học cho con em đồng bào Dao, H'Mông... ở Khau Luông (Cao Thượng), Nà Còi (Bàn Trách), Bản Nghiêng (Giáo Hiệu)³.

Do địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, nên các trường lớp quy mô đều nhỏ, ở vùng sâu và vùng cao mỗi trường thường chỉ có từ một đến hai lớp đầu cấp một. Mặc dù trường lớp còn sơ sài, song nhà trường đã thể hiện bản chất của chế độ giáo dục mới, dân chủ nhân dân, theo chương trình mới, giáo dục toàn diện: đức, trí, thể, mỹ nhằm đào tạo cho địa phương và đất nước những cán bộ có đức, có tài... Một số giáo viên vốn là trí thức cũ chậm chuyển biến về chính trị, tư tưởng, nhất là việc thực hiện dân chủ trong nhà trường bị

1. Gồm 24 lớp một với 714 học sinh, 20 lớp hai có 269 học sinh, 5 lớp ba có 146 học sinh, 4 lớp bốn có 113 học sinh, 1 lớp năm có 55 học sinh và 1 lớp 6 có 33 học sinh.

2. Theo Báo cáo 6 tháng đầu năm 1953 của Đảng bộ huyện Chợ Rã, lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ba Bể, tr.19.

3. Theo Báo cáo một năm 1953 của Đảng bộ huyện Chợ Rã, tr.11.

sa thải, thay vào đó là những giáo viên trẻ, trưởng thành trong cách mạng và kháng chiến.

Đồng thời với sự phát triển giáo dục phổ thông, phong trào Bình dân học vụ cũng được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo xây dựng các trường lớp tại các làng bản để xóa mù chữ trong nhân dân và nâng cao trình độ hiểu biết cho cán bộ. Nhiều lớp học được xây dựng từ cuối năm 1945 và đầu năm 1946, song do điều kiện kháng chiến, chống phi, việc duy trì phong trào, chế độ học tập trở nên thất thường, lúc sôi nổi, khi thì lắng xuống. Quý I năm 1953, toàn huyện có 9 lớp do 9 giáo viên sơ cấp dạy với hơn 100 học viên, các lớp học chủ yếu là đồng bào Dao và Tày, Nùng trong các xã Mẫu Ninh, Quảng Khê và Thượng Giáo. Đến giữa năm 1953, cả huyện chỉ còn lại vài lớp ở vùng đồng bào Dao.

Tháng 9 năm 1953, Đảng bộ Ba Bể quyết tâm củng cố lại phong trào Bình dân học vụ, đã khôi phục được ở Quảng Khê 15 lớp trong đó có 8 lớp chủ yếu là học viên người Tày, 7 lớp dành cho người Dao. Ở Thượng Giáo cũng tổ chức được 3 lớp cho đồng bào Tày.

Về văn hóa xã hội, các cấp, các ngành luôn chú ý quan tâm vận động nhân dân thực hiện nếp sống có văn hóa, văn minh tiến bộ như vận động uống nước đã đun sôi, nằm ngủ mắc màn, làm chuồng trâu xa nhà... Phong trào chống dịch bệnh bảo vệ sức khỏe, mùa màng như diệt sâu, chuột, diệt ruồi, quét dọn làng bản diễn ra sôi nổi trong các làng bản và trường học ở Mẫu Ninh, Yến Linh, Chu Hương...

Thực hiện chủ trương xây dựng đời sống mới của Đảng bộ, hầu hết các xã đã lập được xã ước quy định tổ chức theo đời sống mới về ma chay, cưới xin, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, các tệ nạn xã hội như cờ bạc.

Cuộc kháng chiến càng phát triển và tiến dần tới giai đoạn kết thúc, càng đòi hỏi những đóng góp lớn lao của nông dân. Chính phủ đã ban hành nhiều sắc lệnh, nghị định về kinh tế, tài chính, xã hội nhằm nâng cao một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân, bảo đảm sự huy động sức người, sức của cho kháng chiến.

Thực hiện sắc lệnh giảm tô của Chính phủ (14-9-1949) và chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, công tác giảm tô ở Ba Bể được đặt ra từ năm 1950. Song cuộc vận động giảm tô thực sự mang lại ý nghĩa về chính trị và kinh tế với Ba Bể là từ năm 1952. Xã Thượng Giáo được coi là trung tâm trong công tác giảm tô của huyện. Tại đây, bản cố nông lính canh đã đấu tranh yêu cầu các chủ ruộng phát canh giảm 25% theo quy định của Chính phủ. Xã có 64 món tô đã vận động giảm được 9 món giữa địa chủ với nông dân, 3 món giữa trung nông với bản nông.

Trong quá trình vận động giảm tô, ruộng đất hoang, vắng chủ hoặc của tay sai phản động được đem chia cho dân cày nghèo. Vận động giảm tô ở Ba Bể còn được kết hợp với chỉnh lý thuế nông nghiệp, với các xã phía bắc, vận động giảm tô được kết hợp với cuộc vận động chống phi, nhờ đó mà động viên được tinh thần kháng chiến của đồng bào.

Bước sang năm 1953, Ba Bể tiếp tục đẩy mạnh thực hiện giảm tô 25% đối với địa chủ, phú nông và trung nông lớp trên, giảm dưới 25% đối với trung nông, gồm 63 món tô các loại, được triển khai chủ yếu ở các xã Vinh Quang, Thượng Giáo và Cao Thượng.

Đầu năm 1953, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Mặt trận Liên Việt toàn quốc nhất trí hoàn toàn với đề án "phóng tay phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức" của Đảng Lao động Việt Nam và hiệu triệu toàn dân thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ. Đến tháng 11 năm 1953, Đảng ta công bố Cương lĩnh ruộng đất và quyết định cải cách ruộng đất.

Kể từ khi có chủ trương vận động giảm tô của Đảng, qua các đợt giảm tô, từ đợt một đến đợt ba, huyện Ba Bể đã xúc tiến giảm tô ở gần chục xã, nhưng sôi động nhất vẫn là giảm tô đợt bốn, từ cuối năm 1953 đến đầu năm 1954.

Cuối tháng 6-1953, đoàn cán bộ cấp trên đã tới huyện Ba Bể mở lớp đào tạo, huấn luyện cho 46 cán bộ nắm vững chính sách phóng tay phát động quần chúng, Sắc lệnh ruộng đất của Đảng¹. Tháng 7-1953, công tác tuyên truyền, vận động phóng tay phát động quần chúng được tiến hành, trọng tâm là các xã Thượng Giáo, Thượng Minh, Bành Trạch.

Nội dung cơ bản của cuộc vận động là phân định

1. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1953 của Đảng bộ huyện Chợ Rã, tài liệu đã dẫn, tr.14

thành phần giai cấp ở nông thôn, phát động quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chỉnh đốn tổ chức, củng cố một bước chính quyền dân chủ nhân dân ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc, nhất là những người nông dân nghèo.

Giảm tô ở Ba Bể thực sự mang lại ý nghĩa dân chủ sâu sắc. Quần chúng bàn, cố nông được phát động đã đấu tranh giáng một đòn mạnh vào thế lực kinh tế, uy thế chính trị của giai cấp địa chủ phong kiến. Bàn, cố nông không những được đề cao, mà còn có thêm những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành đã phạm phải một số sai lầm như phân định thành phần giai cấp một cách máy móc, đặc biệt là giảm tô kết hợp với chỉnh đốn tổ chức... Sai lầm làm ảnh hưởng trên cả phương diện kinh tế và chính trị ở địa phương. Chủ trương sửa sai sau đó của Đảng ta được tổ chức học tập sâu rộng trong nhân dân đã xóa đi những thành kiến, mặc cảm, tăng cường khối đoàn kết trong nhân dân các dân tộc.

Ba Bể là huyện nằm sâu trong căn cứ địa, là hậu phương kháng chiến, nên công tác phục vụ kháng chiến giữ vai trò quan trọng. Ngay từ những ngày đầu khi cuộc kháng chiến bùng nổ, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể đã đáp ứng những yêu cầu đặt ra của các cơ quan Trung ương và của tỉnh như cung cấp

lương thực, thực phẩm, vận chuyển đồ đạc, làm lán trại, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, kho tàng.

Trong chiến dịch giải phóng Bắc Kạn, mặc dù Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể còn phải lo tập trung sức lực vào công cuộc tiêu phỉ ở địa phương, vẫn hăng hái thực hiện những đòi hỏi kháng chiến của tỉnh. Ngoài công tác sửa chữa cầu đường, đồng bào còn đóng góp và vận chuyển lương thực, thực phẩm từ Ba Bể qua Hà Hiệu lên Cốc Đán (Ngân Sơn), góp phần tạo nên chiến thắng, đánh đuổi quân xâm lược Pháp ra khỏi Bắc Kạn (9-8-1949).

Hướng về cuộc chiến đấu của quân và dân ta trong Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950, đồng bào các dân tộc Ba Bể cùng đồng bào trong tỉnh ra sức sửa đường, đóng góp và vận chuyển lương thực cho tiền tuyến. Riêng sửa đường, trong ba tháng đầu năm 1950, đã thu hút hơn 6.500 dân công trong toàn tỉnh tham gia. Nhờ đó, đến tháng 4 năm 1950, đường số 3 từ Thái Nguyên đến Ngân Sơn (Bắc Kạn) đã thông xe đảm bảo kịp thời cho cuộc chuẩn bị Chiến dịch Biên giới.

Ngày 21 tháng 9 năm 1950, Tỉnh ủy tiếp tục phát động "Tuần lễ thi đua giết giặc lập công", đồng bào các dân tộc Ba Bể đã ra sức đóng góp sức mình vào sửa đường và vận chuyển lương thực, được tỉnh đánh giá là huyện khá nhất¹.

Sau chiến thắng biên giới năm 1950, căn cứ địa

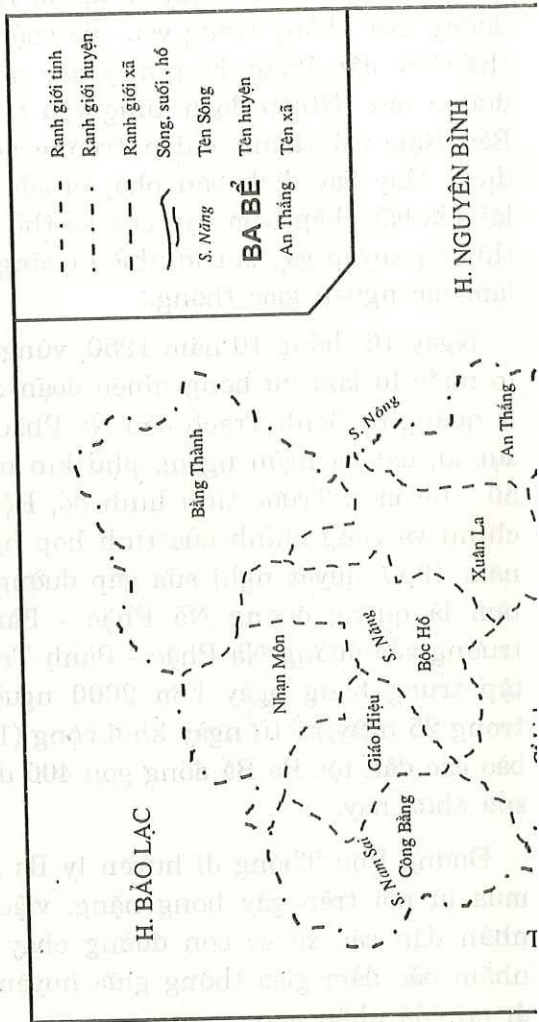
1. Theo Báo cáo của Tỉnh ủy Bắc Kạn về "Tuần lễ thi đua yêu nước giết giặc lập công" phát động ngày 21-9-1950, tr.6.

kháng chiến Việt Bắc được củng cố, quan hệ quốc tế được thông thương, mở rộng, quốc lộ 3 từ Cao Bằng qua Bắc Kạn, Thái Nguyên về Hà Nội trở thành con đường giao thông trọng yếu của cuộc kháng chiến. Vì thế thực dân Pháp dùng máy bay ra sức bắn phá con đường này. Nhiều đoạn xung yếu trên quốc lộ 3 qua Bắc Kạn trở thành chiến trường ác liệt giữa ta và địch. Máy bay địch bắn phá, ta sửa, địch lại phá, ta lại sửa bất chấp bom đạn của kẻ thù. Ngoài ra mưa lũ thường xuyên gây sụt lở nhiều quãng đường hiểm yếu làm tắc nghẽn giao thông.

Ngày 16 tháng 10 năm 1950, vùng Bắc Kạn có mưa to nước lũ làm hư hỏng nhiều đoạn đường số 3, nhất là quãng từ Bành Trạch đến Nà Phặc, nhiều đoạn núi sụt lở, đất đá ngổn ngang phủ kín mặt đường dài từ 50 - 60 mét. Trước tình hình đó, Hội nghị quân dân chính và công chính của tỉnh họp ngày 24 tháng 10 năm 1950, quyết nghị sửa gấp đường số 3, mà trọng tâm là quãng đường Nà Phặc - Bành Trạch. Công trường sửa đường Nà Phặc - Bành Trạch hình thành, tập trung hàng ngày hơn 2000 người, làm liên tục trong 25 ngày, kể từ ngày khởi công (1-11-1950). Đồng bào các dân tộc Ba Bể đóng góp 400 dân công cho đợt sửa chữa này.

Đường Phủ Thông đi huyện lỵ Ba Bể cũng bị trận mưa lũ nói trên gây hỏng nặng, việc sửa chữa được nhân dân các xã có con đường chạy qua giải quyết, nhằm bảo đảm giao thông giữa huyện với tỉnh và sự đi lại của nhân dân.

BẢN ĐỒ HUYỆN BA BỂ - BẮC KẠN NĂM 1997



Chủ trương của Đảng bộ huyện trong khi thực hiện chế độ dân công vẫn phải bảo đảm sản xuất. Vào ngày mùa, nơi nào chưa gặt có thể huy động tối đa lao động nữ và có thể tuyển một phần ba lực lượng du kích tham gia sửa chữa cầu đường, đồng thời vận động nhân dân thu hoạch mau vụ mùa để ra công trường. Để đáp ứng lực lượng nhân công ngày càng lớn trong các chiến dịch sửa đường, Đảng bộ Ba Bể tăng cường chỉ đạo xây dựng và phát triển các nhóm, tổ đổi công sản xuất, giúp đỡ những gia đình có người đi dân công.

Năm 1951, tỉnh giao trách nhiệm cho Ba Bể phải thường xuyên tu bổ đoạn đường Nà Phặc - Bành Trạch đi Nguyên Bình (Cao Bằng). Huyện Ba Bể đã huy động hai đợt dân công với số lượng lớn. Riêng đợt hai, huyện giao cho ba xã: Cao Minh, Vinh Quang, Bành Trạch làm nhiệm vụ khai thác đá từ dưới suối, vận chuyển lên mặt đường để sửa chữa đoạn đường từ Nà Phặc đến km 227¹.

Năm 1952, do liên tiếp bị thất bại trên các chiến trường, thực dân Pháp đẩy mạnh việc phá hoại hậu phương kháng chiến của ta. Quốc lộ 3 trở thành mục

1. Xã Cao Minh phụ trách từ Nà Phặc đến km 206, khai thác và vận chuyển 135m³ đá dăm, 50m³ đá hộc.

Xã Vinh Quang sửa đoạn từ km 206 - 208, khai thác, vận chuyển 325m³ đá dăm, 75m³ đá hộc.

Xã Bành Trạch tu bổ từ đoạn km 218 - 177, lấy lên mặt đường 70m³ đá dăm, 70m³ đá hộc từ suối Bành Trạch.

tiêu bắn phá ác liệt của địch. Chúng ta thả gần 4.000 quả bom các loại từ 50 - 500kg, trong đó có 273 quả bom nổ chậm theo những thời gian khác nhau xuống nhiều quãng đường quốc lộ số 3 mà Đèo Giàng là trọng điểm.

Để giải tỏa ách tắc giao thông do địch phá hoại nặng nề đoạn Đèo Giàng trên quốc lộ 3, chúng ta mở con đường phụ từ Phủ thông qua Vi Hương lên Nà Phặc (Ngân Sơn) dài 9.600 mét. Phát hiện tầm quan trọng của con đường này, địch ra sức bắn phá, nhất là đoạn đèo Vi Hương. Chính quyền các cấp Ba Bể đã huy động một lực lượng lớn nhân dân thường xuyên có mặt trên quãng đường này. Từ cuối tháng 8 năm 1950, nhiều lúc dân công tập trung tới 500 người sửa chữa suốt ngày và đêm. Đồng bào các dân tộc Ba Bể và các huyện trong tỉnh đã đóng góp sửa chữa con đường này trong kháng chiến đến gần một vạn ngày công.

Năm 1953, hậu phương Ba Bể được củng cố một bước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Ba Bể ra sức đóng góp sức người, sức của khôi phục con đường số 3, nhằm bảo đảm nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ cho kháng chiến. Từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1953, Ba Bể huy động 795 người ra sửa chữa cầu đường, đó là chưa kể 200 người nhận các nhiệm vụ xây thóc cho các kho ở Quảng Khê, Mẫu Ninh, phát đường, xây dựng cơ quan tỉnh ở Mẫu Ninh. Ở Ba Bể, từ tháng 5 đến tháng 6 hàng năm, nhân

dân vùng ven sông Năng thường xuyên phải lo đối phó với lũ lụt bất thường. Song, nhiều xã vẫn bảo đảm và vượt mức chỉ tiêu dân công của huyện giao cho. Riêng xã Vinh Quang trong đợt dân công mùa hè 1953 vượt 57 người. Trên công trường, đồng bào đã nêu cao tinh thần lao động quên mình, vượt mọi khó khăn gian khổ, bất chấp cả bom đạn của kẻ thù. Trên công trường làm đường ở Cao Kỳ, hai dân công: một ở xã Vinh Quang và một ở xã Thượng Minh đã hy sinh vì bom địch.

Từ tháng 7 đến tháng 8, 1953, công việc đồng áng có phần thư thả hơn, chủ yếu là làm cỏ, bỏ phân, cho phép huyện huy động tới 689 người, đạt hơn 86% so với kế hoạch tỉnh giao, làm liên tục 30 ngày trên công trường sửa chữa đường quốc lộ 3. Bước vào tháng 9, công việc ngày mùa bắt đầu bận rộn, huyện Ba Bể vận động được 247 người ra công trường sửa chữa đường, ngoài ra còn có 307 người được cử làm các công việc xây dựng lán trại, làm nhà kho, xí nghiệp của tỉnh ở trên địa bàn huyện.

Cuộc vận động phóng tay phát động quần chúng giảm tô đã có tác dụng tích cực, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến kiến quốc trong nhân dân. Năm 1953, toàn huyện đã huy động được 2.333 dân công vào việc khôi phục đường xá, cầu cống, góp phần quan trọng bảo đảm giao thông trên quốc lộ 3 và trên địa bàn huyện.

Trải qua chín năm kháng chiến chống thực đế



Hội nghị Hội thảo Lịch sử cách mạng Ba Bế

Pháp xâm lược, thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể vượt mọi khó khăn, gian khổ đã giành được nhiều thắng lợi trên các mặt, góp phần xứng đáng của mình vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Trong chiến thắng lẫy lừng, chấn động địa cầu của quân và dân ta ở Điện Biên Phủ có sự đóng góp công sức, máu xương của con em các dân tộc Ba Bể.

KẾT LUẬN

Tạo hóa làm cho Ba Bể không chỉ có đồng ruộng, soi bãi, sông suối mà còn có nước non hùng vĩ, có hồ Ba Bể, một danh lam thắng cảnh đẹp có một không hai ở vùng núi phía bắc nước ta. Con người Ba Bể hồn nhiên, chất phác, hào hiệp trong các quan hệ anh em, đồng chí, bầu bạn, luôn giữ mối quan hệ xóm làng, thông minh và sáng tạo, cần cù trong lao động, anh dũng trong đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai, đồng bào các dân tộc Ba Bể phải chịu bao cảnh đè nén, bóc lột, đời sống tối tăm cực nhọc. Đó chính là nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy đồng bào vùng lên đấu tranh giành tự do và độc lập.

Trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám, Ba Bể trở thành một địa bàn chiến lược quan trọng trên con đường "Nam tiến" đánh thông và nối liền căn cứ địa Cao Bằng với phong trào cách mạng Thái Nguyên và dưới xuôi nhằm xúc tiến chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Được sự lãnh đạo trực tiếp của cán bộ, đảng viên

trong phong trào "Nam tiến" và "Tây tiến" xuất phát từ căn cứ địa Cao Bằng theo chủ trương của lãnh tụ Hồ Chí Minh, với truyền thống yêu nước, nhân dân các dân tộc Ba Bể đã hăng hái tham gia Mặt trận Việt Minh và các lực lượng vũ trang ở địa phương, bất chấp sự khủng bố dã man của kẻ thù.

Trong cao trào chống Nhật cứu nước, đồng bào các dân tộc có lực lượng vũ trang làm nòng cốt đã tiến lên đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai, đập tan mọi âm mưu của phát xít Nhật, thành lập chính quyền của nhân dân. Ba Bể là huyện thành lập được chính quyền cách mạng cấp huyện sớm nhất của tỉnh Bắc Kạn. Đồng thời Ba Bể cũng là một trong những huyện của tỉnh Bắc Kạn trong cao trào chống Nhật cứu nước, quân và dân các dân tộc đã đập tan cuộc tiến công lớn nhất của phát xít Nhật, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng, bảo đảm an toàn cho cuộc hành trình của lãnh tụ Hồ Chí Minh từ căn cứ địa Cao Bằng qua Ba Bể về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang), góp phần quan trọng vào thắng lợi Cách mạng Tháng Tám ở trong tỉnh.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), nhân dân các dân tộc Ba Bể dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Ba Bể đã anh dũng đứng lên chống giặc Pháp xâm lược, bảo vệ quê hương, tiến hành cuộc vận động tiêu phi, củng cố và xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh mọi mặt. Gần chín năm kháng chiến, lớp lớp thanh niên Ba Bể đã lên đường tòng quân giết giặc trên các chiến trường. Đồng bào ở hậu

phương ra sức phục vụ mọi nhu cầu kháng chiến, trong đó nổi lên là sự đóng góp sức người, sức của, sửa chữa cầu đường bảo đảm giao thông trong mọi tình huống, bắt chập bom đạn của địch, đáp ứng kịp thời cho tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Đảng bộ và nhân dân, các dân tộc Ba Bể hết sức tự hào về những trang sử truyền thống của mình trong Cách mạng Tháng Tám và Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Phát huy truyền thống yêu nước đó, nhân dân các dân tộc Ba Bể dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã góp phần xứng đáng của mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Hướng về lý tưởng cao đẹp của Đảng, vì tự do và độc lập, trong quá trình vận động Cách mạng Tháng Tám, nhiều hội viên Việt Minh trưởng thành trong phong trào trở thành những cán bộ lãnh đạo ở địa phương. Đồng chí Bàn Văn Hoan, một hội viên Việt Minh ưu tú, người dân tộc Dao được chi bộ Nam tiến diu dắt đã trở thành người đảng viên Cộng sản đầu tiên của huyện Ba Bể. Đồng chí đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng để lại tấm gương cao đẹp cho các thế hệ đảng viên sau này.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, một số cán bộ, hội viên Cứu quốc ở Thượng Minh đã có

MỘT SỐ ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO TIỀN THÂN CỦA
ĐẢNG BỘ HUYỆN BA BỂ (BẮC KẠN)



Đ/c Nông Văn Quang,
phụ trách công tác
đảng huyện Ba Bể
(1946-1947)



Đ/c Nông Văn Thâm
(tức Nông Quốc Lâm),
phụ trách công tác
đảng huyện Ba Bể
(1947-1948)



Đ/c Đào Quang Luận,
Bí thư Huyện ủy lâm
thời (1948-1949)



Đ/c Bùi Quang Đệ,
Bí thư Huyện ủy Ba
Bể (1950-1952)

vinh dự đứng trong hàng ngũ những người cộng sản. Đó là lớp đảng viên đầu tiên của huyện Ba Bể được xây dựng dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn. Do yêu cầu tất yếu của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc ở địa phương, đầu năm 1947, được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện Ba Bể thành lập, đánh dấu bước chuyển biến quan trọng đối với tiến trình phát triển của huyện Ba Bể.

Trải qua những năm tháng kháng chiến đầy hy sinh, gian khổ, Đảng bộ Ba Bể từng bước trưởng thành về mọi mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Các cuộc vận động củng cố, chỉnh đốn các chi bộ đảng, nâng cao chất lượng đảng viên không những làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng mà còn để lại nhiều kinh nghiệm tốt cho công tác xây dựng và phát triển đảng sau này:

1. Không ngừng bồi dưỡng, nâng cao giác ngộ chính trị, tư tưởng và trình độ văn hóa cho mỗi cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng.

2. Đẩy mạnh phát triển đảng trong các dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, địa bàn hẻo lánh nhằm tổ chức, động viên, lãnh đạo phong trào cách mạng quần chúng ở những vùng này ngày càng phát triển mạnh mẽ, thực hiện thắng lợi mọi chủ trương đường lối, chính sách của Đảng. Nhờ những kinh nghiệm này, trong kháng chiến chống Pháp và cuộc vận động tiêu

phỉ ở Ba Bể giành được thắng lợi, hậu phương kháng chiến được củng cố.

3. Là huyện có nhiều dân tộc ít người cùng sinh sống, trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào quần chúng, Đảng bộ phải có những chủ trương, chính sách cụ thể đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của đồng bào, đồng thời ra sức thực hiện khối đoàn kết các dân tộc tạo nên sức mạnh của cách mạng.

Trên nửa thế kỷ đã trôi qua, Đảng bộ Ba Bể đã từng bước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng của Đảng vì mục tiêu tự do, độc lập và hạnh phúc của nhân dân. Trong quá trình ấy, Đảng bộ cũng không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Những hạn chế, thiếu sót trong tổ chức lãnh đạo của các cấp ủy hoặc sự yếu kém của một số ít đảng viên từng bước được khắc phục. Ý tưởng cao đẹp của Đảng trở thành động lực thúc đẩy công tác xây dựng và phát triển Đảng ngày càng đạt được nhiều tiến bộ. Toàn Đảng bộ luôn phấn đấu vươn lên xứng đáng vai trò là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân, được nhân dân tin yêu.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng bộ đã và đang nêu cao quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội ở Ba Bể, phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời giới thiệu</i>	7
<i>Chương mở đầu: BA BỂ - QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG</i>	11
<i>Chương I: BA BỂ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1930 - 1945)</i>	24
I. Ba Bể trong phong trào cách mạng ở Việt Bắc	24
II. Công cuộc xây dựng lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa	30
III. Tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền, đẩy mạnh cao trào chống Nhật, cứu nước (tháng 3-1945 - tháng 8-1945)	48
<i>Chương II: ĐẢNG BỘ BA BỂ TRONG CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (9-1945 - 7-1954)</i>	67
I. Đảng bộ Ba Bể ra đời lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng	67
II. Chuẩn bị chiến đấu, giải phóng quê hương	75
III. Tiến hành cuộc vận động tiêu phi	82
	139

IV. Xây dựng hậu phương vững mạnh ra sức

phục vụ tiền tuyến

97

Kết luận

134

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19. Tại Xưởng in Nxb. Thế giới.
Giấy phép xuất bản số 27/GP-XB Sở Văn hóa Thông tin
Bắc Kạn. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2-1999.